



**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT VIỆT – ĐỨC**

**BÁO CÁO
KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ
TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022**

Hà Tĩnh, tháng 10 năm 2022

MỤC LỤC

PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT	4
VIỆT – ĐỨC HÀ TĨNH	4
1. Lịch sử phát triển:	4
2. Thành tích nổi bật:	6
1.Thông tin khái quát về Khoa Công nghệ thông tin – Kinh tế	7
3. Thông tin về Chương trình đào tạo.....	7
PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	11
I. Tổng quan chung.....	11
1.1. Căn cứ tự đánh giá	12
1.2. Mục đích tự đánh giá	12
1.3. Yêu cầu tự đánh giá	12
1.4. Phương pháp tự đánh giá	13
2. Tự đánh giá.....	14
2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng	14
2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn.....	22
PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	85
PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ	86
I. Đề xuất.....	86
II. Kiến nghị.....	86
PHỤ LỤC	Error! Bookmark not defined.
Phụ lục 1. Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô:.....	87
Phụ lục 2. Kế hoạch tự đánh giá chất lượng Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô:	89
Phụ lục 3. Bảng mã minh chứng:.....	1

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

TT	Từ viết tắt	Nội dung
1.	BGH	Ban giám hiệu
2.	Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
3.	GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
4.	CB, VC, GV, NV	Cán bộ, Viên chức, Giảng viên, Nhân viên
5.	HSSV	Học sinh, Sinh viên
6.	Khoa CNÔTÔ	Khoa Công nghệ ô tô
7.	P. QLĐT&ĐBCL	Phòng Quản lý đào tạo và Đảm bảo chất lượng
8.	TTĐT, BD>VL	Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm
9.	P.HC-TH	Phòng Hành chính – Tổng hợp

**PHẦN A: GIỚI THIỆU TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
VIỆT – ĐỨC HÀ TỈNH**

I. THÔNG TIN CHUNG

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh

Tên tiếng Anh: Vietnam - Germany Technical College of Ha Tinh

Cơ quan chủ quản: Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh

Địa chỉ trường: 371 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Du - TP Hà Tĩnh

Số điện thoại: 02393690195

Số Fax:

Website: <http://vdht.edu.vn>

Email: Guinhanvanbanvdht@gmail.com

Năm thành lập trường: 2002

Năm thành lập trường Cao đẳng Nghề Việt – Đức Hà Tĩnh: 2007

Năm đổi tên trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh: 2017

Loại hình trường đào tạo: Công lập

**II. THÔNG TIN KHÁI QUÁT VỀ LỊCH SỬ PHÁT TRIỂN VÀ THÀNH TÍCH
NỔI BẬT CỦA TRƯỜNG**

1. Lịch sử phát triển:

Năm 1997: Chuẩn bị tiếp nhận dự án hỗ trợ đào tạo nghề tại Hà Tĩnh do Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức viện trợ;

Năm 1999: Thủ Tướng Chính phủ ký quyết định số 1072/1999/QĐ-TTg về việc phê duyệt dự án đầu tư xây dựng trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh

Năm 2000: Dự án được triển khai thực hiện trên cơ sở kết quả trao đổi công hàm giữa 2 Chính phủ Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và CHLB Đức (công hàm số 6072 BKH/KTDN Bộ KHĐT và công hàm số 172/2000 Đại sứ CHLB Đức)

Năm 2002: Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh được thành lập tại Quyết định số 919/QĐ/UB-TC ngày 3/5/2002 của UBND tỉnh Hà Tĩnh. Trường đã thực hiện tuyển sinh khóa I (2002-2004)

Năm 2007: Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được thành lập tại Quyết định số 1871/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức thành lập ngày 03/5/2002 tại Quyết định số: 919/QĐ/UB-TC ngày 03/5/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

Năm 2017: Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được đổi tên tại Quyết định số 1471/QĐ-LĐTĐ ngày 15/09/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh.

Trường được tiếp nhận dự án hỗ trợ đào tạo nghề do Chính phủ Cộng hòa Liên bang Đức viện trợ theo Hiệp định của hai Chính phủ về hỗ trợ phát triển với Dự án có tổng số vốn đầu tư 104 tỷ VNĐ; Hàng năm trường được đầu tư thêm bằng nguồn vốn chương trình mục tiêu Quốc gia và nguồn tự có. Trường có cơ sở vật chất trang thiết bị đồng bộ, tiên tiến tiếp cận thiết bị dạy học của các nước phát triển đáp ứng tốt cho mục tiêu đào tạo chất lượng. Đã được đầu tư thiết bị công nghệ cao: Tự động hóa, Thủy lực khí nén, Cơ điện tử, Cắt gọt CNC; Hàn MIG, MAG, Hàn TIG...Hệ thống nhà xưởng và phòng học lý thuyết được xây dựng từ đầu và hàng năm tiếp tục đầu tư xây dựng đáp ứng yêu cầu quy mô đào tạo. Trường được đánh giá Dự án hợp tác thành công trong lĩnh vực đào tạo nghề có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt nam.

Đội ngũ Giáo viên giảng dạy đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và thường xuyên được đào tạo bồi dưỡng nâng cao về chuyên môn và nghiệp vụ Sư phạm, biên soạn chương trình, giáo trình, tài liệu giảng dạy. Đến thời điểm hiện nay, trường có 48 nhà giáo có trình độ Thạc sỹ, 2 nhà giáo có trình độ Tiến sỹ.

Chương trình đào tạo được áp dụng đầy đủ theo chương trình khung được Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội đã ban hành. Chương trình đào tạo và Giáo trình đã được Nhà trường đầu tư chỉnh sửa, biên soạn đáp ứng yêu cầu giảng dạy các hệ Cao đẳng và Trung cấp theo nhu cầu thị trường đào tạo.

Từ quy mô đào tạo ban đầu 128 học sinh năm 2003 đến nay đạt quy mô trên 2000 học sinh hệ đào tạo chính quy. Từ năm 2008 đến năm 2013, hàng năm Trường tuyển mới trên 1000 học sinh, sinh viên Cao đẳng nghề và Trung cấp nghề Hệ chính quy, từ năm 2014 đến năm 2015 trường luôn tuyển sinh đạt trên 780 HSSV, năm 2019 trường tuyển sinh đạt trên 1650 HSSV, năm 2020 trường tuyển sinh đạt trên 1500 HSSV, năm 2021 trường tuyển sinh đạt trên 1000 HSSV. Trường cũng đã thực hiện tốt mục tiêu đào tạo gắn với sản xuất, đào tạo gắn với nhu cầu của doanh nghiệp. Học sinh ra trường trên 90% được các đơn vị sản xuất tiếp nhận vào làm việc và có thu nhập ổn định. Trường được nhiều trường dạy nghề trong cả nước đến học tập rút kinh nghiệm, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh trong và ngoài tỉnh gửi gắm con em vào học.

Trường đang thực hiện nhiệm vụ đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ: Cao đẳng, Trung cấp và Sơ cấp.

Liên kết đào tạo: Trường liên kết với Viện Đại học Mở Hà Nội, Đại học Điện lực, Đại học Sư phạm Kỹ thuật Vinh. Mở các ngành Kế toán; Luật kinh tế, Điện lực, Sư phạm công nghệ.....

Trường cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh từ ngày đầu thành lập và hoạt động do có đầu tư nước ngoài và Tỉnh tập trung đầu tư về vốn, chuyên gia nước ngoài

nên trường có bước tiến vượt bậc được đánh giá cao về chất lượng đào tạo. Thành tích của trường đã được ghi nhận, liên tục trong các năm được đón nhận các danh hiệu cao quý như: Huân chương Lao động Hạng 3 của Chủ tịch nước năm 2007; Bằng khen Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ LĐ-TB&XH nhiều năm liền, cờ thi đua xuất sắc và nhiều Bằng khen của UBND tỉnh. Năm 2015 trường được nhận cờ thi đua do UBND tỉnh Hà Tĩnh với thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ năm học 2014 – 2015, năm 2017 trường vinh dự được nhận cờ thi đua xuất sắc của Bộ LĐTB-XH. Trường đã có 09 giáo viên đạt giải giáo viên dạy giỏi nghề cấp Quốc gia trong 5 lần tham dự năm 2006, 2009, 2012, 2015, 2018, 2021; 04 Giáo viên đạt giải nhất tại hội thi thiết bị dạy nghề toàn quốc năm 2013, 2022; 2 giáo viên đạt giải 3 tại hội thi thiết bị dạy nghề toàn quốc năm 2022; 8 giáo viên đạt giải khuyến khích tại hội thi thiết bị dạy nghề toàn quốc năm 2016 và 2019, 04 học sinh đạt giải thi tay nghề học sinh giỏi toàn quốc. Trường được UBND tỉnh và các cấp các ngành đánh giá là lá cờ đầu trong lĩnh vực đào tạo nghề của tỉnh.

Năm 2014 trường vinh dự được lựa chọn một trong 45 trường nghề cho đề án phát triển trường chất lượng cao đến năm 2020 và những năm tiếp theo. Đây là ghi sự ghi nhận những kết quả mà nhà trường đã đạt được trong những năm qua đồng thời là cơ hội lớn cho sự phát triển của nhà trường trong thời gian tới.

2. Thành tích nổi bật:

Trong những năm qua, đặc biệt là từ khi được nâng cấp thành trường Cao đẳng nghề, nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh. Dưới sự lãnh đạo của Ban chấp hành Đảng ủy, Ban Giám hiệu, cùng với sự quan tâm chỉ đạo trực tiếp của Tổng cục giáo dục nghề nghiệp, Tỉnh ủy, UBND tỉnh Hà Tĩnh và sự đoàn kết, nhất trí, nỗ lực phấn đấu của tập thể cán bộ CNVC - giáo viên và học sinh sinh viên, nhà Trường đã hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Tập thể nhà Trường liên tục được công nhận Trường tiên tiến xuất sắc của Bộ, được Đảng, Nhà nước và các đoàn thể Trung ương tặng nhiều phần thưởng cao quý:

- Huân chương Lao động hạng Ba năm 2007;
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND Tỉnh Hà Tĩnh năm 2005;
- Cờ thi đua xuất sắc của UBND Tỉnh Hà Tĩnh năm 2021;
- Cờ thi đua xuất sắc của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội năm 2017;
- Nhiều năm liền được tặng Bằng khen của UBND tỉnh Hà Tĩnh và Bộ LĐTB&XH;
- Hai đồng chí được nhà nước tặng thưởng huân chương lao động hạng ba;
- Ba đồng chí được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ;
- Hai giáo viên được trao tặng giải thưởng Nguyễn Văn Trỗi;

- Nhiều tập thể và cá nhân được tặng bằng khen của Thủ tướng chính phủ và bằng khen của các Bộ, Ngành trung ương và tỉnh Hà Tĩnh;

- Giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia: 01 giải nhì, 05 giải ba, 04 giải khuyến khích;

- 4 giáo viên đạt giải nhất tại hội thi thiết bị dạy nghề toàn quốc năm 2013, 2022; 2 giáo viên đạt giải 3 tại hội thi thiết bị dạy nghề toàn quốc năm 2022

- Tám giáo viên đạt giải khuyến khích tại hội thi thiết bị dạy nghề tự làm toàn quốc 2016 và 2019;

- Ba HSSV đạt 1 giải 3 và 3 giải khuyến khích giỏi nghề toàn quốc.

III. GIỚI THIỆU VỀ KHOA CÔNG NGHỆ Ô TÔ

1. Thông tin khái quát về Khoa Công nghệ ô tô

+ Lịch sử phát triển:

Tiền thân của Khoa Công nghệ ô tô là một tổ bộ môn thuộc Khoa Cơ khí của trường Dạy nghề kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh kể từ năm 2002, nay là Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh được thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh. Năm 2012, trên cơ sở tách nghề CNÔTÔ thành Khoa Công nghệ ô tô. Khoa Công nghệ ô tô Có chức năng đào tạo đội ngũ kỹ thuật sửa chữa, bảo trì, bảo dưỡng xe ô tô; tham mưu cho Hiệu trưởng xây dựng kế hoạch chiến lược đào tạo các mã ngành do khoa quản lý;

Nhiệm vụ chính của khoa bao gồm giảng dạy nghề: Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng, Trung cấp và sơ cấp;

Tham gia nghiên cứu khoa học: tham gia các đề tài NCKH, SKKN; ứng dụng kỹ thuật công nghệ vào quá trình dạy nghề và tham gia các hoạt động sản xuất kết hợp đào tạo;

Thực hiện việc biên soạn chương trình, giáo trình, học liệu dạy nghề. Tổ chức nghiên cứu đổi mới nội dung, cải tiến phương pháp dạy để nâng cao chất lượng đào tạo;

Tổ chức các hoạt động nâng cao trình độ cho đội ngũ Giảng viên của Khoa như: sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên đề, hội thi giảng viên giỏi, dự giờ, thăm lớp, kiểm tra đánh giá chất lượng giảng dạy của giảng viên theo học kỳ, năm học;

Quản lý giảng viên, nhân viên của đơn vị mình;

Quản lý học sinh sinh viên thuộc đơn vị mình;

Quản lý, khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trang thiết bị theo quy định của nhà trường, đề xuất các giải pháp xây dựng kế hoạch bổ sung, bảo trì thiết bị, máy móc;

Phối hợp với các đơn vị chức năng thực hiện công tác thanh, kiểm tra đào tạo;

+ **Cán bộ, giảng viên cơ hữu của khoa gồm:**

TT	Họ và tên	Giới tính	Năm sinh	Chức danh	Trình độ	Chuyên môn
-----------	------------------	------------------	-----------------	------------------	-----------------	-------------------

1	Đoàn Minh Hiến	Nam	1966	Trưởng khoa	Thạc sỹ	CN Ô tô
2	Nguyễn Hoài Đức	Nam	1981	Phó trưởng khoa	Thạc sỹ	CN Ô tô
3	Trương Văn Giám	Nam	1966	Phó trưởng khoa	Thạc sỹ	CN Ô tô
4	Mai Văn Nam	Nam	1982	Giảng Viên	Thạc sỹ	CN Ô tô
5	Nguyễn Mậu Hạnh	Nam	1980	Giảng Viên	Cử nhân	CN Ô tô
6	Nguyễn Phạm Bình Bắc	Nam	1980	Giảng Viên	Thạc sỹ	CN Ô tô
7	Trịnh Hữu Dân	Nam	1982	Giảng Viên	Cử nhân	CN Ô tô
8	Hồ Nam Đức	Nam	1989	Giảng Viên	Cử nhân	CN Ô tô
9	Võ Hồng Chiến	Nam	1992	Giảng Viên	Thạc sỹ	CN Ô tô
10	Nguyễn Thị Bồng	Nữ	1990	Văn thư	Cử nhân	Luật kinh tế
11	Phan Thị Thu Hằng	Nữ	1989	Giáo vụ khoa	Cử nhân	Tiếng Anh

+ Thành tích nổi bật:

Khoa luôn luôn được nhận sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Lãnh đạo nhà trường cùng với sự đoàn kết, nhiệt tình, năng động tập thể giáo viên và học sinh; từ khi thành lập đến nay, khoa đã thu được những thành tích, kết quả đáng khích lệ như:

- 01 giải nhì, Hội thi thiết bị dạy nghề tự làm tỉnh 2013.
- 04 giải giáo viên giỏi cấp tỉnh: 1 giải nhất, 1 giải nhì, 01 giải 3, 01 giải khuyến khích năm 2009, 2015, 2018, 2020;
- 1 giáo viên đạt giải 3 cấp quốc gia 2015;
- Nhiều năm liên tục được tặng đơn vị tập thể lao động tiên tiến.
- 1 năm được vinh danh tập thể lao động xuất sắc cấp tỉnh năm và 2019-2020;
- Được tặng 02 Bằng khen của Chủ tịch UBND Tỉnh năm 2015-2016 và 2020-2021.

Hàng năm khoa tổ chức thực hiện các đề tài khoa học và đề tài tốt nghiệp được đông đảo giáo viên và sinh viên tham gia và đạt thành tích cao.

- Tham gia 01 đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh năm 2020;

Hầu hết các học sinh sinh viên của khoa sau khi tốt nghiệp đều có việc làm ổn định tại các khu công nghiệp, công ty, nhà máy trên toàn quốc như: Công ty ô tô Hoàng Hà, Hon Da, Toyota, các gara trên địa bàn tỉnh. Công ty Fomosa...

2. Thông tin về Chương trình đào tạo

Chương trình chi tiết của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đã được ban hành theo Quyết định số 295/QĐ-CDNVĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Nghề Việt – Đức Hà Tĩnh.

Khối lượng kiến thức và thời gian khóa học:

- Số lượng môn học, mô đun: 34
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 95 Tín chỉ
- Khối lượng kiến thức toàn khóa học: 2700 giờ
- Khối lượng các môn học chung/đại cương: 450 giờ
- Khối lượng các môn học, mô đun chuyên môn: 2250 giờ
- Khối lượng lý thuyết: 925 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1686 giờ

3. Nội dung chương trình

Mã MH/ MĐ	Tên môn học, mô đun	Số tín chỉ	Thời gian học tập (giờ)			
			Tổng số	Trong đó		
				Lý thuyết	Thực hành/ thực tập/ thí nghiệm/ bài tập/ thảo luận	Thi/ kiểm tra
I	Các môn học chung		450	428		22
MH 01	Chính trị	5	90	85		5
MH 02	Pháp luật	2	30	28		2
MH 03	Giáo dục thể chất	3	60	57		3
MH 04	Giáo dục quốc phòng	4	75	71		4
MH 05	Tin học	4	75	71		4
MH 06	Ngoại ngữ	4	120	116		4
II	Các môn học, mô đun đào tạo nghề bắt buộc					
II.1	Các môn học, mô đun kỹ thuật cơ sở		258	182	62	14
MH 07	Dung sai lắp ghép và đo lường	3	50	47		3

	kỹ thuật					
MH 08	Vẽ kỹ thuật	3	50	47		3
MH 09	An toàn lao động, Thiết bị xưởng	2	32	11	19	2
MĐ 10	Thực hành nguội cơ bản	2	48	15	31	2
MĐ 11	Thực hành hàn cơ bản	2	48	15	31	2
MH 12	Công nghệ khí nén thủy lực ứng dụng	2	30	28		2
II.2	Các môn học, mô đun chuyên môn nghề		1992	315	1624	53
MĐ 13	Kỹ thuật chung về ô tô	2	52	15	35	2
MĐ 14	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu trục khuỷu - thanh truyền	3	100	15	82	3
MĐ 15	Sửa chữa - bảo dưỡng cơ cấu phân phối khí	2	48	15	31	2
MĐ 16	Sửa chữa - BD hệ thống bôi trơn và làm mát	2	48	15	31	2
MĐ 17	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ xăng	2	48	15	31	2
MĐ 18	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống nhiên liệu động cơ diesel	3	80	15	62	3
MĐ 19	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống khởi động và đánh lửa	3	80	15	62	3
MĐ 20	Sửa chữa - bảo dưỡng trang bị điện ô tô	3	80	15	62	3
MĐ 21	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống truyền động	3	100	15	82	3
MĐ 22	Sửa chữa-bảo dưỡng hệ thống lái và di chuyển	2	48	15	31	2
MĐ 23	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống phanh	2	48	15	31	2
MĐ 24	Kỹ thuật sửa chữa vỏ xe	2	60	15	43	2

MĐ 25	SC&BD HT điều hòa không khí	2	60	15	43	2
MĐ 26	Vận hành chạy thử.	2	60	15	43	2
MĐ 27	Thực hành mạch điện cơ bản	3	100	15	82	3
MĐ 28	Sửa chữa - BD hệ thống phun xăng điện tử	3	80	15	62	3
MĐ 29	Sửa chữa - BD bơm cao áp điều khiển bằng điện tử	3	80	15	62	3
MĐ 30	SC&BD hộp số tự động	3	80	15	62	3
MĐ 31	Sửa chữa - bảo dưỡng hệ thống phanh ABS	2	60	15	43	2
MĐ 32	Kỹ thuật kiểm định ô tô	3	80	15	62	3
MĐ 33	Chẩn đoán ô tô	3	100	15	82	3
MĐ 34	Thực tập xí nghiệp	6	500		500	
	Tổng	95	2700	925	1686	89

PHẦN II: KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

1. Tổng quan chung

1.1. Sự cần thiết của hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

Thực hiện tốt và thường xuyên công tác tự đánh giá chất lượng và đánh giá chương trình đào tạo theo đúng yêu cầu của Thông tư 15/2017/TT-BLĐT BXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH và công văn hướng dẫn số 454 ngày 25 tháng 3 năm 2019 về 50 tiêu chuẩn trong 07 tiêu chí kiểm định chất lượng, nghĩa là đánh giá đúng thực trạng toàn bộ các hoạt động chung của Trường và công tác hoạt động đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Khoa Công nghệ ô tô. Qua đó, Khoa Công nghệ ô tô có cơ sở để đề xuất nhà trường tạo điều kiện đảm bảo chất lượng cho các hoạt động chung của trường trong từng năm, giúp cho Khoa và nhà trường từng bước phát triển, nâng cao chất lượng đào tạo.

1.2. Vai trò của hoạt động tự đánh giá chất lượng

Thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp của Tổng Cục giáo dục nghề nghiệp từ năm 2018 đến nay theo quy trình tự đánh giá của thông tư 28/2017/TT-BLĐT BXH ngày 15/12/2017. Do vậy trong năm 2022, Khoa Công nghệ ô tô tự đánh giá một cách toàn diện các hoạt động theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn thống nhất của TCGDNN. Từ kết quả tự đánh giá, Nhà trường sẽ mời Đoàn đánh giá ngoài để

đánh giá khách quan hơn về mức độ chất lượng đào tạo của chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô.

1.3. Căn cứ tự đánh giá

Để thực hiện công tác tự đánh giá chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô, Trường căn cứ vào các công văn chỉ đạo, hướng dẫn như sau:

- Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng GDNN;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN;

- Hướng dẫn đánh giá các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng CTĐT trình độ trung cấp, cao đẳng năm theo hướng dẫn của Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25/03/2019;

- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô số 147/KH-CĐKTVĐ ngày 05 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh.

1.4. Mục đích tự đánh giá

Tự đánh giá là một khâu quan trọng trong hoạt động kiểm định chất lượng GDNN, nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo nghề hiện tại và để đăng ký KĐCL CTĐT trình độ cao đẳng đối với cơ quan kiểm định chất lượng. Hoạt động tự đánh giá góp phần nâng cao nhận thức của CCVC, GV và HSSV trong Khoa Công nghệ ô tô về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng CTĐT.

Tự đánh giá nhằm xác định mức độ thực hiện như: mục tiêu, chương trình, nội dung giáo trình dạy học, cơ sở vật chất, trang thiết bị thực hành, dịch vụ cho người học của nhà trường và các điều kiện học tập của học sinh sinh viên, công tác giảng dạy của giảng viên so với bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng.

Phát hiện các điểm không phù hợp cần cải thiện trong thời gian ngắn và dài hạn, qua đó giúp trường hoạch định chiến lược phát triển các nguồn lực trong từng giai đoạn, tiến tới xây dựng trường trở thành trường chất lượng cao.

1.5. Yêu cầu tự đánh giá

Căn cứ điều 14 TT 28/2017/TT-BLĐTBXH về yêu cầu tự đánh giá, Khoa tiến hành công tác tự đánh giá chất lượng phải đảm bảo các yêu cầu cụ thể sau:

Đảm bảo đánh giá toàn bộ hoạt động của cơ sở giáo dục nghề nghiệp, chương trình đào tạo.

Có sự tham gia của tất cả đơn vị, cá nhân có liên quan của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Đánh giá theo hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp hiện hành và các hướng dẫn có liên quan.

Đảm bảo trung thực, khách quan, đầy đủ minh chứng hợp lệ để chứng minh cho nhận định trong tự đánh giá chất lượng.

Phân tích, giải thích, so sánh và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, những tồn tại và những biện pháp khắc phục;

Lập kế hoạch hành động để cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo;

Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo phải được công khai trong nội bộ trường, được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của hệ thống thông tin quản lý của cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp và được lưu trữ cùng toàn bộ minh chứng, tài liệu liên quan.

1.6. Phương pháp tự đánh giá

Nghiên cứu bộ Tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan nhằm phục vụ quá trình tự đánh giá.

Thu thập thông tin, rà soát các hoạt động của các đơn vị và tìm những chứng cứ để chứng minh nội hàm tiêu chuẩn.

Khảo sát thực tế, thảo luận, lấy ý kiến các thành viên trong trường, cán bộ quản lý, giảng viên, người học và người sử dụng lao động.

Mô tả, làm rõ thực trạng của trường, phân tích, đánh giá, chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó đưa ra các biện pháp khắc phục, dự kiến kế hoạch hành động để cải tiến nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

Công bố báo cáo tự đánh giá và tổ chức quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về các hoạt động của Trường triển khai chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô..

1.7. Các bước tiến hành tự đánh giá

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định tại điều 15 của Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về quy trình tự đánh giá:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2022;

- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá;

- Nghiên cứu báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo.

- Tổng hợp thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Kiểm tra thực tế, thu thập thêm thông tin, minh chứng theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo.

- Đối chiếu với hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo do Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành, đánh giá, xác định mức độ đạt được của từng tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo.

- Viết dự thảo Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, gửi các đơn vị trong trường để lấy ý kiến.

- Thư ký Hội đồng tự đánh giá tổng hợp và hoàn thiện Báo cáo tự đánh giá hệ thống tiêu chí, tiêu chuẩn và quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của trường.

- Công bố Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về các đơn vị chủ quản đúng thời hạn quy định.

2. Tự đánh giá

2.1. Tổng hợp kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng:

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	ĐỀ XUẤT KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC		Đạt tiêu chuẩn kiểm định
	Tổng điểm	100	98
1	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính	6	6
	Tiêu chuẩn 1: Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.	2	2
2	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo	14	14
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 5: Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.	2	2
	Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên	16	16
	Tiêu chuẩn 1: 100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỷ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Hàng năm, cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: 100% nhà giáo cơ hữu đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: 100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 8: Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao	2	2
	4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình	24	22
	Tiêu chuẩn 1: Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bố thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.	2	0

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 9: Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 10: 100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 11: Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.	2	2
	Tiêu chuẩn 12: Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo đáp ứng quy mô, yêu cầu đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 6: Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.	2	2
	Tiêu chuẩn 8: Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy	2	2
	Tiêu chí 6 - Dịch vụ cho người học	8	8
	Tiêu chuẩn 1: Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo: quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời cho người học trong quá trình học tập.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng	16	16
	Tiêu chuẩn 1: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.	2	2
	Tiêu chuẩn 2: Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.	2	2
	Tiêu chuẩn 3: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.	2	2
	Tiêu chuẩn 4: Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.	2	2
	Tiêu chuẩn 5: Cơ sở đào tạo thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.	2	2
	Tiêu chuẩn 6: Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).	2	2
	Tiêu chuẩn 7: Trong vòng 06 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào tạo.	2	2

STT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm chuẩn	Trường tự đánh giá
	Tiêu chuẩn 8: Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.	2	2

2.2. Tự đánh giá theo từng tiêu chí, tiêu chuẩn

2.2.1. Tiêu chí 1 - Mục tiêu, quản lý và tài chính

Đánh giá tổng quát tiêu chí 1

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh được thành lập ngày 31 tháng 12 năm 2007 trên cơ sở nâng cấp Trường Dạy nghề Việt – Đức Hà Tĩnh theo quyết định số 1871/QĐ-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội.

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh tổ chức đào tạo nghề cho người học theo nhiều cấp trình độ: Sơ cấp, Trung cấp, Cao đẳng, Cao đẳng liên thông, đào tạo ngắn hạn và đào tạo thường xuyên; tổ chức liên kết đào tạo; Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định pháp luật.

Trường là đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi phí thường xuyên trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh; Trường hoạt động theo Quy chế tổ chức hoạt động Trường được ban hành theo quyết định số 679/QĐ-CĐKTVĐ ngày 08 tháng 11 năm 2018 và Quyết định số 86/QĐ- CĐKTVĐ ngày 02/02/2021 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao Đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh được xây dựng theo TT46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/6/2016 quy định về Điều lệ Trường Cao đẳng và có các nhiệm vụ chủ yếu:

- Đào tạo nghề theo 3 cấp trình độ các ngành nghề thực tiễn theo nhu cầu của Xã hội.
- Bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề cho người lao động theo yêu cầu của cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và người lao động.
- Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật - công nghệ, nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo; tổ chức sản xuất, kinh doanh dịch vụ theo quy định pháp luật.

Việc điều chỉnh mục tiêu, nhiệm vụ được thực hiện kịp thời, trong đó phản ánh đúng xu thế phát triển của trường và các yếu tố tác động tích cực của xã hội.

Có đầy đủ các văn bản quy định về tổ chức và cơ chế quản lý và được triển khai đến các bộ phận, kế hoạch phát triển cũng như phương hướng hoạt động của trường được phổ biến công khai để mọi thành viên tham gia đóng góp ý kiến và tổ chức thực hiện có hiệu quả. Các văn bản nội bộ thực hiện hàng năm được rà soát bổ sung sửa đổi trong hội nghị CBVC, đảm bảo đúng quy định của Pháp luật và phù hợp với thực tế của đơn vị.

** Những điểm mạnh:* Trường và khoa được hỗ trợ các nguồn tài chính từ chương trình mục tiêu quốc gia về việc làm và dạy nghề cho dự án nghề trọng điểm và trường chất lượng cao của Bộ LĐTBXH, của Tổng cục GDNN... phục vụ nhiệm vụ đào tạo của Trường.

Mục tiêu của Chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô là đào tạo sinh viên có đủ năng lực phù hợp với yêu cầu sử dụng nhân sự của địa phương, có khả năng tự

kiểm việc làm sau khi tốt nghiệp. Định kỳ hàng năm Khoa tổ chức rà soát và điều chỉnh chương trình đào tạo phù hợp với thực tế của doanh nghiệp.

* *Những tồn tại*: Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Hàng năm trường tiếp tục tổ chức rà soát, chỉnh sửa mục tiêu chương trình đào tạo phù hợp với nhu cầu doanh nghiệp và thị trường lao động.

Điểm đánh giá tiêu chí 1

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 1	6
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2

Tiêu chuẩn 1.1

Mục tiêu của chương trình đào tạo phù hợp mục tiêu của Cơ sở đào tạo và nhu cầu thị trường lao động, được công bố công khai và được rà soát, điều chỉnh theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Mục tiêu chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh phù hợp với mục tiêu của Trường về kiến thức, kỹ năng và độ tự chủ, khả năng đáp ứng được nhu cầu xã hội sau khi tốt nghiệp, mục tiêu chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô phù hợp với mục tiêu của trường, điều này được thể hiện qua chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô ban hành kèm theo quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh với Chiến lược phát triển trường đến năm 2018 và những năm tiếp theo và Quy chế tổ chức và hoạt động Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh (**1.1.01** – Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo; **1.1.02** - Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 trường Cao đẳng nghề Việt- Đức Hà Tĩnh; **1.1.03** - Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020; **1.1.04** - Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường số 679/QĐ-CĐKTVĐ ngày 08/11/2018, số 86/QĐ-CĐKTVĐ ngày 02/02/2021; **1.1.05** - Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050; **1.1.06** - Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022; **1.1.07** –Tờ rơi, các ấn phẩm giới thiệu về trường; [http://:www.vdht.edu.vn](http://www.vdht.edu.vn); **1.1.08** - Hợp đồng quảng bá tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022).

Định kỳ, Nhà trường đã lập kế hoạch về tổ chức rà soát và điều chỉnh mục tiêu chương trình đào tạo, trên cơ sở đó bổ sung điều chỉnh chương trình đào tạo tất cả các nghề đào tạo, trong đó có nghề Công nghệ ô tô. Khoa Công nghệ ô tô tiến hành thực hiện rà soát chỉnh sửa theo tiến độ, nhiệm vụ được giao. Trên cơ sở xác định chuẩn đầu ra, thông qua hội thảo doanh nghiệp hoặc xin ý kiến đóng góp của các chuyên gia, doanh nghiệp. Khoa thực hiện việc bổ sung, cập nhật kỹ thuật, công nghệ mới trong sản xuất, kinh doanh liên quan cho chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô và lập báo cáo kết quả rà soát và điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô cần điều chỉnh. (**1.1.09** – Tổng hợp kết quả rà soát mục tiêu của CTĐT CĐ Công nghệ ô tô năm 2020; **1.1.10** – Kế hoạch số 20/KH-CDKTVĐ ngày 15/02/2020 về việc xây dựng, lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo; **1.1.11** - Quyết định về việc thành lập Tổ điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2020; **1.1.12** - Quyết định về việc thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ 2020).

Mục tiêu của chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô được công bố công khai tới toàn thể CBVCNV HSSV và toàn xã hội được biết tại Website <http://www.vdht.edu.vn> của Trường, và tại Hội nghị công nhân viên chức hàng năm.

Hàng năm, Phòng QLĐT&ĐBCL đều khảo sát lấy ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo, cựu HSSV và Doanh nghiệp về sự phù hợp giữa mục tiêu chương trình, giáo trình của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng và mục tiêu Nhà trường đã ban hành để có phương hướng điều chỉnh cho phù hợp với sự thay đổi của công nghệ. (**1.1.13** - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý về CTĐT nghề các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **1.1.14** - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.2

Cơ sở đào tạo có văn bản giao nhiệm vụ cụ thể cho khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo và các đơn vị có liên quan đến việc thực hiện chương trình đào tạo; Khoa/đơn vị phụ trách chương trình đào tạo hoàn thành các nhiệm vụ được giao liên quan đến chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh có cơ cấu tổ chức gồm 2 phòng, 06 khoa, 01 trung tâm trực thuộc. Quy chế tổ chức và hoạt động của trường số 679/QĐ-CDKTVĐ ngày 08/11/2018, số 86/QĐ-CDKTVĐ ngày 02/02/2021 quy định Khoa Công nghệ ô tô quản lý, tổ chức giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng, trung cấp, Sơ cấp và ngắn hạn. Hàng năm, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ Khoa CN ô tô xây dựng kế hoạch năm học trình Ban Giám hiệu phê duyệt và triển khai thực hiện. (**1.1.04** - Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường số 679/QĐ-CDKTVĐ ngày 08/11/2018, số 86/QĐ-CDKTVĐ ngày 02/02/2021; **1.2.01** – Kế hoạch năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của Khoa Công nghệ ô tô và các

đơn vị liên quan; **1.2.02** – Quyết định số 489/QĐ-CDKTVĐ ngày 20/08/2019 ngày, số 443/QĐ-CDKTVĐ ngày 21/09/2020; số: 449/QĐ- CDKTVĐ, ngày 20/08/2021 về việc giao nhiệm vụ cho các đơn vị năm học 2020-2021, 2021-2022).

Nghề Công nghệ ô tô do Khoa Công nghệ ô tô phụ trách đào tạo theo chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô. Các thành viên trong khoa bao gồm các giảng viên được đào tạo nghiệp vụ sư phạm, có chuyên ngành đào tạo phù hợp và có kinh nghiệm thực tế về nghề giảng dạy các môn chuyên môn nghề, còn những môn học khác như Tiếng Anh, Tin học, Chính trị... sẽ do các thầy cô ở tổ Cơ bản và khoa CNTT-KT tham gia giảng dạy. Về chất lượng cũng như kết quả đào tạo, hàng năm sau khi kết thúc năm học, khoa báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ gửi phòng tổ chức hành chính và Ban giám hiệu, Hội đồng thi đua khen thưởng nhà trường. Hàng năm, Hội đồng thi đua khen thưởng trường tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được giao của các đơn vị được phân công và ra quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong đó Khoa Công nghệ ô tô là đơn vị luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (**1.2.03** - Báo cáo tổng kết năm học của khoa năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **1.2.04**- Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường; **1.2.05** - Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen đối với Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 1.3

Hàng năm, Cơ sở đào tạo nghiên cứu, xác định định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo và có đủ nguồn thu hợp pháp để thực hiện chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh là trường công lập tự chủ một phần kinh phí chi thường xuyên, Trường thu học phí theo Nghị định 86/2015/NĐ - CP ngày 02/10/2015. Mức thu học phí của Trường hiện nay vẫn chưa đảm bảo cơ cấu được giá dịch vụ của công tác đào tạo, vì vậy hàng năm Trường dựa vào kế hoạch nguồn thu của Trường và nguồn ngân sách cấp bù để cân đối theo tỷ lệ các định mức chi thường xuyên của đơn vị như: chi lương và các khoản theo lương (Từ 46 - 53%), chi công tác chuyên môn đào tạo (12%), chi phôi liệu (10 -12%/ mức thu học phí), chi hoạt động quản lý và chi phí văn phòng (6 -10%), chi nộp thuế, chi khác và chi phí dự phòng, quỹ cải cách tiền lương (15%). Tỷ lệ này vừa đảm bảo chất lượng đào tạo cho người học vừa đảm bảo cân đối được nguồn thu của đơn vị. Các định mức này đã được thông qua hội nghị cán bộ viên chức và đưa vào quy chế chi tiêu nội bộ và được điều chỉnh hàng năm để thực hiện. (**1.3.01**- Quyết định ban hành kèm theo quy chế thu chi nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022; **1.3.02** - Quyết định ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2020, 2021, 2022; **1.3.03** – Quyết định mức thu học phí năm học 2019-2020, 2020- 2021, 2021-2022).

Hàng năm Trường căn cứ vào nguồn thu học phí của nghề và căn cứ vào định mức kinh tế - kỹ thuật theo Thông tư số 14/2017/TT - BLĐTBXH ngày 25/5/2017 về việc quy định xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế kỹ thuật về đào tạo áp dụng trong lĩnh vực nghề nghiệp và Thông tư 24/2019 ngày 24/12/2019 ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng cho một số nghề thuộc nhóm nghề công nghệ, kỹ thuật; nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản để tính định mức tối thiểu cho người học nghề Công nghệ ô tô theo phương pháp phân bổ theo tỷ lệ chi các khoản: chuyên môn đào tạo, chi phôi liệu, chi lương cho đội ngũ giảng dạy, chi cơ sở vật chất, chi quản lý.... Phần thiết bị đào tạo Trường tập trung các dự án đầu tư như dự án tăng cường kỹ năng nghề, dự án Chương trình mục tiêu quốc gia để trang bị thiết bị theo danh mục thiết bị tối thiểu của Bộ Lao động Thương binh và xã hội (**1.3.04- Quyết định ban hành kèm theo định mức kinh tế kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng năm 2018, 2020**).

Trước khi vào năm học mới, các giảng viên phụ trách các môn học căn cứ vào chương trình đào tạo của nghề và số lượng người học dự kiến, lên dự toán tiền mua nguyên vật liệu, bổ sung, mua sắm, thay thế trang thiết bị... để xác định mức chi tối thiểu cho một người học, đảm bảo chất lượng của chương trình đào tạo. Chi phí để mua nguyên vật liệu thực hành, chi phí để mua sắm, thay thế, bổ sung, sửa chữa thiết bị dụng cụ giảng dạy, được trích từ nguồn thu học phí, nguồn ngân sách cấp và các nguồn thu sự nghiệp khác. Tất cả nguồn thu trên đều hợp pháp theo quy định và đảm bảo thực hiện chương trình đào tạo Công nghệ ô tô (**1.3.05 – Báo cáo số lượng học sinh nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.3.06 - Báo cáo nguồn thu năm 2019, 2020, 2021; 1.3.07 - Các biên bản thanh tra, kiểm tra về công tác tài chính năm 2020, 2021**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 1.3: 2 điểm

2.2.2. Tiêu chí 2 - Hoạt động đào tạo

Đánh giá tổng quát tiêu chí 2:

Hoạt động dạy và học được xác định là công tác trọng tâm của Nhà trường và Khoa Công nghệ ô tô. Nâng cao chất lượng đào tạo, đa dạng hóa loại hình đào tạo và ngành nghề đào tạo luôn được khoa quan tâm nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, phù hợp với nguyện vọng của người học, góp phần tích cực vào sự phát triển kinh tế xã hội nói chung, của nghề Công nghệ ô tô nói riêng. Quan điểm đào tạo lấy người học làm trung tâm trong hoạt động đào tạo của khoa, điều này được thể hiện qua việc thực hiện nghiêm túc hoạt động tuyển sinh, tổ chức đào tạo, điều chỉnh nội dung chương trình, áp dụng các biện pháp kiểm tra/đánh giá phù hợp với từng môn học/mô-đun, lắng nghe ý kiến phản hồi của người học, doanh nghiệp và các đối tượng khác có liên quan đến quá trình tổ chức dạy và học của khoa.

** Những điểm mạnh:*

- Chương trình đào tạo Công nghệ ô tô phù hợp với các yêu cầu của thực tiễn sản

xuất và nhu cầu của doanh nghiệp; Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học;

- Công tác dạy và học được thực hiện nghiêm túc, hiệu quả; đa dạng hoá các hình thức tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo yêu cầu đào tạo gắn với việc làm, đào tạo theo nhu cầu của người học và xã hội;

- Trường đã chủ động giao lưu hợp tác quốc tế với các nước như Lào, Đức... trong việc giao lưu văn hóa; đào tạo giáo viên và học sinh; hợp tác nghiên cứu khoa học; chuyển giao công nghệ; trao đổi chương trình, giáo trình, đây chính là tiền đề cho việc đào tạo các nghề trọng điểm đạt chuẩn quốc tế và khu vực và quốc gia;

- Trường đã tạo được niềm tin trong người dân, phụ huynh và HSSV; thiết lập được mối quan hệ, liên kết chặt chẽ với các cơ sở sản xuất, các doanh nghiệp, các công ty trong và ngoài tỉnh từ đó thực hiện đa dạng hóa các phương thức tổ chức đào tạo đáp ứng yêu cầu học tập của HSSV;

- Trường làm tốt công tác giới thiệu việc làm sau tốt nghiệp. Tỷ lệ học sinh, sinh viên sau tốt nghiệp có việc làm cao;

- 100% sinh viên chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều được thực tập, trải nghiệm tại các doanh nghiệp lớn trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh và các tỉnh lân cận phù hợp với ngành Công nghệ ô tô và được các đơn vị tiếp nhận đánh giá rất cao.

* *Những tồn tại:* Không có.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

- Tiếp tục nghiên cứu, đa dạng các hình thức tuyển sinh nhằm duy trì chỉ tiêu học sinh sinh viên đăng ký nghề Công nghệ ô tô theo quy mô được cấp phép.

Điểm đánh giá tiêu chí 2:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 2	14
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2

Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2

Tiêu chuẩn 2.1

Hàng năm, Cơ sở đào tạo thực hiện công tác tuyển sinh theo quy định; kết quả tuyển sinh đạt tối thiểu 80% chỉ tiêu theo kế hoạch của cơ sở đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo Công nghệ ô tô của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 223/2017/GCNĐKHHĐ - TCDN ngày cấp 10/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/2018/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 23/3/2018 (**2.1.01**- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

Trường đã ban hành quy chế tuyển sinh và thực hiện công tác tuyển sinh theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2017/TT/BLĐTBXH ngày 02/3/2017 của Bộ LĐ - TB&XH và điều chỉnh theo Điểm b, Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 07/2019/TT - BLĐTBXH ngày 07/3/2019 về việc quy định quy chế tuyển sinh và xác định chỉ tiêu tuyển sinh trình độ trung cấp, cao đẳng, phù hợp với khu vực tuyển sinh và đối tượng tuyển sinh cũng như các đặc điểm riêng của trường áp dụng cho toàn trường, trong đó có nghề Công nghệ ô tô (**2.1.02** – Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh của nhà trường năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, Trường thành lập Hội đồng tuyển sinh do Hiệu trưởng làm chủ tịch Hội đồng và Ban thư ký tuyển sinh giúp việc cho Hội đồng. Căn cứ Quy chế tuyển sinh và chỉ tiêu tuyển sinh theo nghề được giao, Trường xây dựng kế hoạch tuyển sinh có quy định cụ thể về đối tượng, ngành nghề, chỉ tiêu, hình thức, thời gian tuyển sinh, hồ sơ đăng ký học nghề và Thông báo tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng. Thông báo tuyển sinh được niêm yết rộng rãi tại Trường, được gửi đến các trường THPT, THCS, các Trung tâm dạy nghề Huyện, đồng thời được đăng trên trang website của Trường, trên báo Hà Tĩnh, Đài truyền hình Hà Tĩnh nhằm cung cấp thông tin đến tận nơi cho người học (**2.1.03** - Kế hoạch tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.1.04** – Thông báo tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.1.05** - Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Công tác tuyển sinh được thực hiện theo kế hoạch, Trường tổ chức thu hồ sơ đăng ký dự tuyển tại Trường trực tiếp từ thí sinh, từ các Trường THPT hoặc qua đường bưu điện. Danh sách thí sinh dự tuyển được kiểm tra hồ sơ. Trên cơ sở chỉ tiêu tuyển sinh được giao hàng năm và phương án xét tuyển, Ban thư ký Hội đồng tuyển sinh dự kiến phương án xác định điểm chuẩn trình Hội đồng tuyển sinh xét duyệt, Trường thông báo

danh sách học sinh trúng tuyển và làm thủ tục nhập học. Kết quả hàng năm sinh viên đăng ký học chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đạt hoặc vượt chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

Từ năm 2019 – 2022, Trường tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng, cụ thể như sau:

Năm	Chỉ tiêu trường đăng ký	Kết quả tuyển sinh	Tỷ lệ phần trăm đạt được
2019	70	60	85%
2020	70	62	88%
2021	70	92	131%
2022	70	Đang tuyển	

(**2.1.06** – Hồ sơ đăng ký tuyển sinh năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.1.07** – Các quyết định phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.1.08** - Quyết định mở lớp kèm theo danh sách nghề CNÔTÔ các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.1.09** - Giấy báo trúng tuyển nhập học năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Nhà trường giao nhiệm vụ cập nhật hồ sơ, kết quả tuyển sinh qua bộ phận một cửa thuộc phòng Đào tạo, việc thực hiện công tác tự kiểm tra, giám sát nhằm đánh giá toàn bộ quá trình tuyển sinh được giao cho Ban thanh tra nhân dân và thanh tra đào tạo để tiến hành giám sát kiểm tra công tác tuyển sinh, đảm bảo khách quan, tính hợp lệ của các hồ sơ dự tuyển. Hàng năm, Trường lấy ý kiến khảo sát cán bộ quản lý và nhà giáo về công tác tuyển sinh kết quả phản hồi trên 85% đánh giá tốt (**2.1.10** – Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021; **2.1.11** - Báo cáo tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh năm học các năm 2019, 2020, 2021; **1.1.13** - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; **1.1.14** - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021).

Như vậy, kết quả tuyển sinh nghề Công nghệ ô tô hàng năm năm đạt 80% trở lên theo chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.2

Cơ sở đào tạo có kế hoạch đào tạo và tổ chức đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo Cao đẳng Công nghệ ô tô của Nhà trường đã được cấp phép theo Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số

223/2017/GCNĐKHHĐ - TCDN ngày cấp 10/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/2018/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 23/3/2018 (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp).

Trường có kế hoạch đào tạo và tổ chức thực hiện chương trình đào tạo theo Thông tư số 09/2017/TT - BLĐT BXH ngày 13/3/2017 quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp. Trường ban hành Quy chế đào tạo, thi, xét công nhận tốt nghiệp (2.2.01 - Quyết định ban hành kèm theo Quy chế đào tạo; thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2018)

Theo đó, hàng năm, căn cứ vào chương trình đào tạo đã được phê duyệt của Trường; căn cứ vào kế hoạch đào tạo các khóa học và tiến độ đào tạo các năm học do Phòng Quản lý đào tạo và Đảm bảo chất lượng lập. Khoa xây dựng kế hoạch bố trí giảng viên cho từng mô-đun, môn học, từng khoá học, tiến độ đào tạo cho từng lớp học theo từng năm học, từng học kỳ theo đúng mẫu quy định. Kế hoạch đào tạo được gửi về phòng Quản lý Đào tạo và Đảm bảo chất lượng tổng hợp chung cho toàn trường trình Ban Giám hiệu phê duyệt, khi được phê duyệt đều công bố công khai cho từng giảng viên và sinh viên trong tuần sinh hoạt đầu khóa và website của Nhà trường. Năm học 2020 - 2021 Nhà trường tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng theo phương thức tích lũy tín chỉ. Các khóa trước đó theo quy chế cũ vẫn thực hiện theo phương thức niên chế (2.2.02- Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.03 – Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu hàng năm các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Mỗi giáo viên tham gia giảng dạy đều có đầy đủ hồ sơ trước khi lên lớp, sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo, đề cương chi tiết môn học theo quy định của Nhà trường. Năm 2018, cụ thể hóa Thông tư số 23/2018/TT - BLĐT BXH ngày 06/12/2018 quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng. Trường ban hành Quy định về hồ sơ, sổ sách trong đào tạo trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng, sơ cấp và chứng chỉ của Trường Cao đẳng nghề Việt – Đức Hà Tĩnh tại Quyết định số 731/QĐ - CĐNVĐ ngày 25/11/2018 về việc ban hành Quy chế tổ chức đào tạo của trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh rất cụ thể tại Chương IV Điều 55 quy định về sổ sách, biểu mẫu quản lý đào tạo. Sau khi kế hoạch đào tạo, tiến độ đào tạo được BGH phê duyệt, Khoa phối hợp với các Khoa, Phòng chức năng tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo theo đúng yêu cầu nội dung, đảm bảo theo kế hoạch, tiến độ đã được phê duyệt (2.2.05 - Sổ lên lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.06- Giáo án giảng dạy các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.07- Sổ tay nhà giáo các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Nhằm đảm bảo chất lượng và nâng cao hiệu quả đào tạo, trường thành lập Ban kiểm tra hoạt động đảm bảo chất lượng, trong đó có Khoa Công nghệ ô tô. Ban kiểm tra giám sát, xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra, giám sát đối với các phòng, khoa, đơn vị hoặc kiểm tra chuyên đề theo từng lĩnh vực quản lý đào tạo, sau mỗi đợt kiểm tra, có biên bản kiểm tra và báo cáo tình hình kiểm tra giám sát để Ban giám hiệu biết và yêu cầu các đơn vị có kế hoạch khắc phục những nội dung chưa thực hiện tốt (2.2.08 – Kế hoạch kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.09 – Các biên bản kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.10 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.3

Thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, các giảng viên căn cứ theo kế hoạch, tiến độ, thời khóa biểu của Khoa, Trường để xây dựng kế hoạch giảng dạy, hồ sơ lên lớp gồm: sổ lên lớp, giáo án giảng dạy, sổ tay nhà giáo, giảng viên sử dụng các phương pháp dạy học theo hướng tích cực, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học và tinh thần hợp tác của học sinh, sinh viên như phân nhóm, thảo luận nhóm, giảng dạy trên các mô hình, các thiết bị dạy nghề tự làm. Phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn (2.2.02- Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.03 – Kế hoạch giáo viên hàng năm của Khoa các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu hàng năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Với mục tiêu lấy người học làm trung tâm và để không ngừng nâng cao chất lượng dạy và học, các giáo viên giảng dạy ở nghề Công nghệ ô tô đã và đang thực hiện phương pháp đào tạo phù hợp với nội dung chương trình đào tạo, kết hợp rèn luyện năng lực thực hành với trang bị kiến thức chuyên môn; phát huy tính tích cực, tự giác, năng động, khả năng làm việc độc lập, tổ chức làm việc theo nhóm của người học; thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin, truyền thông trong hoạt động dạy và học. Thực hiện nhiều phương pháp dạy học khác nhau đặc biệt chú trọng đến các phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa người học, khuyến khích phát triển tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác như: Dạy học theo nhóm, dạy tích hợp, viết tiểu luận, bài tập lớn; sử dụng các phương pháp dạy học: sử dụng các phương pháp thuyết trình, phương

pháp nêu vấn đề, phương pháp thảo luận nhóm. Đề bài giảng của giảng viên thực sự hiệu quả, giảng viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô đã áp dụng mạnh mẽ phương pháp phân tích nghề vào ngay trong quá trình biên soạn giáo án, bài giảng của giảng viên. Các bài giảng phải gắn với chuẩn đầu ra, gắn với các nội dung trong bảng phân tích nghề, phân tích công việc, chương trình đào tạo, chương trình môn học, từ đó sinh viên có được năng lực thực hiện công việc sát với thực tế nghề nghiệp. Trong quá trình giảng dạy, giảng viên giảng dạy nghề Công nghệ ô tô đã có những giải pháp thực hiện bài giảng hiệu quả như: cho sinh viên làm việc, thảo luận theo nhóm, đánh giá chéo, sinh viên tự đưa ra các nội dung trong bài giảng theo sự dẫn dắt của giảng viên, phương pháp này đã làm cho sinh viên năng động, chủ động và tham gia một cách nghiêm túc, tích cực vào quá trình giảng dạy của giảng viên, đồng thời rèn luyện tác phong làm việc theo nhóm cho sinh viên, hình thành khả năng tự tư duy, nghiên cứu về nghề nghiệp cho sinh viên. (2.2.05 - Sổ lên lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.06- Giáo án giảng dạy các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.07- Sổ tay giáo viên các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Toàn bộ các môn học, mô-đun trong chương trình đào tạo của nghề đều được thiết kế bằng bài giảng điện tử với những hình ảnh, video đa dạng, phong phú giúp người học dễ hình dung các kiến thức, kỹ năng liên quan.

Các phòng học lý thuyết của nhà trường đều được trang bị hệ thống máy chiếu, âm thanh phục vụ cho việc trình chiếu các bài giảng điện tử. Các phòng học thực hành được bố trí đầy đủ các trang thiết bị thực hành, các quy trình, hình ảnh, phôi liệu nghiệp vụ, các phần mềm mô phỏng ứng dụng để sinh viên có thể tiếp cận thực tế một cách nhanh và hiệu quả nhất. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô có trên 50% mô-đun/môn học chuyên ngành có sử dụng thiết bị mô phỏng, thiết bị thực tế ảo hoặc phần mềm mô phỏng. (2.3.02 – Danh sách phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy nghề CNÔTÔ; 2.3.03 – Danh sách môn học, mô-đun có ứng dụng phần mềm giảng dạy nghề Công nghệ ô tô).

Bên cạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong việc giảng dạy, nhà trường còn đầu tư hệ thống phần mềm quản lý đào tạo giúp cho các công tác chuyên môn của nhà trường được thực hiện một cách khoa học, thuận tiện, đặc biệt là kết quả học tập các môn học, kết quả học tập từng học kỳ, kết quả tốt nghiệp của sinh viên. Tất cả các giảng viên của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô sử dụng phần mềm quản lý đào tạo Unisoft, trong đó mỗi giáo viên có tài khoản để cập nhật thông tin dữ liệu, người học được cung cấp tài khoản để truy cập và tra cứu được các thông tin về chương trình đào tạo, kết quả thi, kiểm tra trên internet (2.3.01 – Hồ sơ hướng dẫn sử dụng phần mềm quản lý đào tạo; 2.3.04 – Hình ảnh phần mềm quản lý đào tạo)

Nhằm không ngừng nâng cao chất lượng giảng dạy, sau khi kết thúc mỗi môn học/modun, kết thúc khoá học, phòng QLĐT&ĐBCL tiến hành lập kế hoạch, triển khai lấy ý kiến và Báo cáo kết quả khảo sát sự hài lòng của người học sau khi kết thúc môn học/ mô-đun, kết thúc khoá học để đảm bảo đánh giá tính khách quan về: phương pháp

giảng dạy của giảng viên, nội dung chương trình đào tạo phù hợp với trình độ sinh viên, kỹ năng giảng viên rèn luyện cho sinh viên trong quá trình học tập, phương pháp kiểm tra đánh giá... Kết quả khảo sát là một trong những thông tin quan trọng để các phòng, khoa liên quan nghiên cứu điều chỉnh kịp thời hoạt động dạy và học trong những học kỳ tiếp theo, khoá học tiếp theo. (1.1.13 – Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14 – Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.4

Cơ sở đào tạo phối hợp với đơn vị sử dụng lao động trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập tại đơn vị sử dụng lao động; 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để tăng cường mối liên kết với các doanh nghiệp và giúp sinh viên Khoa tiếp cận được với các kiến thức, kỹ năng thực tế. Hằng năm, Khoa Công nghệ ô tô và Phòng Quản lý đào tạo chủ động liên hệ với các doanh nghiệp để đưa sinh viên đến thực tập. Thời gian thực tập tại doanh nghiệp là thời gian giúp sinh viên có điều kiện vận dụng những kiến thức, kỹ năng nghề đã học ở trường vào môi trường làm việc thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng chuẩn đầu ra của nhà trường đã xây dựng (2.4.01 - Hợp đồng giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của hssv năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Khoa và Phòng Quản lý đào tạo thường xuyên cập nhật thông tin về nhu cầu lao động của doanh nghiệp, từ đó có những thông tin, kế hoạch bố trí sinh viên thực tập phù hợp với nhu cầu của doanh nghiệp như thời điểm đi thực tập của sinh viên, số lượng sinh viên đi thực tập phù hợp với nhu cầu nhân lực của doanh nghiệp (2.4.02 – Kế hoạch thực tập của hssv năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.4.03 – Quyết định cử hssv thực tập tại doanh nghiệp kèm theo danh sách năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Việc theo dõi thực tập của sinh viên được khoa Công nghệ ô tô, giảng viên hướng dẫn của khoa trao đổi lắng nghe ý kiến của doanh nghiệp đánh giá về chất lượng thực tập của sinh viên, kiểm soát quá trình tham gia thực tập của SV. (2.4.04 – Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.4.05 – Đề cương thực tập các khóa năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Đồng thời, Nhà trường luôn nhận được sự ủng hộ, hợp tác, phối hợp chặt chẽ của doanh nghiệp trong việc tổ chức, hướng dẫn cho người học thực hành, thực tập cho sinh viên tại doanh nghiệp. Tất cả thời gian, nội dung, nhân sự tham gia đào tạo thực hành tại DN đã được thống nhất giữa Nhà trường và DN. Các trưởng bộ phận, các cán bộ chuyên môn giỏi của DN luôn theo sát đào tạo, hướng dẫn chuyên môn cho HSSV, góp phần hoàn thiện kỹ năng nghề cho HSSV. 100% người học trước khi tốt nghiệp đều được thực hành tại đơn vị sử dụng lao động phù hợp với ngành, nghề đào tạo. (2.4.06 –

Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.4.07-** Quyết định kèm theo Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.4.08-** Quyết định kèm theo danh sách công nhận kết quả rèn luyện năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.5

Tổ chức kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện, cấp văn bằng theo quy định; có hồ sơ người học đủ và đúng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Để đảm bảo công tác thi, kiểm tra và công nhận tốt nghiệp được thực hiện đúng quy trình, quy định của Thông tư 09/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017, Quy định việc tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô - đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp và Thông tư 10/2017/TT-BLĐTĐ ngày 13/3/2017 quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; Trường ban hành Quy chế đào tạo theo Quyết định số 351/QĐ - CĐNVĐ ngày 15/8/2017 gồm 06 Chương và 61 Điều; Quyết định số 731/QĐ - CĐNVĐ ngày 25/11/2018 - Quy chế tổ chức đào tạo của trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh gồm 6 Chương và 69 Điều. Hằng năm công tác tổ chức kiểm tra kết thúc môn học, thi tốt nghiệp, đánh giá kết quả học tập, cấp bằng tốt nghiệp luôn được thực hiện một cách nghiêm túc, khách quan, đúng quy định (**2.2.01** – Quyết định ban hành kèm theo Quy chế đào tạo; thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2018; **2.5.01** – Quyết định ban hành kèm theo Quy định về quản lý, cấp phát văn bằng của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh năm 2018).

Quy trình tổ chức thi kết thúc môn học/mô-đun, thi tốt nghiệp cuối khóa được Nhà trường, Khoa thực hiện nghiêm túc, khách quan từ việc tổ chức ra đề thi, công tác bảo mật, tổ chức coi thi, chấm thi đến tổng hợp điểm và thông báo kết quả theo đúng quy định (**2.5.02-** Bộ ngân hàng đề thi kết thúc môn học/mô-đun của trường; **2.5.03** - Hồ sơ thi kết thúc môn học/mô-đun năm 2019, 2020, 2021, 2022; **2.5.04** – Hồ sơ thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Việc đánh giá kết quả rèn luyện của HSSV, sau khi kết thúc học kỳ, năm học, khóa học sinh viên sẽ tự đánh giá nhận xét kết quả rèn luyện của mình căn cứ vào văn bản hướng dẫn đánh giá kết quả rèn luyện học sinh, sinh viên. Trên cơ sở phiếu tự nhận xét đánh giá của sinh viên, giảng viên chủ nhiệm tổ chức sinh hoạt lớp để bình xét điểm rèn luyện của sinh viên, kết quả đánh giá chuyển về Phòng Quản lý đào tạo làm căn cứ công nhận kết quả rèn luyện của học sinh sinh viên (**2.4.08** - Quyết định kèm theo danh sách công nhận kết quả rèn luyện năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Việc quản lý, cấp phát văn bằng chứng chỉ được Trường căn cứ vào Thông tư 10/2017/TT - BLĐTĐ&XH ngày 13/3/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định về mẫu bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng; in; quản lý, cấp phát, thu hồi, hủy

bỏ văn bằng tốt nghiệp trung cấp, cao đẳng. Nhà trường có đầy đủ các quyết định và hồ sơ quản lý học sinh sinh viên, sổ theo dõi cấp văn bằng, chứng chỉ theo đúng quy định. Sau các kỳ thi tốt nghiệp Nhà trường ban hành quyết định công nhận tốt nghiệp cho các sinh viên đồng thời gửi văn bản báo cáo Sở Lao động - TBXH Hà Tĩnh và Tổng cục GDNN. Căn cứ các quyết định tốt nghiệp, Nhà trường tiến hành in bằng, vào sổ hiệu bằng, vào thông tin sổ cấp phát văn bằng. HSSV đến nhận bằng phải trình chứng minh thư, đối chiếu các thông tin trong bằng và sổ cấp phát bằng và ký nhận bằng. Đối với những phôi bằng, chứng chỉ hỏng hoặc không còn hiệu lực đã được Trường thành lập Hội đồng tiêu hủy (**2.5.05 - Sổ cấp phát bằng chứng chỉ hàng năm 2019, 2020, 2021, 2022**).

Hồ sơ học nghề của các lớp HSSV nhà trường giao phòng Quản lý Đào tạo quản lý và thực hiện đúng theo quy định của các đơn vị chủ quản và các Thông tư, hướng dẫn (**2.5.06 - Hồ sơ HSSV các lớp năm 2019, 2020, 2021, 2022**)

Để đảm bảo quản lý cấp phát bằng cấp, chứng chỉ đúng quy định, hàng năm nhà trường thành lập hội đồng tiêu hủy các loại bằng cấp, chứng chỉ bị hỏng (**2.5.07- QĐ thành lập Hội đồng tiêu hủy bằng, chứng chỉ hỏng năm 2018, 2019, 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.6

Tổ chức kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học theo quy định; sử dụng kết quả kiểm tra để kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học cho phù hợp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Công tác kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học được nhà trường giao cho Phòng Quản lý đào tạo theo chức năng nhiệm vụ (**2.6.01 - Quy định của trường về việc kiểm tra giám sát dạy học**).

Thực hiện kế hoạch đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo tham mưu xây dựng kế hoạch thanh kiểm tra hồ sơ giảng dạy – Dự giờ giáo viên, từ đó có báo cáo đánh giá điều chỉnh kịp thời đảm bảo kế hoạch đề ra. Năm học 2018-2019 Trường xây dựng kế hoạch số 94/KH - CĐKTVĐ ngày 04/03/2019. Năm học 2019-2020 Trường xây dựng kế hoạch số 175/KH - CĐKTVĐ ngày 10/06/2020. Năm học 2020-2021 Trường xây dựng kế hoạch số 263/KH-CĐKTVĐ ngày 06/05/2021 của Hiệu trưởng về việc kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2020-2021. (**2.2.02- Kế hoạch và tiến độ đào tạo nghề Công nghệ ô tô khóa học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.03- Kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.04 - Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.08 - Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm 2019, 2020, 2021**).

Theo phân công, phòng Quản lý Đào tạo là đơn vị chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ giảng dạy, giám sát việc thực hiện kế hoạch và nội dung giảng dạy theo đúng

chương trình đào tạo của từng nghề. Đồng thời, thông qua các buổi kiểm tra định kỳ, kiểm tra đột xuất như: Kiểm tra giáo án, dự giờ giáo viên, kiểm tra từ ý kiến người học để giám sát kế hoạch đào tạo. Đặc biệt Trường kiểm tra đột xuất, định kỳ và tham dự giờ giảng của các giáo viên ở tất cả các đơn vị để giám sát và đánh giá sự phù hợp nội dung giảng dạy, phương pháp giảng dạy với kế hoạch đào tạo và khả năng người học, kiểm tra giám sát hoạt động các kỳ thi, giờ giấc giảng dạy của nhà giáo.

Trường giao cho các khoa chuyên môn theo dõi tình hình giảng dạy của giáo viên, từ đó có định hướng các giáo viên dạy bù theo đúng tiến độ đảm bảo chất lượng và hiệu quả. Từ kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học, các khoa. Khoa Công nghệ ô tô tổ chức rút kinh nghiệm, tổ chức dạy bù giờ theo đúng tiến độ; tổ chức dự giờ trao đổi chuyên môn. Trên cơ sở kết quả kiểm tra giám sát để xem xét thi đua hàng tháng, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ hàng năm. Kết quả được thể hiện trong báo cáo kết quả kiểm tra hàng năm (2.2.09 - Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm 2019, 2020, 2021; 2.6.02 - Kế hoạch dự giờ/phiếu dự giờ năm 2019, 2020, 2021; 2.6.03 - Báo cáo công tác kiểm tra hồ sơ giảng dạy của khoa từ năm 2019, 2020, 2021; 2.2.10 - Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường các năm 2019, 2020, 2021; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết năm học của Trường các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Qua các báo cáo cho thấy công tác tổ chức kiểm tra giám sát hoạt động dạy và học của trường thực hiện đúng quy định và đã kịp thời điều chỉnh các hoạt động dạy và học phù hợp.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 2.7

Tổ chức đào tạo liên thông theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo Công nghệ ô tô của Nhà trường có trong Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 223/2017/GCNĐKHHĐ - TCDN ngày cấp 10/7/2017 và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp số 23/2018/GCNĐKHHĐ - TCGDNN ngày 23/3/2018 (2.1.01 - Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp; 2.1.02 – Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Trường đã xây dựng quy chế đào tạo liên thông theo Quyết định số 85/QĐ - CĐKTVD ngày 26/2/2019, Quy chế gồm 20 Điều và 03 phụ lục đi kèm, Trường xây dựng và ban hành chương trình đào tạo đảm bảo có thể liên thông giữa các nghề đào tạo tương ứng với nhau theo quy định tại Thông tư 27/2017/TT - BLĐT BXH ngày 21/9/2017 của Bộ trưởng bộ BLĐT BXH quy định đào tạo liên thông giữa các trình độ

trong giáo dục nghề nghiệp, trong đó có quy định về đào tạo liên thông đối với chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô theo quyết định số 258/QĐ - CĐKTVD ngày 25/4/2019 cho 10 nghề trong đó có nghề Công nghệ ô tô. Trường xây dựng kế hoạch số 69/KH - CĐKTVD ngày 15/12/2019 về việc tổ chức đào tạo liên thông, ra thông báo tuyển sinh, hồ sơ tuyển sinh, quyết định thành lập lớp kèm danh sách HSSV trúng tuyển (2.7.01 – Quy định của nhà trường về đào tạo liên thông; 2.7.02 – Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô).

Việc tổ chức thực hiện công tác đào tạo liên thông được Nhà trường chú trọng khuyến khích và tạo điều kiện để HSSV tham gia thuận tiện. Theo quyết định mở lớp và báo cáo tổng kết năm học về công tác đào tạo liên thông hàng năm cho thấy: Năm 2020 Khoa Công nghệ ô tô có 10 em, năm 2021-2022 có 32 em đăng ký học liên thông trình độ trung cấp lên Cao đẳng, năm học 2022-2023 có 23 em đăng ký học liên thông trình độ trung cấp lên Cao đẳng (2.7.03 - Báo cáo thanh kiểm tra hoạt động đào tạo liên thông 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học của Khoa các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết năm học của Trường các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Như vậy công tác Tổ chức đào tạo liên thông Trường, Khoa thực hiện nghiêm túc theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 2.7: 2 điểm

3.2.3. Tiêu chí 3 - Nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức và người lao động

Đánh giá tổng quát tiêu chí 3

Nhà trường có đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo và nhân viên có trình độ đạt chuẩn theo yêu cầu. Hằng năm, nhà trường đều có kế hoạch đào tạo đội ngũ nhà giáo dạy nghề, cán bộ quản lý, vì vậy, đến nay Trường đã xây dựng được đội ngũ nhà giáo trực tiếp giảng dạy có trình độ chuyên môn vững, có năng lực sư phạm và kỹ năng nghề. Bên cạnh đó, Trường cũng chú trọng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý cấp phòng, khoa, bộ môn, đặc biệt là đội ngũ cán bộ, nhà giáo trẻ, từ đó Trường đã xây dựng quy hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, nhà giáo dự nguồn đến năm 2030.

**** Những điểm mạnh:***

- Trường có đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn nghiệp vụ để thực hiện chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô
- 100% giảng viên chuyên ngành Công nghệ ô tô của Trường dạy được cả lý thuyết lẫn thực hành;
- 100% nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do Nhà trường giao.

- Nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên ngành tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

- Hằng năm, Nhà trường tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và thực tập tại các doanh nghiệp.

* *Những điểm tồn tại:* Không

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường, khoa xây dựng Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên nhằm đảm bảo đạt chuẩn trình độ nhà giáo theo tiêu chí trường chất lượng cao đến năm 2024.

Điểm đánh giá tiêu chí 3:

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 3	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 3.1:

100% nhà giáo tham gia giảng dạy đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Xây dựng đội ngũ giảng viên và cán bộ quản lý tham gia giảng dạy đạt chuẩn theo Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH Quy định về chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ của nhà giáo giáo dục nghề nghiệp là một trong những quy định mang tính bắt buộc đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Công tác đào tạo và tự đào tạo của đội ngũ giảng viên được chú trọng và khuyến khích thực hiện hằng năm. Đến nay, 100% nhà giáo tham gia

giảng dạy của Trường đều đảm bảo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn nghiệp vụ theo Quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (**3.1.02- Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 3.1.03- Hồ sơ quản lý nhà giáo**).

Bên cạnh đó, căn cứ Thông tư số 08/2017/TTBLĐTBXH và Thông tư số 03/2018/TTBLĐTBXH về chuẩn giảng viên, hằng năm Nhà trường tổ chức đánh giá về mức độ hoàn thành nhiệm vụ của từng giảng viên từ đó có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cụ thể cho giảng viên (**3.1.01- Quyết định ban hành kèm theo quy trình đánh giá phân loại nhà giáo, viên chức, người lao động; 3.1.04- Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học các của khoa năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết năm học của trường các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022**).

Hàng năm, Nhà trường tổ chức thực hiện khảo sát ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, người lao động về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của toàn trường nói chung và nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng nói riêng nhằm lấy ý kiến khách quan để có cơ sở đánh giá và xây dựng kế hoạch bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên (**1.1.13-Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.2:

Hàng năm, 100% nhà giáo hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT-BLĐTBXH, ngày 10/3/2017 về việc Quy định về chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp. Hàng năm Nhà trường có quyết định ban hành Quy định chế độ làm việc Viên chức, Người lao động làm việc Hành chính và nhà giáo tại Trường. Cụ thể: Năm 2019 có Quyết định số 09/QĐ-CĐNVĐ, ngày 01/01/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ; năm 2020 có Quyết định số 06/QĐ-CĐNVĐ, ngày 01/01/2020 Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ; năm 2021 có Quyết định số 752/QĐ-CĐNVĐ, ngày 22/12/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ (**3.2.01 – Các Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022**).

Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với Khoa Công nghệ ô tô và các khoa liên quan xây dựng kế hoạch giảng dạy của Khoa, thời khóa biểu cho từng mô-đun, môn học đảm bảo số lượng giáo viên, nhà giáo cơ hữu đảm nhận 100% khối lượng chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (**3.1.02** - *Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **3.1.03** - *Hồ sơ quản lý nhà giáo*; **2.2.02** - *Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019 - 2020, 2020 – 2021, 2021-2022*).

Hàng năm Hội đồng thi đua khen thưởng trường thực hiện việc đánh giá, xếp loại cán bộ, giáo viên và nhân viên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao như chấp hành giờ lên lớp, không vi phạm các quy định của Nhà trường. Cán bộ, giáo viên Khoa Công nghệ ô tô luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm học 2019-2020: Có 9/9 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 04 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có 02 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 02 nhà giáo được tặng Giấy khen của trường).

Năm học 2020-2021: Có 8/8 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 02 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có 02 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 nhà giáo được tặng Giấy khen của trường).

Năm học 2021-2022: Có 10/10 nhà giáo được xếp loại hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên, trong đó có 04 nhà giáo hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; có 02 nhà giáo đạt Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở; 01 nhà giáo được tặng Giấy khen của trường).

Các môn học chung do các giáo viên tổ cơ bản đảm nhận. Theo kết quả phân loại hàng năm của trường, 5 giáo viên giảng dạy 5 môn học chung đều hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao (**3.1.04** - *Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **1.2.03** - *Báo cáo tổng kết năm học của khoa các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **1.2.04** - *Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường*; **1.2.05** - *Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.3:

Đảm bảo tất cả các mô-đun, môn học thuộc chương trình đào tạo có đủ nhà giáo đứng lớp; đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp và tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông tư số 07/2017/TT - BLĐT BXH quy định chế độ làm việc của Nhà giáo giáo dục nghề nghiệp, hàng năm Nhà trường ban hành Quy định chế độ làm việc của cán bộ, giáo viên cụ thể: Năm 2019 có Quyết định số 09/QĐ-CĐNVĐ, ngày 01/01/2019 Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLD

làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ; năm 2020 có Quyết định số 06/QĐ-CĐNVĐ, ngày 01/01/2020 Quyết định về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLĐ làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ; năm 2021 có Quyết định số 752/QĐ-CĐNVĐ, ngày 22/12/2021 về việc ban hành Quy định chế độ làm việc của VC, NLĐ làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ (**3.2.01** – *Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLĐ làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ CĐKTVĐ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Tổng số giáo viên ở Khoa Công nghệ ô tô tham gia giảng dạy chuyên môn nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng hiện nay là 10 giáo viên, trong đó cán bộ quản lý tham gia vào công tác giảng dạy là 03 người gồm có 1 trưởng khoa, 2 phó khoa. Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô hiện có 27 mô-đun chuyên nghề, 1 mô-đun thực tập tốt nghiệp và 6 môn học chung. Đối với 30 mô-đun chuyên nghề hiện nay thì có 10 giáo viên giảng dạy, còn 6 môn chung thì hiện tại phân công 4 giáo viên giảng dạy, trong đó các môn học “Giáo dục chính trị” và pháp luật phân công 1 giáo viên giảng dạy; môn học “Giáo dục thể chất” và “Giáo dục quốc phòng” phân công 1 giáo viên giảng dạy, các giáo viên này đảm bảo điều kiện chuyên môn giảng dạy và đảm bảo số giờ theo quy định. Như vậy 34 mô-đun, môn học trong chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng có đủ giáo viên giảng dạy. Riêng 1 mô-đun liên quan thực tập tốt nghiệp, tùy theo kế hoạch khoa phân công giáo viên theo dõi quá trình thực tập của HSSV tại doanh nghiệp (**3.1.02** - *Danh sách trích ngang nhà giáo Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **3.1.03** - *Hồ sơ giáo quản lý nhà giáo*).

Căn cứ vào số lớp học, giáo viên hiện có của khoa Công nghệ ô tô, kế hoạch giáo viên, Phòng Quản lý đào tạo lập kế hoạch đào tạo và kế hoạch giáo viên cho từng khóa, từng năm, từng kỳ, từng lớp (**2.2.02**-*Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo đối với nghề Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **2.2.03** - *Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **2.2.04** - *Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Trường đảm bảo tỉ lệ số người học/lớp theo thông tư 07/2017-BBLĐTB&XH (**2.1.08**- *Quyết định mở lớp kèm theo danh sách các lớp nghề Công nghệ ô tô các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **2.2.03** - *Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **2.2.04** - *Thời khóa biểu năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **3.3.01** – *Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/nhà giáo nghề CNÔTÔ*).

Hàng năm, Nhà trường có thống kê và thanh toán giờ giảng vượt định mức cho giáo viên với yêu cầu bảo đảm số giờ giảng dạy của giáo viên không vượt quá 1/2 số giờ tiêu chuẩn; giáo viên kiêm chức có số giờ giảng dạy không vượt quá 1/3 số giờ tiêu chuẩn, giáo viên giảng dạy không quá 200 giờ so với giờ chuẩn trong một năm học (**3.3.02** - *Bảng Thống kê số giờ giảng của giảng viên các năm 2019-2020, 2020-2021,*

2021-2022; **3.3.03** - Bảng thanh toán lương, thanh toán làm thêm giờ của các giảng viên nghề Công nghệ ô tô các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Hàng năm Trường và Khoa Tổ chức thanh tra hoạt động đào tạo thường xuyên kiểm tra theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất hoạt động dạy và học của khoa Công nghệ ô tô (**3.3.04**- Biên bản thanh kiểm tra hồ sơ giảng dạy giáo viên của khoa/tổ chuyên môn năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **3.3.05**- Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy giáo viên của khoa/tổ chuyên môn năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 **2.2.10**- Báo cáo kết quả công tác kiểm tra kiểm tra hoạt động đào tạo năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.4:

Hàng năm, tối thiểu 50% nhà giáo cơ hữu dạy các môn chuyên môn ngành, nghề tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi nhà giáo dạy giỏi, hội thi thiết bị tự làm các cấp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hàng năm, Nhà trường luôn triển khai các kế hoạch hoạt động NCKH và công nghệ, ban hành quy chế hoạt động gửi cho các đơn vị trong Trường. Công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ, giáo viên luôn được Nhà trường đặc biệt khuyến khích và quan tâm. Nhà trường luôn khuyến khích và tạo điều kiện để giáo viên tham gia công tác nghiên cứu khoa học, do đó hàng năm đều có các quyết định ban hành quy chế quản lý và các quy trình hoạt động khoa học và công nghệ (**3.4.01**- Các Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động NCKH và công nghệ trong Trường Cao đẳng Việt – Đức Hà Tĩnh năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022). Đồng thời Trường có chế độ chính sách hỗ trợ cho nhà giáo tham gia nghiên cứu khoa học, làm mô hình học cụ; khuyến khích các nhà giáo đạt giải trong các Hội thi thể hiện trong quy chế chi tiêu nội bộ (**1.3.01**- Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, Nhà trường đều xây dựng kế hoạch triển khai, thông báo đăng ký thực hiện các đề tài NCKH, sáng kiến kinh nghiệm (**3.4.03** - Kế hoạch của trường về công tác tổ chức/ tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp các năm 2019,2020; **3.4.04** - Kế hoạch tổ chức/tham gia hội giảng nhà giáo GDNN các cấp các năm 2020, 2021; **3.4.09**- Kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022). Có trên 50% nhà giáo nghề CNÔTÔ đăng ký tham gia NCKH, sáng kiến kinh nghiệm hàng năm và đạt được đánh giá từ trung bình trở lên. Kết quả hàng năm Khoa Công nghệ ô tô đều có giáo viên tham gia nghiên cứu KH&CN. Cụ thể:

- Năm học 2019 - 2020 có 3 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm cấp trường; 4 giáo viên tham gia đề tài cấp tỉnh;
- Năm học 2020 - 2021 có 04 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm cấp trường; 2 giáo viên tham gia đề tài cấp tỉnh;

- Năm học 2021 – 2022 có 07 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm cấp trường.

Tổng cộng có 14 đề tài được Hội đồng nghiệm thu đánh giá trong đó có 8 đề tài NCKH và sáng kiến kinh nghiệm được hội đồng đánh giá loại tốt và được Hiệu trưởng tặng giấy khen (3.4.05- *Danh sách giảng viên (cơ hữu) giảng dạy các môn chuyên ngành tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề, hội thi thiết bị đào tạo tự làm.năm 2019, 2020, 2021; 3.4.10- Tổng hợp danh sách giảng viên của khoa tham gia nghiên cứu khoa học các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 3.4.11- Các quyết định công nhận kết quả đề tài các đề tài nghiên cứu khoa học, cấp trường trở lên năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*). Ngoài ra hàng năm Khoa Công nghệ ô tô đã triển khai cho Sinh viên nghiên cứu làm hàng chục sản phẩm đồ án tốt nghiệp có tính ứng dụng cao phục vụ công việc dạy và học thực hành.

- Về công tác Hội giảng các cấp của nhà giáo:

Hàng năm, 100% nhà giáo giảng dạy nghề Công nghệ ô tô của Khoa Công nghệ ô tô tham gia đầy đủ hội giảng cấp cơ sở (cấp khoa). Trên cơ sở đó, Khoa Công nghệ ô tô chọn ra những giáo viên có chuyên môn tham gia hội giảng nhà giáo từ cấp Trường, cấp tỉnh cụ thể năm 2020 có 2 bài giảng cấp trường được đánh giá tốt và cử đi thi cấp tỉnh trong số đó có 01 giáo viên đạt giải khuyến khích và 01 giáo viên đạt giải ba Hội giảng giáo viên dạy nghề cấp tỉnh năm 2021 (3.4.04 - *Kế hoạch tổ chức/tham gia hội giảng nhà giáo GDNN các cấp các năm 2020,2021; 3.4.06- Danh sách giảng viên tham gia hội giảng nhà giáo GDNN các cấp các năm 2020, 2021; 3.4.07- Hồ sơ bài giảng /hình ảnh giảng viên tham gia hội giảng; 3.4.08- Kết quả tham gia hội giảng các cấp 2020, 2021*).

- Về công tác tham gia hội thi thiết bị tự làm:

Giáo viên của Khoa Công nghệ ô tô tham gia tích cực các hội thi thiết bị tự làm các cấp (3.4.04- *Kế hoạch của trường về công tác tổ chức/ tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp các năm 2019, 2020; 3.4.05 - Danh sách giảng viên (cơ hữu) giảng dạy các môn chuyên ngành tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề, hội thi thiết bị đào tạo tự làm; 3.4.11-Các quyết định công nhận kết quả đề tài các đề tài nghiên cứu khoa học, cấp trường trở lên năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.5:

Hàng năm, Cơ sở đào tạo tổ chức cho nhà giáo cơ hữu tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường có quy định về chế độ làm việc của nhà giáo, trong đó mỗi nhà giáo giảng dạy trình độ cao đẳng được bố trí 8 tuần/năm để học tập, bồi dưỡng nâng cao, nghiên cứu khoa học (3.2.01- *Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của*

VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022), đồng thời có chế độ chính sách hỗ trợ cho nhà giáo tham gia học tập, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn (1.3.01- Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế thu chi nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Hàng năm, Nhà trường xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ nhà giáo, BGH Trường đã xây dựng chương trình học tập, bồi dưỡng chuẩn hóa, bồi dưỡng nâng cao... mang tính dài hạn, được tiến hành theo giai đoạn (3.5.01- Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng giáo viên các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022)

Từ năm 2019 đến năm 2022, có nhiều giáo viên tham gia các lớp bồi dưỡng, nâng cao trình độ và bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy.. (3.5.02- Các Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và danh sách kèm theo; 3.5.03- Các hình ảnh giáo viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2019, 2020, 2021; 3.5.04- Báo cáo kết quả thực hiện công tác học tập bồi dưỡng của trường các năm 2019, 2020, 2021; 3.5.05- Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác đào tạo, bồi dưỡng của nhà giáo nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong toàn Trường. Kết quả khảo sát cho thấy, trên 80% ý kiến cho rằng Trường thực hiện tốt các chính sách, biện pháp khuyến khích đối với nhà giáo; nhà giáo sau khi được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ và phương pháp giảng dạy đều áp dụng trong công việc rất hiệu quả (1.1.13- Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.6 :

100% nhà giáo cơ hữu được cử đi thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ vào Thông tư số 06/2017/TT-BLĐTBXH về việc tuyển dụng, sử dụng bồi dưỡng đối với nhà giáo, Nhà trường đã ban hành quy định cử giáo viên đi trải nghiệm thực tế tại doanh nghiệp của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt- Đức Hà Tĩnh. Ngoài ra tại mục 8, điều 3, chương 2 trong Quy định về chế độ làm việc của nhà giáo cũng quy định nhà giáo phải đi thực tập tại doanh nghiệp (3.2.01 - Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CĐKTVĐ năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Nhà trường đều ban hành quyết định cử giáo viên đi thực tập thực tế tại doanh nghiệp, trên cơ sở đó Phòng Quản lý đào tạo phối hợp với khoa Công nghệ ô

tô xây dựng kế hoạch cử giáo viên đi thực tập tại các đơn vị sử dụng lao động có liên quan đến chuyên ngành Công nghệ ô tô tại các thời điểm phù hợp (3.1.02 - Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 3.1.03 - Hồ sơ quản lý nhà giáo; 3.6.01- Quyết định cử giáo viên nghề đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Qua các đợt đi thực tập, đội ngũ nhà giáo của Khoa Công nghệ ô tô có cơ hội tiếp cận, nắm bắt công nghệ sản xuất hiện đại và nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ cho công tác giảng dạy được tốt hơn. Sau mỗi đợt đi trải nghiệm, giáo viên của Khoa Công nghệ ô tô đều cáo kết quả học tập từ thực tế và được đơn vị tiếp nhận nhận xét quá trình học tập tại thực tế (3.6.02- Báo cáo kết quả học tập của giáo viên nghề sau khi tham gia thực tập thực tế năm 2019, 2020, 2021; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học các của khoa năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến phản hồi về công tác thực tập thực tế tại các đơn vị sử dụng lao động nhằm thu thập ý kiến khách quan làm căn cứ trong việc điều chỉnh nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng giáo viên trong toàn Trường (1.1.13 - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Như vậy, 100% giáo viên cơ hữu nghề Công nghệ ô tô được đi thực tế doanh nghiệp hàng năm.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.6: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.7

100% cán bộ quản lý và nhân viên đạt chuẩn về chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Hiện nay Khoa Công nghệ ô tô được bố trí có một Trưởng khoa, hai phó Trưởng khoa, một nhân viên phụ trách công tác giáo vụ Khoa. Các cán bộ quản lý này đều là nhà giáo giảng dạy chuyên môn được phân công kiêm nhiệm công tác quản lý.

Hồ sơ quản lý cán bộ Khoa Công nghệ ô tô cho thấy:

- Trưởng khoa: Đoàn Minh Hiến, sinh năm 1966, tốt nghiệp thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí năm 2014, có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 quốc gia, chứng chỉ tiếng Anh B1, chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ quản lý cơ sở dạy nghề năm 2019, chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng đối tượng 3, chứng chỉ Sư phạm dạy nghề. Bằng trung cấp Lý luận chính trị, có kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn nghề 20 năm.

- Phó Trưởng khoa: Nguyễn Hoài Đức, sinh năm 1981, thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí năm 2014, có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 quốc gia, chứng chỉ tiếng Anh

B1, chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ quản lý cơ sở dạy nghề năm 2019, chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng đối tượng 3, chứng chỉ Sư phạm dạy nghề. Bằng trung cấp Lý luận chính trị, có kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn nghề 18 năm.

- Phó Trưởng khoa: Trương Văn Giám, sinh năm 1966, thạc sỹ chuyên ngành Kỹ thuật cơ khí năm 2014, có chứng chỉ kỹ năng nghề bậc 3 quốc gia, chứng chỉ tiếng Anh B1, chứng chỉ tin học Ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản, chứng chỉ quản lý cơ sở dạy nghề năm 2018, chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng đối tượng 3, chứng chỉ Sư phạm dạy nghề. Bằng trung cấp Lý luận chính trị, có kinh nghiệm giảng dạy chuyên môn nghề 20 năm.

- Giáo vụ khoa: Nguyễn Thị Bồng, sinh năm 1978, tốt nghiệp đại học kinh tế, trình độ ngoại ngữ tiếng Anh bậc 2. Trình độ tin học B. Thời gian công tác 15 năm; Phan Thị Thu Hằng, sinh năm 1989, tốt nghiệp đại học ngoại ngữ tiếng Anh. Trình độ tin học B. Thời gian công tác 12 năm (**3.7.01- Quyết định ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Việt – Đức Hà Tĩnh; 3.7.02- Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Công nghệ ô tô; 3.7.04- Hồ sơ bổ nhiệm Trưởng khoa, phó Trưởng Khoa Công nghệ ô tô và nhân viên**).

Để quản lý hồ sơ đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên của Khoa, Nhà trường giao cho phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện việc lưu trữ hồ sơ. Đặc biệt là đội ngũ cán bộ quản lý sau khi được bổ nhiệm sẽ được cập nhật, bổ sung để lưu trữ theo quy định (**3.7.03 - Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên thực hiện chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 3.8

Hàng năm, 100% cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành các nhiệm vụ do cơ sở đào tạo giao.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên nghề Công nghệ ô tô có năng lực quản lý và nghiệp vụ chuyên môn, kinh nghiệm nhiều năm trong thực tiễn do đó đáp ứng được yêu cầu công tác hiện nay của nghề. Hàng năm, cán bộ quản lý, nhân viên thực hiện chương trình thực hiện tự đánh giá phân loại, nhà trường căn cứ để tiến hành đánh giá phân loại cán bộ quản lý, nhân viên thực hiện chương trình. Báo cáo kết quả tổng kết hằng năm của nhà trường thể hiện báo cáo kết quả cán bộ quản lý, nhân viên thực hiện chương trình đạt tiêu chuẩn. Trong các bình xét, đánh giá viên chức, người lao động hàng năm, đội ngũ cán bộ quản lý đều là hoàn thành tốt nhiệm

vụ, bình xét, thi đua khen thưởng hàng năm, 100% đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao. (3.7.02- Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo CĐ Công nghệ ô tô; 3.1.04 - Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 1.2.03 - Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa; 1.2.04 - Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường; 3.8.01- Bản chụp khen thưởng của Cán bộ, quản lý Khoa Công nghệ ô tô năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020-2021; 3.8.02- Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh về việc khen thưởng viên chức và người lao động năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 3.8: 2 điểm

3.2.4. Tiêu chí 4 - Chương trình, giáo trình.

Đánh giá tổng quát tiêu chí 4

Thực hiện theo hướng dẫn của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, Trường đã xây dựng và ban hành bộ chương trình đào tạo các nghề kèm chương trình chi tiết.

Thực hiện theo hướng dẫn thông tư 28/2017/TT-BLĐTBXH, trường đã xây dựng và ban hành Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho thấy Ban giám hiệu Nhà Trường rất chú trọng công tác nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường. Chính vì điều đó, nhà trường đã triển khai xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình, giáo trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng theo quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo; Sau khi tổ chức rà soát chương trình, nhà trường đã tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng nhằm đạt mục tiêu đào tạo của Trường phù hợp với nhu cầu phát triển nguồn nhân lực, nhu cầu học tập của người học và đáp ứng với thị trường lao động.

**** Những điểm mạnh:***

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng của trường được xây dựng, chỉnh sửa theo đúng quy định của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương trình đào tạo được xây dựng theo hướng nâng cao năng lực thực hiện người học. Hàng năm chương trình, giáo trình đào tạo được rà soát và đề xuất điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế của thị trường lao động thông qua góp ý của đại diện Doanh nghiệp cũng như điều kiện cụ thể của trường.

Chương trình đào tạo có quy định cụ thể chuẩn kiến thức, kỹ năng và phương pháp thực hiện đánh giá người học một cách cụ thể và chính xác.

Mỗi mô-đun, môn học của chương trình đào tạo đều có đủ giáo trình và tài liệu tham khảo.

* *Những tồn tại*: Chương trình đào tạo của trường chưa xây dựng đảm bảo liên thông chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng với các bậc trình độ cao hơn trong hệ thống giáo dục quốc dân.

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*: Năm học 2022 – 2023, trường phối hợp với các trường đại học chỉnh sửa chương trình đảm bảo liên thông lên trình đại học ngành Công nghệ ô tô.

Điểm đánh giá tiêu chí 4

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 4	22
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	0
Tiêu chuẩn 9	2
Tiêu chuẩn 10	2
Tiêu chuẩn 11	2
Tiêu chuẩn 12	2

Tiêu chuẩn 4.1

Chương trình đào tạo được xây dựng hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Căn cứ Thông số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 1 tháng 3 năm 2017 của Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội, Qui định về qui trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh đã ban hành quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo, tổ chức biên soạn, lựa chọn và thẩm định giáo trình trình độ trung cấp, cao đẳng của Trường (**4.1.04- Quyết định ban hành kèm theo Quy trình xây dựng, lựa chọn, chỉnh sửa chương trình đào tạo**).

Căn cứ chuẩn đầu ra nghề công nghệ ô tô đã được trường xây dựng và ban hành (**4.1.01- Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, xây dựng, thẩm định chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019; 4.1.02- Các Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019; 4.1.03- Quyết định ban hành và công bố chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019**). Ngày 15/4/2017 Trường ban hành kế hoạch số 199/KH-CĐNVĐ về việc kế hoạch xây dựng (lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo gồm 20 chương trình, trong đó có chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng. Căn cứ theo kế hoạch, Khoa Công nghệ ô tô tổ chức xây dựng, điều chỉnh, bổ sung chương trình đào tạo nghề: Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng. Ngày 20/4/2017 Phòng Quản lý đào tạo đã tham mưu cho Hiệu trưởng ký ban hành Quyết định số 206/QĐ-CĐNVĐ về việc thành lập 12 Ban chủ nhiệm xây dựng (lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh) chương trình đào tạo cho 12 nghề trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp năm 2017 (**4.1.05- Kế hoạch xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020; 4.1.06 - Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020**). Trong quá trình xây dựng, lựa chọn, bổ sung, điều chỉnh chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng, trình độ trung cấp Ban chủ nhiệm xây dựng đã họp và hội thảo về chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (**4.1.07 – Biên bản họp hội Ban chủ nhiệm xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020**);).

Sau khi Ban chủ nhiệm xây dựng (lựa chọn, bổ sung, chỉnh sửa chương trình đào tạo hoàn thiện, Hiệu trưởng đã ra quyết định số 272/QĐ-CĐNVĐ ngày 10 tháng 6 năm 2017 về việc thành lập 06 Hội đồng thẩm định 20 chương trình đào tạo cho 12 nghề trình độ Cao đẳng, trung cấp năm 2017; Quyết định số 263a/QĐ-CĐKTVĐ ngày 05/08/2020 về việc thành lập 6 hội đồng thẩm định 21 chương trình đào tạo thuộc 11 nghề trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp năm 2020 (**4.1.08 - Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020**). Hội đồng thẩm định đã họp để thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng và Trung cấp. Theo đó, Hội đồng đã thống nhất thẩm định và đánh giá chương trình là đạt yêu cầu với tỷ lệ biểu quyết 7/7 (100% số phiếu) (**4.1.09– Phiếu góp ý/phiếu phản biện thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020; 4.1.10- Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020**).

Thực hiện theo kế hoạch, Nhà trường đã ban hành Quyết định số 295/QĐ-CDNVĐ ngày 27/6/2017 về việc ban hành 10 chương trình đào tạo trình độ Trung cấp, 10 chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng. Trong đó, phụ lục 01 có chương trình đào nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng gồm 34 Mô-đun/Môn học; Quyết định số 360/QĐ/CDKTVĐ ngày 19/08/2020 về việc ban hành chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Trung cấp, trình độ Cao đẳng. Trong đó chương trình đào nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng gồm 34 Mô-đun, Môn học (**1.1.03 - Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô 2017, 2020**).

Năm 2020, Trường đã ban hành Quyết định số 25A/QĐ-CDKTVĐ ngày 20 tháng 01 năm 2020 về việc lựa chọn chương trình, giáo trình đào tạo các môn chung trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp cho các nghề đào tạo của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh (gồm 6 môn chung) (**4.1.11–Quyết định về việc lựa chọn chương trình, giáo trình đào tạo các môn chung trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp năm 2020**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.1: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.2

Có sự tham gia của ít nhất 02 đơn vị sử dụng lao động trong quá trình xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các chương trình đào tạo của Trường khi xây dựng, điều chỉnh đều có sự tham gia của các bên liên quan như: cán bộ quản lý Trường, các Khoa, giảng viên tham gia xây dựng, điều chỉnh chương trình, chuyên gia từ cơ sở GDNN khác và đại diện Doanh nghiệp. Các cán bộ, chuyên gia từ các cơ sở GDNN và Doanh nghiệp tham gia xây dựng, biên soạn chương trình dạy nghề Công nghệ ô tô là những thành viên có nhiều năm kinh nghiệm (*đáp ứng Quy định của TT 03/2017*) Ông Nguyễn Sỹ Nuôi – cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần ô tô Hoàng Hà, Ông Nguyễn Văn Hué - Cán bộ kỹ thuật CTCP ô tô Hôn đa Kim Liên Hà Tĩnh, Ông Nguyễn Hoài Vũ – Trưởng khoa CNÔTÔ trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh.

Năm 2020, chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng, được Khoa phối hợp với các khoa liên quan để thực hiện rà soát, điều chỉnh theo phương thức tích lũy tín chỉ. Trường thực hiện theo đúng quy trình xây dựng, chỉnh sửa, lựa chọn chương trình đào tạo đã ban hành. Quyết định số 61a/QĐ-CDKTVĐ ngày 18/02/2020 về việc thành lập ban chủ nhiệm xây dựng, chỉnh sửa chương trình đào tạo cho 11 nghề trong đó nghề Công nghệ ô tô có đại diện doanh nghiệp là Ông Nguyễn Sỹ Nuôi – cán bộ kỹ thuật Công ty cổ phần ô tô Hoàng Hà, Ông Nguyễn Văn Hué - Cán bộ kỹ thuật CTCP ô tô Hôn đa Kim Liên Hà Tĩnh, Ông Nguyễn Hoài Vũ – Trưởng khoa CNÔTÔ trường Cao đẳng Công nghệ Hà Tĩnh.

Trong quá trình xây dựng chương trình có lấy ý kiến của các doanh nghiệp về quá trình sản xuất, vị trí việc làm, lực lượng lao động; lấy ý kiến về mục tiêu của chương

trình, chuẩn đầu ra của nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng (**4.1.06** - *Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng CTĐT nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020*; **4.1.07** – *Biên bản họp Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020*; **4.1.08** - *Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020*; **4.1.09** - *Phiếu góp ý/ phiếu phản biện thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020*; **4.1.10** - *Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020*; **1.1.03** - *Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô 2017, 2020*).

Để xây dựng, chỉnh sửa chương trình đáp ứng yêu cầu doanh nghiệp sử dụng lao động, hàng năm trường tổ chức lấy ý kiến doanh nghiệp về chương trình đào tạo. Trên 80% doanh nghiệp đánh giá cao chương trình đào tạo của trường (**4.2.01**- *Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021*)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.2: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.3

Chương trình đào tạo thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã tổ chức xây dựng chuẩn đầu ra cho nghề Công nghệ ô tô theo quy định của Thông tư 03/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 01/3/2017 và Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng.

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017 có:

- Khối lượng kiến thức toàn khoá là 95 tín chỉ;
- Có thời gian đào tạo 3 năm;
- Khối lượng lý thuyết: 925 giờ; Thực hành, thực tập, thí nghiệm: 1668 giờ.

Như vậy, lý thuyết chiếm 34,5%; thực hành chiếm 65,5%; Yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ cao đẳng về kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm phù hợp với Thông tư 12/2017/BLĐTBXH ngày 20/4/2017 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng (**4.1.03**- *Quyết định ban hành và công bố chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019*; **1.1.03**- *Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô*).

Hàng năm nhà trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, nhà giáo, học sinh sinh viên, đại diện các doanh nghiệp có sử dụng lao động. Trên 80% ý kiến phản hồi đánh giá chương trình đào tạo của trường thể hiện được khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp (**1.1.13** - *Tổng hợp*

ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021; 4.2.01 – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.3: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.4

Chương trình đào tạo thể hiện được sự phân bổ thời gian, trình tự thực hiện các mô-đun, môn học để đảm bảo thực hiện được mục tiêu giáo dục nghề nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khoa Công nghệ ô tô đã xây dựng kế hoạch chi tiết khi biên soạn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, có thiết lập sơ đồ phân tích nội dung công việc, thứ tự các bước thực hiện một công việc, nhiệm vụ, theo cấu trúc mô-đun, phân bổ thời lượng, sắp xếp thứ tự, kỹ năng kế thừa, đều được tham khảo ý kiến nhà giáo, nhà quản lý giáo dục, doanh nghiệp, chuyên gia kỹ thuật. Ý kiến của Hội đồng thẩm định cũng có ý kiến thống nhất là chương trình đào tạo được phân bổ thời gian hợp lý, các môn học/mô-đun được xây dựng và bố trí đảm bảo sinh viên rèn luyện được kỹ năng tay nghề, đi từ cơ bản đến nâng cao, giúp sinh viên dễ dàng nắm bắt kiến thức, kỹ năng trong quá trình học (*1.1.03 - Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô; 1.1.13 - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 4.2.01 – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.4: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.5

Chương trình đào tạo thể hiện được những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên để triển khai thực hiện chương trình đào tạo nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng dựa trên chương trình khung Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và được trình bày đúng mẫu định dạng được ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đúng theo Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 20/4/2017. Trong suốt quá trình góp ý xây dựng và thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, Trường và Khoa phối hợp mời các cán bộ quản lý, nhà giáo, chuyên gia và các giám đốc doanh nghiệp tham gia đóng góp ý kiến về điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị giảng dạy, vật tư thực tập... trước, trong và sau

khi ban hành chương trình đào tạo (**1.1.03** - *Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô*).

Cơ sở vật chất bao gồm các loại thiết bị đào tạo (*học liệu, dụng cụ, mô hình cắt bỏ, bộ phận của thiết bị, thiết bị hoàn chỉnh*) tối thiểu và số lượng tối thiểu của từng loại thiết bị đào tạo mà Khoa Công nghệ ô tô Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh đã trang bị đúng như yêu cầu đào tạo của từng trình độ đào tạo theo chuyên ngành hoặc nghề để phục vụ giảng dạy nghề Công nghệ ô tô. (**4.5.01** - *Bảng tổng hợp danh mục thiết bị hiện có đào tạo CNÔTÔ*; **4.5.02** - *Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành*; **4.5.03** - *Sổ tài sản cố định*; **4.5.04** - *Báo cáo việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, tài sản năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*; **4.5.05**- *Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021*).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, CNV, NLĐ và HSSV về những yêu cầu tối thiểu về cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, những chính sách liên quan đến dạy và học nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo đầu ra. (**1.1.13** - *Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **1.1.14** - *Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.5: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.6

Chương trình đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được xây dựng dựa trên chương trình khung Bộ Lao động Thương binh và Xã hội và được trình bày đúng mẫu định dạng được ban hành tại Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 và quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng đúng theo Thông tư 12/2017/TT-BLĐTBXH ban hành ngày 20/4/2017. Kèm theo 2 thông tư này còn có thông tư 09/2017 /TT-BLĐTBXH ban hành ngày 13/3/2017 quy định về tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ trung cấp, trình độ cao đẳng theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô-đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp, Nhà trường đã ban hành Quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp.

Để xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo của nghề Công nghệ ô tô với các chương

trình chi tiết cho các môn học và mô-đun được xây dựng theo qui định của Bộ, trong đó mỗi mô-đun, môn học có quy định về cách thức đánh giá kết quả học tập như: hình thức kiểm tra, thời gian kiểm tra; danh sách các môn thi tốt nghiệp, hình thức thi, thời gian thi. Bên cạnh đó, thông qua kết quả khảo sát cán bộ, giảng viên hssv và nhà tuyển dụng về nội dung đào tạo thể hiện được phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học sau khi học xong các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo (**1.1.03** - *Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô*; **4.1.03**- *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng năm 2017, 2019*; **4.6.01**- *Các mẫu đề thi đánh giá kết quả học tập (kiến thức, kỹ năng) sau khi học xong các mô-đun/môn học*; **4.6.02**- *Các mẫu phiếu chấm thực hành*).

Hàng năm, Nhà trường thực hiện khảo sát lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của cán bộ quản lý, giảng viên, CNV, NLĐ và HSSV và doanh nghiệp về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo; chất lượng dịch vụ, giảng dạy và việc thực hiện chính sách liên quan đến người học nhằm bảo đảm chất lượng đào tạo đầu ra. (**1.1.13** - *Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **1.1.13** - *Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **4.2.01** – *Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.6:2 điểm

Tiêu chuẩn 4.7

Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Khi xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, để đảm bảo chất lượng chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ; Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh đã mời các chuyên gia có kinh nghiệm trong ngành Công nghệ ô tô và khu vực Miền trung, các nhà giáo có thâm niên giảng dạy trong ngành Công nghệ ô tô tham gia góp ý, xây dựng, biên soạn và thẩm định chương trình nghề Công nghệ ô tô trên cơ sở nghiên cứu các dự án phát triển của ngành, địa phương và đất nước. Hàng năm, nhà trường tổ chức lấy ý kiến của cán bộ, nhà giáo, hssv và nhà tuyển dụng về chương trình đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương. Thể hiện ở kết quả sinh viên có làm đúng vị trí việc làm tại doanh nghiệp, công việc hiện tại của sinh viên bố trí đúng với chuyên ngành đào tạo, có khả năng thực hiện tốt chuyên môn. Qua tổng hợp kết quả khảo sát cho thấy: Chương trình đào tạo đảm bảo phù hợp với yêu cầu phát triển của ngành, địa phương và đất nước, phù hợp với kỹ thuật công nghệ trong sản xuất, dịch vụ (**1.1.03** - *Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô*; **4.1.03**- *Quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho*

ngành CNÔTÔ trình độ Cao đẳng năm 2017, 2019; **4.1.09**- Phiếu góp ý/ phiếu phản biện thẩm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020; **4.1.10**- Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020; **1.1.13** - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **1.1.14** - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **4.1.02** – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.8

Chương trình đào tạo đảm bảo việc liên thông giữa các trình độ đào tạo trong hệ thống giáo dục quốc dân.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của trường xây dựng theo hướng liên thông giữa các trình độ đào tạo. Điều có mục tiêu chung và mục tiêu cụ thể, được thiết kế một cách hệ thống trên cơ sở bổ sung các kỹ năng và kiến thức còn thiếu. Do đó khi học chương trình đào tạo này, người học có thể liên thông một cách dễ dàng giữa các trình độ đào tạo. Khi liên thông dọc từ bậc sơ cấp lên trung cấp và cao đẳng cùng nghề thì chỉ cần bổ sung thêm một số mô-đun, môn học nâng cao. Còn đối với trường hợp liên thông ngang, người học muốn chuyển sang một nghề khác cùng cấp trình độ thì được miễn các môn học, mô-đun đã học. Đối với liên thông lên Đại học trường đã có kế hoạch liên kết với trường Đại học sư phạm kỹ thuật Vinh có đào tạo chương trình nghề Công nghệ ô tô để đào tạo liên thông trong những năm tiếp theo. Tuy nhiên chương trình của trường chưa kết hợp các trường Đại học xây dựng liên thông lên đại học (**1.1.03** - Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô; **1.1.13** - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **1.1.14** - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **4.1.02** – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.8: 0 điểm

Tiêu chuẩn 4.9

Có đủ giáo trình cho các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng có 33 mô-đun/môn học (tính cả môn học chung; các mô-đun/môn học cơ sở; các mô-đun/môn học chuyên nghề; không tính mô-đun thực tập tốt nghiệp vì mô-đun này được viết dưới dạng đề cương). Tất cả các môn học, mô-đun có đầy đủ 33 giáo trình mô-đun/ môn học và 1 đề

cương thực tập sản xuất, thực tập tốt nghiệp (**1.1.03** - Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô; **4.9.01** – Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô-đun; **4.9.02** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.9: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 4.10

100% giáo trình được biên soạn hoặc lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Qua xem xét hồ sơ minh chứng của giáo trình, Đoàn nhận thấy khoa Điện – Điện tử đã tổ chức thực hiện biên soạn, thẩm định, ban hành đúng theo các Điều 12, 13, 14 và 15 Thông tư 03/2017/TT-BLĐTĐ ngày 01/3/2017 quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng. Quy trình tổ chức thực hiện biên soạn, thẩm định, ban hành giáo trình tại trường Cao đẳng KTVĐ Hà Tĩnh như sau: sau khi Hiệu trưởng ký kế hoạch biên soạn, lựa chọn, điều chỉnh giáo trình, tiếp theo Trường thành lập các ban biên soạn giáo trình bao gồm BGH, Trưởng Phòng Quản lý đào tạo làm thư ký, các Trưởng khoa làm trưởng ban các nghề mình phụ trách; tiếp theo các Trưởng khoa họp khoa và phân công giáo viên biên soạn giáo trình; Khoa chuyên môn tổ chức hội thảo góp ý; Khoa và giáo viên được phân công chỉnh sửa hoàn thiện giáo trình; sau đó trình hội đồng thẩm định và sau khi thẩm định Hiệu trưởng ký quyết định ban hành sử dụng (**1.1.03** - Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô; **4.10.01**- Kế hoạch biên soạn (lựa chọn, điều chỉnh) giáo trình; **4.10.02** - QĐ thành lập Ban biên soạn, chỉnh sửa giáo trình đào tạo nghề CNÔTÔ các năm 2017, 2020; **4.10.03**- Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình; **4.10.04** – Phiếu góp ý/ phiếu phản biện; **4.10.05** - Biên bản thẩm định giáo trình; **4.10.06** - Quyết định phê duyệt đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo nghề CNÔTÔ; **4.9.01** – Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học; **4.9.02** - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ).

Như vậy 100% giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô được biên soạn, lựa chọn, thẩm định, ban hành, đánh giá và cập nhật theo quy định.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.10: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.11

Giáo trình cụ thể hóa yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng của từng mô-đun, môn học trong chương trình đào tạo; Nội dung giáo trình phù hợp để thực hiện phương pháp dạy học tích cực.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều được tổ chức biên soạn trên cơ sở mục tiêu của mô-đun, môn học và phù hợp với mục tiêu chương trình đào tạo được ban hành cùng các chuẩn đầu ra; cụ thể hóa phương pháp đánh giá kết quả học tập, xác định mức độ đạt yêu cầu về năng lực của người học và được công bố cho người học biết ở buổi học đầu tiên của mô-đun/môn học đó.

Hàng năm, Giảng viên của Khoa đi học tập nâng cao tay nghề tại Doanh nghiệp kết hợp với việc lấy ý kiến khảo sát về mức độ đáp ứng yêu cầu về Kiến thức, Kỹ năng của từng mô-đun, môn học nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh giáo trình đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất thực tế. Ngoài ra, khi tổ chức thẩm định giáo trình giảng dạy, tất cả các thành viên phản biện đều cho rằng các giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đã cụ thể hóa các yêu cầu về nội dung kiến thức, kỹ năng, thái độ trong từng giáo trình dạy nghề, tạo điều kiện để giảng viên thực hiện phương pháp dạy học tích cực, phục vụ tốt cho việc giảng dạy các mô-đun/môn học trong chương trình dạy nghề. (1.1.03 - Quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ; 4.9.01 – Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô-đun; 4.9.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ).

Hàng năm, trường tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ cán bộ quản lý, giáo viên, người lao động, HSSV và doanh nghiệp về mức độ đáp ứng yêu cầu về Kiến thức, Kỹ năng và Năng lực tự chủ và trách nhiệm của từng mô-đun/ môn học nhằm phục vụ cho việc điều chỉnh giáo trình đào tạo phù hợp với tình hình sản xuất thực tế. Trên 80% phản hồi đánh giá hài lòng về mức độ đáp ứng của giáo trình (1.1.13 - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 4.2.01 – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.11: 2 điểm

Tiêu chuẩn 4.12

Nội dung giáo trình đảm bảo phù hợp với công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Tất cả các giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đều được biên soạn dựa trên cơ sở các nội dung và yêu cầu tại đề cương chi tiết của các mô-đun/ môn học. Khi xây dựng đề cương chi tiết mô-đun/ môn học đều có ý kiến đóng góp của đại diện doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh/dịch vụ. Kết hợp việc tự học tập nâng cao trình độ và

qua 4 tuần học tập tại Doanh nghiệp của các Giảng viên thì có thể nói rằng nội dung các giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô đảm bảo cập nhật tiến bộ công nghệ sản xuất, kinh doanh, dịch vụ và các kỹ nghệ biên soạn giáo trình liên quan đến chương trình đào tạo (**1.1.03** - *Quyết định ban hành kèm theo chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ*; **4.9.01** – *Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô-đun*; **4.9.02** - *Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ*).

Hàng năm, Trường đều tổ chức lấy ý kiến nhận xét, đánh giá của người sử dụng lao động, người đã tốt nghiệp về sự phù hợp của giáo trình giảng dạy với yêu cầu thực tiễn của thị trường lao động, kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ bình quân nhận xét mức độ đáp ứng yêu cầu thực tiễn nghề nghiệp của giáo trình trên 80% (**1.1.13** - *Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **1.1.14** - *Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **4.2.01** – *Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 4.12: 2 điểm

3.2.5. Tiêu chí 5 - Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện

Đánh giá tổng quát tiêu chí 5

Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được thành lập tại Quyết định số 1871/QĐ-BLĐTBXH ngày 31/12/2007 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội trên cơ sở nâng cấp Trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức thành lập ngày 03/5/2002 tại Quyết định số: 919/QĐ/UB-TC ngày 03/5/2002 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh. Trường Cao Đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh được đổi tên tại Quyết định số 1471/QĐ-LĐTBXH ngày 15/09/2017 của Bộ trưởng Bộ lao động - Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức thành Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh. Hiện nay, Nhà trường có 01 cơ sở chính tại đường Nguyễn Công Trứ, phường Nguyễn Du, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

Trường được tiếp nhận dự án hỗ trợ đào tạo nghề do Chính phủ Cộng hoà Liên bang Đức viện trợ theo Hiệp định của hai Chính phủ về hỗ trợ phát triển với Dự án, Khoa Công nghệ ô tô đã được đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo, hệ thống phòng học, phòng thực hành, hệ thống điện nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

**** Những điểm mạnh:***

Trang thiết bị, dụng cụ tại Khoa Công nghệ ô tô bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường, thiết bị phong phú, có chất lượng tốt.

Có hệ thống điện tại tất cả các công trình phòng học, phòng thực hành, đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, sản xuất và sinh hoạt.

Các máy móc, thiết bị có chất lượng tốt, đạt tiêu chuẩn về mặt kỹ thuật phục vụ tốt cho các nghề trường đang đào tạo.

Trường có thư viện điện tử tiện dụng cho giáo viên, học sinh, sinh viên tra cứu tài liệu. Chương trình, giáo trình tài liệu tham khảo được số hóa.

Đội ngũ giáo viên có kiến thức, kỹ năng thực hiện quản lý và bảo dưỡng các trang thiết bị của nhà trường. Có sử dụng các phần mềm ảo để mô phỏng trong giảng dạy.

* *Tồn tại*: Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*

Năm học 2022-2023 Nhà trường sẽ đầu tư thêm trang thiết bị và tài liệu tham khảo nhằm nâng cao hơn nữa chất lượng thư viện trường.

Điểm đánh giá tiêu chí 5

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 5	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 5.1

Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh được nâng cấp từ trường Dạy nghề Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh theo quyết định số 1471/QĐ-LĐTBXH ngày 15/09/2017 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội (**5.1.01- Quyết định số 1471/QĐ/LĐTBXH ngày 15 tháng 9 năm 2017 của BLĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Việt –**

Đức thành trường Cao đẳng kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh). Trường trực thuộc UBND tỉnh Hà Tĩnh, có tổng diện tích mặt bằng là 57.524m², có địa chỉ tại số 371 Nguyễn Công Trứ - Phường Nguyễn Du - TP Hà Tĩnh (**5.1.02- Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 13 tháng 03 năm 2000 về việc cấp và công nhận quyền sử dụng đất của trường; 5.1.03 - Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 919/2002 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 03/02/2002**).

Địa điểm của Trường có vị trí địa lý thuận lợi, cụ thể: Trường được kết nối với hệ thống giao thông thuận tiện, phía trước cổng Trường là đường Nguyễn Công Trứ; phía Bắc giáp đại lộ Xô Viết Nghệ Tĩnh có tuyến xe bus kết nối các tuyến trong Thành phố và đi các huyện lân cận như các tuyến Hà Tĩnh – Kỳ Anh; Hà Tĩnh - Hương Khê; Hà Tĩnh Hương Sơn và Hà Tĩnh – Vinh. Như vậy việc đi lại học tập, giảng dạy của HSSV và nhà giáo rất thuận tiện.

Phòng học, giảng đường, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, phòng học chuyên môn hóa đảm bảo theo quy chuẩn thiết kế đáp ứng cho hoạt động dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng theo thông tư 38/2018/TT-BLĐTBXH. Hệ thống các công trình phòng học lý thuyết, thực hành của Nhà trường đã được thiết kế phù hợp với công năng đảm bảo quy chuẩn xây dựng. Nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thuộc Khoa Công nghệ ô tô được bố trí tập trung tại khu nhà trệt với diện tích 1262m². Trong đó có 3 phòng lý thuyết với diện tích 200m² (diện tích mỗi phòng 70m²), 06 xưởng thực hành với 1460m² và văn phòng khoa và quản lý khoa chiếm diện tích 60m², 01 kho có diện tích 125m². Ngoài ra phòng học lý thuyết còn được bố trí tại khu giảng đường chung của toàn trường với diện tích chiếm đất 743 m² và diện tích sử dụng là 1040m² với 16 phòng diện tích mỗi phòng trên 60 m². Vị trí xưởng đặt tại trung tâm Trường thuận tiện cho việc đi lại và lưu thông, vận chuyển vật tư thiết bị. Ngoài khu vực sinh hoạt, học tập chuyên môn, Trường bố trí các khu vực khác đảm bảo cho hoạt động đào tạo như khu thể thao, sân bóng với diện tích 7.213,4m², thư viện với diện tích sử dụng 870 m², khu nhà hiệu bộ, hội trường cùng nhiều công trình khác phục vụ công tác đào tạo (**5.1.04- Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường; Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo; 5.1.05 – Hình ảnh các phòng học, xưởng thực hành nghề CNÔTÔ**).

Trường có số lượng phòng học lý thuyết và xưởng thực hành đảm bảo đủ về số lượng và diện tích cho các lớp nghề Công nghệ ô tô (**3.3.01- Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo nghề CNÔTÔ; 5.1.12 - Bảng thống kê số lượng phòng học, xưởng thực hành phục vụ chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm học 2019, 2020, 2021**).

Tại các phòng thực hành các thiết bị, dụng cụ được bố trí gọn gàng, đủ không gian để sinh viên thực hành và trên các thiết bị đều có dán các yêu cầu công nghệ và quy trình vận hành. Nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng là nghề trọng điểm được đầu tư để hướng đến cấp độ quốc tế, do đó các thiết bị hiện đại phù hợp với nhu cầu đào tạo, các trang thiết bị được đầu tư phù hợp nên chất lượng các phòng, xưởng thực hành, được chuyên môn hóa cơ bản đáp ứng yêu cầu thực hành của từng nghề. Các thiết bị đào tạo

chính đạt mức tương đương trình độ công nghệ của sản xuất, dịch vụ hiện tại; chất lượng trang thiết bị, dụng cụ đáp ứng yêu cầu thông số kỹ thuật và mỹ thuật, các yêu cầu về sức khỏe, vệ sinh và an toàn lao động (5.1.13 - *Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*). Hàng năm Khoa có thực hiện báo cáo về điều kiện phòng học lý thuyết, thực hành, phòng học chuyên môn hóa, trong các báo cáo hàng năm cho thấy phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa đáp ứng về số lượng theo quy mô đào tạo của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (5.1.14 - *Báo cáo đánh giá về điều kiện phòng học lý thuyết, thực hành năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022*).

Để bảo quản thiết bị phục vụ công tác đào tạo, trường có quyết định phân công các giáo viên quản lý xưởng thực hành (5.1.18- *Quyết định về phân công giáo viên phụ trách các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn*). Hàng năm, trường lập kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị nhằm nâng cao hiệu suất phục vụ giảng dạy (5.1.19- *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm*; 5.1.20- *Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm*; 5.1.21- *Biên bản thanh tra, kiểm tra đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học*).

Hệ thống điện cung cấp cho hệ thống phòng học, xưởng thực hành và các sinh hoạt khác của của nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng nằm trong hệ thống điện của Nhà trường và được cung cấp từ mạng lưới điện quốc gia, thông qua Công ty Điện lực Hà Tĩnh đảm bảo lượng điện cho mọi hoạt động với trạm biến áp 180KVA-22/0,4 KV đảm bảo cấp điện cho sinh hoạt, học tập thực hành, thực tập và mọi hoạt động khác của Nhà trường (5.1.06- *Hợp đồng mua bán điện với công ty điện lực Hà Tĩnh*; 5.1.07- *Hóa đơn thu tiền điện*; 5.1.08 - *Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trạm biến áp 180KVA*). Hệ thống điện lưới của tỉnh Hà Tĩnh luôn phục vụ thường xuyên, liên tục đảm bảo ổn định cho hoạt động giảng dạy của Nhà trường, tuy nhiên để đề phòng mất điện đột xuất hiện trường bố trí các máy phát công suất nhỏ phục vụ chiếu sáng cho các phòng làm việc.

Hệ thống nước sinh hoạt của Khoa Công nghệ ô tô nằm trong hệ thống nước sinh hoạt của Trường và được cung cấp bởi Công ty cấp nước Hà Tĩnh tỉnh Hà Tĩnh đáp ứng được yêu cầu nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đảm bảo nhu cầu sử dụng nước cho các hoạt động đào tạo của nghề (5.1.09 - *Hợp đồng mua bán nước với công ty cấp nước Hà Tĩnh*; 5.1.10 - *Hóa đơn thu tiền nước*; 5.1.11 - *Phiếu kết quả kiểm nghiệm nguồn nước ăn uống và sinh hoạt của Công ty cổ phần nước sạch*). Hệ thống thoát nước được Trường thiết kế hợp lý, đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường, tránh ngập úng vào mùa mưa. Nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng trong quá trình thực hành nghề không phát sinh các yếu tố gây ô nhiễm nguồn nước, do đó không cần phải có hệ thống xử lý nước thải. Tất cả nước thải trong sinh hoạt đều được thu qua vào các hầm lắng để xử lý và đưa ra hệ thống thoát chung của thành phố Hà Tĩnh. Toàn bộ rác thải của trường được thu gom và xử lý theo đúng quy định (5.1.15- *Bản vẽ thi công trạm xử lý nước thải*; 5.1.16-

Sơ đồ thu gom rác thải của toàn trường; 5.1.17- Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải).

Hàng năm, Trường có khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, HSSV về Phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo. Kết quả trên 80% ý kiến đánh giá các phòng học, phòng thí nghiệm, xưởng thực hành, hệ thống điện, nước đảm bảo quy chuẩn xây dựng và yêu cầu đào tạo (1.1.13 - Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.2

Đảm bảo đủ chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng đã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại phù hợp với nghề đào tạo, có hồ sơ quản lý rõ ràng và yêu cầu chương trình đào tạo (5.1.14 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; 4.5.01 - Bảng tổng hợp danh mục thiết bị hiện có đào tạo nghề CNÔTÔ; 4.5.02- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành). Tất cả thiết bị đào tạo của Nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng được bố trí tại các xưởng thực hành và được quản lý khoa học, tại các xưởng thực hành đều có sổ sách theo dõi (4.5.03 - Sổ theo dõi tài sản cố định).

Căn cứ vào danh mục tối thiểu tại thông tư 06/2015/TT-BLĐTBXH có hiệu lực từ ngày 10 tháng 04 năm 2015 (Ban hành danh mục thiết bị dạy nghề trọng điểm cấp độ quốc gia trình độ trung cấp nghề, trình độ cao đẳng nghề cho các nghề: Kỹ thuật sửa chữa, Lắp ráp máy tính; Quản trị mạng máy tính; Kỹ thuật xây dựng; Quản trị mạng máy tính; Hàn; Công nghệ ô tô; Điện dân dụng; Công nghệ ô tô; Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí; Điện tử dân dụng; Điện tử công nghiệp; May thời trang; Nghiệp vụ nhà hàng - quản trị nhà hàng; Kỹ thuật chế biến món ăn) đối chiếu với thiết bị hiện có cho thấy danh mục thiết bị hiện có để giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng thì thiết bị hiện có của trường đáp ứng đủ chủng loại thiết bị. Hàng năm, qua công tác kiểm kê Trường có báo cáo đánh giá công tác quản lý và sử dụng thiết bị, có đánh giá ưu điểm và các tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng thiết bị của từng khoa trong nhà Trường, qua báo cáo cho thấy các khoa quản lý và sử dụng hiệu quả thiết bị, đồng thời cũng nêu các tồn tại của từng Khoa để làm cơ sở để các khoa quản lý tốt hơn (4.5.04 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm của trường; 4.5.05- Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, nhà trường thực hiện khảo sát nhà giáo, cán bộ và học sinh sinh viên về chủng loại thiết bị đào tạo đáp ứng yêu cầu của chương trình đào tạo. Kết quả tổng hợp cho thấy trên 85% đánh giá tốt (**1.1.13- Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14-Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022**).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.3

Đảm bảo đủ số lượng thiết bị đào tạo chính đáp ứng đủ theo quy mô, yêu cầu đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thiết bị phục vụ giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng được hỗ trợ từ các dự án của Đức và được mua sắm theo các chương trình mục tiêu, mua sắm thường xuyên, các thiết bị sau khi mua sắm được giao cho khoa quản lý (**5.1.14 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa; 4.5.02- Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành**).

Hàng năm, qua công tác kiểm kê Trường có báo cáo đánh giá công tác quản lý và sử dụng thiết bị, có đánh giá ưu điểm và các tồn tại trong công tác quản lý và sử dụng thiết bị của từng khoa trong nhà Trường, qua báo cáo cho thấy các khoa quản lý và sử dụng hiệu quả thiết bị, đồng thời cũng nêu các tồn tại của từng Khoa để làm cơ sở để các khoa quản lý tốt hơn (**4.5.04 - Báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm của trường; 4.5.05- Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021**).

Theo thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học lý thuyết và thực hành của các mô-đun, môn học của chương trình đào tạo Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019-2020 có 06 lớp, lớp có số học sinh đông nhất là 29 SV; năm 2020-2021 có 05 lớp, lớp có số học sinh đông nhất là 21 SV; năm 2021-2022 có 06 lớp, lớp có số học sinh đông nhất là 24 SV (**5.3.01 – Thống kê số lượng người học kèm theo danh sách tại mỗi lớp học cao đẳng của nghề CNÔTÔ năm học 2019 -2020, 2020-202, 2021-2022; 2.1.07- Các Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021, 2022; 2.1.08- Quyết định mở lớp kèm theo danh sách nghề CNÔTÔ các năm 2019-2022**). Khoa xây dựng thời khóa biểu học tập tại các lớp; kế hoạch giảng dạy, tiến độ đào tạo cho thấy: Với lớp học lý thuyết, số học sinh tham gia lớp học lý thuyết đông nhất là 29 SV đảm bảo số lượng cho lớp lý thuyết theo quy định. Về thực hành, đối với các lớp có số SV đông Khoa tiến hành chia ca đảm bảo ca thực hành không quá 18 SV, cụ thể với lớp có HSSV đông nhất là 29 SV khi thực hành chia 2 ca, mỗi ca có nhiều nhất 15 SV đảm bảo ca thực hành không quá 18 SV (**2.2.02 - Kế hoạch đào tạo và Tiến**

độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 2.2.04- Thời khóa biểu hàng năm từ 2019-2022).

Đối chiếu thiết bị hiện có của Trường với danh mục thiết bị tối thiểu theo các thông tư của Bộ Lao Động Thương Binh và Xã Hội trường nhận thấy số lượng thiết bị giảng dạy nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng đảm bảo đủ số lượng tối thiểu về các chủng loại theo quy định.

Hàng năm nhà trường tổ chức khảo sát ý kiến phản hồi của nhà giáo, cán bộ và học sinh sinh viên về số lượng thiết bị đào tạo thiết bị đào tạo đáp ứng tốt của chương trình đào tạo. Trên 80% ý kiến phản hồi đánh giá thiết bị đào tạo đáp ứng tốt của chương trình đào tạo (*1.1.13- Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14- Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).*

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.4

Thiết bị, dụng cụ phục vụ đào tạo được bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trang thiết bị dụng cụ trong xưởng thực hành được bố trí hợp lý, gọn gàng, thuận tiện, lắp đặt chắc chắn, có lối đi đủ rộng thuận tiện cho việc đi lại, thao tác, vận hành, bảo dưỡng và tổ chức hướng dẫn thực hành cho cả lớp, nhóm và cá nhân sinh viên với học sinh viên học nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng (*5.4.01 - Sơ đồ bố trí các thiết bị dạy nghề trong xưởng thực hành; 5.4.02 - Hình ảnh lắp đặt các thiết bị và đồ dùng dạy học).*

Trong mỗi phòng thực hành đều có nội quy xưởng, hướng dẫn sử dụng, chú ý an toàn với các thiết bị thực hành tại các xưởng và tại các thiết bị (*5.4.03 - Nội quy phòng học, xưởng thực hành*). Tất cả các máy móc, trang thiết bị của trường đều có hồ sơ xuất xứ, nơi, năm sản xuất (*5.1.14 - Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa*). Trang thiết bị sau khi chuyển giao cho Khoa Công nghệ ô tô sẽ được phân công cho các giáo viên trực tiếp quản lý sử dụng từng phòng, tất cả đều được quản lý tốt và sử dụng đúng công năng. Để quản lý tốt trang thiết bị Nhà trường đã ban hành quyết định số 441/QĐ-CĐKTVD ngày 15 tháng 11 năm 2017 về phân công giáo viên phụ trách các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn (*5.1.18– Quyết định số 435/QĐ-CĐKTVD, Quyết định số 436/QĐ-CĐKTVD, Quyết định số:438/QĐ-CĐKTVD ngày 16/08/2018 về việc cử giáo viên làm quản lý xưởng; 4.5.03 - Sổ theo dõi tài sản cố định*).

Công tác an toàn và vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường được thực hiện theo chế độ trong ngày vào cuối giờ học thực hành của sinh viên, theo nội quy quy định rất chặt chẽ, đảm bảo về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường. Các trang thiết bị lắp đặt bảo đảm các yêu cầu kỹ thuật, mỹ thuật công nghiệp, thẩm mỹ nghề nghiệp và môi trường sư phạm, tại các xưởng thực hành có bố trí tủ y tế. Ngoài ra Nhà trường cũng thực hiện tốt công tác kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất về công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp tại các xưởng thực hành mà khoa quản lý (5.4.04 - *Biên bản kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp năm 2019, 2020, 2021*).

Về công tác bảo trì, bảo dưỡng, hàng năm Nhà trường đều có ban hành quyết định kèm theo Quy định quản lý và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị cơ sở vật chất, cụ thể năm 2018 có Quyết định số 545/QĐ-CDKTVĐ ngày 10 tháng 8 năm 2018; Năm 2019 có Quyết định số 630/QĐ-CDKTVĐ ngày 16 tháng 8 năm 2019; năm 2021 có Quyết định số 66/QĐ-CDKTVĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021 (5.4.05- *Các Quyết định Ban hành quy định quản lý và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị cơ sở vật chất-kèm quy định*). Việc bảo trì bảo dưỡng được thực hiện nghiêm túc, đúng theo quy định gồm bảo dưỡng thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ và có thực hiện báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng (5.1.19 - *Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm; 5.1.20- Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị; 5.1.21- Biên bản thanh tra, kiểm tra đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học*).

Hàng năm Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý về việc bố trí hợp lý, thuận tiện cho việc thực hành, đảm bảo các yêu cầu sư phạm, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp, vệ sinh môi trường; thiết bị đào tạo có hồ sơ quản lý rõ ràng, được sử dụng đúng công năng, quản lý, bảo trì, bảo dưỡng theo quy định (1.1.13- *Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14- Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.5

Nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện; được quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường đã xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật căn cứ hướng dẫn tại Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 08/2018/TT-BLĐTBXH “Quy định về xây dựng, thẩm định và ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về đào tạo trong lĩnh vực giáo giục nghề nghiệp” cụ thể:

Trong năm 2018, Trường đã xây dựng định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô có căn cứ theo Thông tư số 14/2017/TT-BLĐTBXH ngày 25/5/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về việc xây dựng, thẩm định và ban hành định mức KT-KT về đào

tao áp dụng trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp và đã ban hành định mức kinh tế kỹ thuật theo quyết định số 437/QĐ-CĐNVĐ ngày 15/8/2018 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật.

Năm 2020, căn cứ theo Thông tư số 24/2019/TT-BLĐTBXH ngày 24/12/2019. Nhà trường đã xây dựng và điều chỉnh lại định mức tiêu hao vật tư cũng như định mức kinh tế - kỹ thuật trong đào tạo cho nghề Công nghệ ô tô và ban hành và quyết định số 59/QĐ-CĐNVĐ ngày 20/02/2020 về việc ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô.

Quá trình xây dựng, thẩm định được thực hiện đầy đủ các bước từ việc trường thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng định mức KTKT, thành lập hội đồng thẩm định định mức KTKT từ đó ra quyết định ban hành định mức KTKT (5.5.01- Quyết định về việc thành lập BCN xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật Nghề CNÔTÔ trình độ Cao đẳng của trường CDKT Việt – Đức Hà Tĩnh 2018, 2019, 2021; 5.5.02- Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định định mức Kinh tế kỹ thuật nghề CNÔTÔ trình độ Cao đẳng của trường CDKT Việt – Đức Hà Tĩnh; 1.3.01 – Quyết định ban hành định mức kinh tế kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô).

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 207/QĐ-CĐKTVD ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Quy trình mua sắm, thanh toán, quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư thực hành trong đào tạo tại trường Cao Đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh (5.5.03- Quyết định số 207/QĐ-CĐKTVD ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Quy trình mua sắm, thanh toán, quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư thực hành trong đào tạo tại trường Cao Đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh).

Hàng năm, dựa vào kế hoạch giáo viên, kế hoạch đào tạo, các khoa nghề lập dự trữ vật tư phục vụ đào tạo theo từng học kỳ, năm học trong đó đề xuất rõ số lượng, chủng loại, chất lượng vật tư (5.5.04- Thông báo kế hoạch chuẩn bị vật tư cho năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 5.5.05- Bảng tổng hợp đề xuất vật tư năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Việc cấp phát, thu nhận trang thiết bị, vật tư được Trường quản lý theo một quy trình chặt chẽ đảm bảo tính công khai, minh bạch thể hiện qua hệ thống sổ sách theo dõi. Vật tư khi mua về sẽ làm thủ tục nhập kho và viết vào phiếu nhập kho có đầy đủ các bên tham gia ký xác nhận (5.5.06- Sổ cấp phát vật tư thực hành nghề Công nghệ ô tô năm 2019, 2020, 2021; 5.5.07- Biên bản bàn giao trang thiết bị, vật tư cho Khoa Công nghệ ô tô năm 2019, 2020, 2021).

Hàng năm, Nhà trường đều tổ chức kiểm kê vật tư tài sản theo quy định của nhà nước sau kiểm kê có phân loại vật tư tài sản kém phẩm chất, cũ, hư hỏng không còn sử dụng được đề nghị cho thanh lý (4.5.05- Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021). Để đánh giá kết quả công tác quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên nhiên vật liệu phục vụ đào tạo, hàng quý Nhà trường có báo cáo kết quả công tác quản lý, cấp phát, sử dụng nguyên nhiên vật liệu (5.5.08- Báo cáo công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, vật liệu phục vụ đào tạo 2019, 2020, 2021).

Hàng năm Trường tổ chức khảo sát lấy ý kiến của nhà giáo, người học về, bố trí sắp xếp; quản lý, cấp phát, sử dụng theo quy định; đáp ứng kế hoạch và tiến độ đào tạo (**1.1.13- Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14-Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022**). Kết quả cho thấy trên 80% các ý kiến đều cho rằng nguyên, nhiên, vật liệu được bố trí sắp xếp gọn gàng, ngăn nắp thuận tiện, được cung cấp kịp thời phù hợp xưởng thực hành.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.5: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.6

Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện Trường được bố trí ở vị trí thuận lợi phục vụ người đọc được đầu tư trang thiết bị đầy đủ và không ngừng được bổ sung hàng năm. Số lượng sách, báo, giáo trình, tài liệu tham khảo được trang bị khá đầy đủ cả về số lượng và chủng loại phù hợp với từng ngành nghề đào tạo, được cập nhật liên tục và phong phú. Số lượng đầu sách tại Thư viện đáp ứng nhu cầu đọc và mượn sách của cán bộ, giảng viên và sinh viên. Hiện nay, thư viện có hệ thống internet, nên thuận lợi cho việc truy cập thông tin nhanh và hiệu quả.

Căn cứ các nghề đào tạo, chương trình đào tạo của từng nghề, đề xuất của các giảng viên và nhu cầu của sinh viên, hàng năm lượng giáo trình, sách tài liệu tham khảo bổ sung về cho Thư viện được tăng dần. Lượng giáo trình còn được bổ sung thường xuyên trong năm 2020, số giáo trình đảm bảo tối thiểu 05 bản in /01 giáo trình (**1.1.03- Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô; 5.6.01 - Bảng kê danh mục môn học/mô-đun chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ; 4.10.06 - Quyết định phê duyệt đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo nghề CN Ô TÔ; 5.6.02- Bảng kê danh mục giáo trình Cao đẳng CN Ô TÔ; 4.9.02 - Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT Cao đẳng CN Ô TÔ; 5.6.03 – Bảng kê danh mục giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm tại thư viện; 5.6.04 – Thống kê số lượng người học nghề trong 3 năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022**).

Tổ chức hoạt động, hình thức phục vụ của thư viện trường phù hợp với nhu cầu tra cứu của cán bộ quản lý, nhà giáo và người học.

Trong các năm vừa qua, hoạt động Thư viện Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu mượn và đọc tài liệu của cán bộ giảng viên, sinh viên. Để tăng cường hơn nữa về công tác quản lý cũng như tạo điều kiện nhiều hơn cho các em đến Thư viện, đọc sách, tra cứu thông tin mạng. Thư viện ban hành nội quy hoạt động, lịch hoạt động thường kỳ phù hợp hoạt động dạy và học của sinh viên và cán bộ giảng viên. Các sách mới phát

hành về Thư viện cũng được thông báo kịp thời để sinh viên biết và cập nhật tài liệu. Hơn nữa, Thư viện có mục giới thiệu sách chuyên ngành của Khoa để cán bộ giảng viên và sinh viên trong Khoa cập nhật nội dung và sách phục vụ cho công tác nghiên cứu và học tập của giảng viên và sinh viên trong Nhà trường.

Các giáo trình, sách và tài liệu tham khảo thuộc chuyên ngành của Khoa trong Thư viện đã được sắp xếp theo khu vực của từng chuyên ngành để dễ sử dụng. Thư viện được đầu tư xây dựng theo hướng hiện đại, đồng bộ như hệ thống cửa vào ra vào, giám sát chặt chẽ; phục vụ và quản lý đọc giả, mượn/trả, tra cứu thông qua hệ thống phần mềm thư viện; có đầy đủ máy tính được kết nối mạng và internet tốc độ cao đáp ứng nhu cầu tra cứu, truy cập thông tin của nhà giáo và người học. Thư viện được bổ sung mua sắm hàng năm nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu bạn đọc (**5.6.05** – *Danh mục giáo trình nghề đã được số hóa*; **5.6.06** – *Danh mục tài liệu tham khảo đã được số hóa*).

Hằng năm trường tổ chức khảo sát ý kiến nhà giáo và học sinh sinh viên về Thư viện có đủ chương trình, giáo trình đã được cơ sở đào tạo phê duyệt; mỗi loại giáo trình có tối thiểu 05 bản in và đáp ứng được nhu cầu nghiên cứu, học tập của nhà giáo và người học; có đủ sách, tạp chí, tài liệu tham khảo tối thiểu 05 đầu sách/người học; 100% chương trình, giáo trình được số hóa và tích hợp với thư viện điện tử phục vụ hiệu quả cho hoạt động đào tạo (**1.1.13** - *Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022*; **1.1.14** – *Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022*).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.7

Thư viện được trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thư viện trường hiện có 01 phòng lưu trữ tài liệu, 01 phòng thư viện điện tử và được bố trí 01 phòng đọc (*phòng đọc khi nhà trường mở rộng thêm 2 phòng trên tầng 2 dãy nhà A*) với tổng diện tích cả phòng lưu trữ, phòng thư viện điện tử và phòng đọc là 870m² (*được bố trí tại khu nhà A*). Trường có thư viện điện tử với 23 máy tính trạm và 01 máy tính (*tổng 24 máy tính*) chủ được kết nối internet phục vụ cho việc tra cứu giáo trình và tài liệu có (**5.7.01**- *Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện*). Trường đã đầu tư phần mềm quản lý thư viện và thư viện điện tử phục vụ cho giảng viên và sinh viên, cán bộ quản lý nhà trường thuận tiện hơn trong tra cứu (**5.7.09**- *Hồ sơ Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu được sử dụng tại thư viện*; **5.7.10** - *Cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện điện tử* ; **5.7.11**. *Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử của thư viện*). Thư viện trường có Wifi truy cập thông tin nhanh và hiệu quả và có thể truy cập nhanh vào website của Trường: Vdht.edu.Vn. Thư viện có 1466 số đầu giáo trình, tài liệu tham khảo nghề

Công nghệ ô tô được số hóa (5.6.05 - Danh mục giáo trình nghề đã được số hóa; 5.6.06 - Danh mục tài liệu tham khảo đã được số hóa).

Nhà trường đã ban hành Quyết định số 425 ngày 01/08/2017 về việc quy định đối với độc giả và nội qui, quy chế hoạt động của thư viện (5.7.02 - Quyết định số 425 ngày 01/08/2017 ban hành quy định đối với độc giả và nội qui, quy chế hoạt động của thư viện). Trường có cán bộ chuyên trách công tác thư viện, thư viện được mở cửa 7 giờ sáng đến 11h30' sáng và từ 13 giờ 30' đến 17h30' chiều trong ngày từ thứ 2 đến thứ 6 (5.7.03 - Quyết định số 941/QĐ CĐKTVD ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc điều động viên chức đến công tác tại thư viện; 5.7.04 - Nội quy của thư viện; Lịch làm việc của thư viện Trường). Cán bộ chuyên trách thư viện hướng dẫn trực tiếp bạn đọc theo nhu cầu của bạn đọc. Thư viện gồm thư viện truyền thống, thư viện điện tử. Công tác tổ chức hoạt động, tra cứu tài liệu của cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh sinh viên được ghi chép đầy đủ, cụ thể cán bộ giáo viên, SV đến mượn sách tại thư viện đều có ghi sổ mượn – trả sách hàng ngày (5.7.05 - Sổ theo dõi mượn sách, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu, tra cứu tài liệu của Thư viện Trường năm 2019, 2020, 2021; 5.7.06 - Danh mục tra cứu sách, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu, bảng giới thiệu sách tham khảo của Thư viện Trường).

Hàng năm bộ phận quản lý thư viện đều có báo cáo tổng kết hoạt động của thư viện và xây dựng phương hướng cho năm tiếp theo (5.7.07 - Báo cáo kết quả hoạt động của Thư viện năm 2019, 2020, 2021; 5.7.08 - Báo cáo kiểm kê số lượng sách hàng năm của thư viện năm học 2019 – 2020 và 2019 – 2020, 2020-2021; Báo cáo hàng năm số lượng mượn sách của học sinh và giáo viên năm học 2018 – 2019 và 2019 – 2020, 2020-2021).

Hàng năm, Trường cũng có tổ chức khảo sát lấy ý kiến giáo viên và sinh viên về trang bị máy tính và nối mạng internet đáp ứng nhu cầu dạy, học và tra cứu tài liệu (1.1.13- Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021; 1.1.14- Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021)... Kết quả báo cáo khảo sát cho thấy, trên 85% các ý kiến cho rằng thư viện được trang bị máy tính và nối mạng phục vụ công tác giảng dạy và tra cứu tài liệu.

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.7: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 5.8

Có các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô - Trình độ cao đẳng có sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy. Trong những năm qua, tận dụng các nguồn đầu tư từ chương trình mục tiêu quốc gia nhằm mua sắm các thiết bị phục vụ giảng dạy. Nhà trường đã mua sắm các phần mềm ứng dụng vào công tác

giảng dạy nghề Công nghệ ô tô. Vì vậy, hầu hết các mô đun trong chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô - Trình độ cao đẳng có sử dụng các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy (5.8.01 – Danh sách các phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy; 5.8.02 – Bài giảng, giáo án áp dụng phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy; 5.8.03- Danh sách các môn học, mô đun ứng dụng phần mềm giảng dạy)

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 5.8: 2 điểm.

3.2.6. Tiêu chí 6 - Dịch vụ người học

Đánh giá tổng quan tiêu chí 6

Nhà trường luôn đặt mục tiêu “Giáo dục là đem lại những gì tốt đẹp nhất cho người học”, từ đó tạo mọi điều kiện đảm bảo chỗ ở, môi trường học tập tốt, chăm sóc sức khỏe, sinh hoạt nghỉ ngơi khác cho HSSV.

Công tác kiểm tra, đôn đốc, giáo dục, nhắc nhở và xử lý vi phạm của HSSV thường xuyên được Phòng Quản lý đào tạo và Đảm bảo chất lượng, các Phòng, Khoa chức năng phối hợp thực hiện. Do đó, tình trạng HSSV vi phạm pháp luật cũng như nội quy, quy chế của nhà trường luôn ở mức thấp nhất, chưa có trường hợp HSSV nào bị đuổi học vì vi phạm pháp luật.

Trường luôn đảm bảo mọi người học có được thông tin đầy đủ về nghề đào tạo, khoá đào tạo, và đặc biệt Nhà trường chú trọng đến công tác giới thiệu việc làm. Trong 03 năm 2019-2022, Nhà trường đã đào tạo số lượng lớn lực lượng lao động có tay nghề đáp ứng được nhu cầu tuyển dụng của các doanh nghiệp, trên 90% HSSV sau khi tốt nghiệp đã tìm được việc làm hoặc tự tạo việc làm cho bản thân.

** Những điểm mạnh:*

Nhà trường luôn đảm bảo người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo, quy chế thi kiểm tra và xét công nhận tốt nghiệp nội quy, quy chế của trường; các chế độ, chính sách hiện hành, về cơ hội việc làm.

Người học được cung cấp đầy đủ các dịch vụ như y tế, nhà ăn, ký túc xá, các dịch vụ phục vụ khác trong suốt quá trình học tập tại trường.

Nhà trường luôn tạo điều kiện cho người học hoạt động, tập luyện văn nghệ, thể dục thể thao, tham gia các hoạt động xã hội; tư vấn việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Nhà trường kịp thời khen thưởng, hỗ trợ học bổng cho học sinh, sinh viên có thành tích cao trong học tập và rèn luyện, đồng thời hỗ trợ miễn giảm học phí, hỗ trợ chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên diện chính sách theo quy định cũng như những sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn để vươn lên trong học tập.

** Những tồn tại:* Không có

** Kế hoạch nâng cao chất lượng:*

Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, hoạt động tư vấn việc làm, Kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp... nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên.

Điểm đánh giá tiêu chí 6

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 6	8
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2

Tiêu chuẩn 6.1

Người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường đã cung cấp đầy đủ các thông tin về nội dung chương trình đào tạo; các nội quy, quy chế, các chế độ, chính sách cho HSSV ngay buổi đầu các em bước vào trường. Vào đầu khóa học mới, HSSV được tập trung học tuần sinh hoạt chính trị đầu khóa học tập nội quy, quy định và các thông tin liên quan đến khóa học, nghề học. Trong tuần học tập này, Nhà trường phổ biến cho HSSV nội dung chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, các yêu cầu cần đạt được khi hoàn thành khóa học và các nội quy, quy định khác (**6.1.01** - Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học; **6.1.04** – Báo cáo kết quả phổ biến các quy chế, cung cấp thông tin về kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, Tuần sinh hoạt đầu khóa, giáo dục định hướng cho HSSV năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; **6.1.05** – Hình ảnh HSSV sinh hoạt đầu khóa năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Nhà trường ban hành quyết định kèm theo quy chế công tác HSSV hệ chính quy của Trường CDKTVĐ gồm 07 chương, 28 điều trong đó có nhiệm vụ và quyền của HSSV, nội dung công tác HSSV và hệ thống tổ chức quản lý, khen thưởng và kỷ luật HSSV, đánh giá kết quả rèn luyện HSSV (**6.1.02** - Quyết định số 651/QĐ-CDKTVĐ ngày 21/11/ 2017 V/v ban hành quy chế công tác HSSV hệ chính quy của Trường

CĐKTVD kèm theo quy chế; Quyết định số: 719/QĐ-CĐKTVD, ngày 21/11/2018 về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh), quyết định số 298/QĐ-CĐNVĐ ngày 28/6/2017 về việc ban hành kèm theo Quy chế tổ chức đào tạo; thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng nghề Việt – Đức theo đề nghị của phòng Quản lý đào tạo và Đảm bảo chất lượng gồm: 04 chương, 25 điều (2.5.01- Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức đào tạo; thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức năm 2017); quyết định số 642/QĐ-CĐKTVD ngày 12/12/2017 về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV của Trường theo đề nghị của Trường phòng Quản lý HSSV gồm 04 chương, 9 điều (6.1.03 – Quyết định số 642/QĐ-CĐKTVD ngày 12/12/ 2017 V/v ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV Trường CĐKTVD). Như vậy, khi mới bắt đầu nhập học, người học được cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học.

Hàng tháng, thông qua sinh hoạt lớp giáo viên chủ nhiệm thông tin cho HSSV về các chế độ chính sách cho người học (6.1.06- Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm các lớp nghề các năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022; 6.1.07- Các quyết định về thực hiện chế độ miễn giảm học phí, khen thưởng, cấp học bổng đối với HSSV nghề năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022).

Hàng năm, thông qua phiếu khảo sát về việc thực hiện cung cấp thông tin cho người học hầu hết CBQL, GV và HSSV đánh giá tốt về việc cung cấp đầy đủ thông tin về chương trình đào tạo; quy chế đào tạo; quy chế công tác học sinh, sinh viên; quy chế kiểm tra, thi, và xét công nhận tốt nghiệp; nội quy, quy chế của cơ sở đào tạo và các chế độ, chính sách đối với người học của nhà trường (1.1.13- Tổng hợp kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.14-Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.2

Người học được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định; Cơ sở đào tạo có chính sách và thực hiện chính sách khen thưởng, động viên khuyến khích kịp thời đối với người học đạt kết quả cao trong học tập và tư vấn, hỗ trợ kịp thời với người học trong quá trình học tập.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường căn cứ nghị định số 86/2015/NĐ-CP quy định về cơ chế thu, quản lý học phí và chính sách miễn, giảm học phí, hỗ trợ chi phí học tập từ năm học 2015-2016 đến năm học 2021-2022 đã ban hành văn bản quy định về các chế độ, chính sách đối với người học như: Chế độ ưu tiên, Chính sách học bổng khuyến khích, khen thưởng,

các chính sách xã hội khác được nhà trường tư vấn và hỗ trợ kịp thời (**6.2.01**– Thông báo số 486/TB/CĐKTVĐ ngày 05/9/2018 V/v thu học phí hệ chính quy năm học 2018-2019; Thông báo số 571/TB/CĐKTVĐ ngày 12/9/2019 V/v làm hồ sơ miễn giảm học phí theo quy định; Thông báo số 196/TB/CĐKTVĐ ngày 08/5/2020 V/v truy thu học phí năm học 2019-2020; Thông báo số 529/TB/CĐKTVĐ ngày 24/10/2022 V/v hoàn thành hồ sơ miễn giảm học phí năm học 2022-2023; **6.2.04**- Danh sách HSSV được miễn giảm học phí các năm 2019, 2020, 2021, 2022). Nhà trường có quy định chính sách khen thưởng, khuyến khích đối với người học đạt kết quả cao trong học tập, rèn luyện được thể hiện trong quyết định số 642/QĐ-CĐKTVĐ ngày 12/12/2017 về việc ban hành Quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV (**6.1.03**– Quyết định ban hành quy định về học bổng khuyến khích đối với học sinh sinh viên số 642/QĐ-CĐKTVĐ, ngày 12/12/2017). Sau khi kết thúc mỗi học kỳ, nhà trường căn cứ vào kết quả học tập, rèn luyện của HSSV các Khoa và mức thu học phí để xem xét cấp học bổng khuyến khích học nghề cho HSSV và đồng thời cũng huy động các doanh nghiệp có liên kết với nhà trường tài trợ một số học bổng cho sinh viên có điều kiện kinh tế khó khăn vươn lên trong học tập. Nhằm khuyến khích HSSV tích cực học tập, nhà trường giao giáo viên chủ nhiệm các lớp thường xuyên tổ chức sinh hoạt và xét công khai trước khi ra quyết định khen thưởng, cấp học bổng (**6.2.05**- Quyết định phân công nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **6.1.06**- Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm các lớp nghề các năm 2019, 2020, 2021).

Để tạo điều kiện cho HSSV có hoàn cảnh khó khăn về kinh tế tham gia học tập theo Quyết định số 156/QĐ-TTg ngày 26 tháng 9 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, Phòng Quản lý đào tạo cung cấp kịp thời Giấy xác nhận để các em được vay vốn phục vụ cho việc học tập (**6.2.02** – danh sách vay vốn của HSSV; **6.2.03** - Mẫu giấy xác nhận của Trường).

Để hỗ trợ HSSV xác định vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp, trường đã tổ chức tư vấn kỹ năng phỏng vấn việc làm, mời đại diện các doanh nghiệp tham gia tư vấn việc làm cho HSSV (**6.2.06**- Kế hoạch tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV các năm 2019-2021; **6.2.07**- Danh sách các đại diện của các doanh nghiệp tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động tại trường từ 2019-2021; **1.1.06**- Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022; **6.2.08**- Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường từ 2019-2022; **1.2.03**- Báo cáo tổng kết năm học các của khoa năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; **1.2.04** - Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.3

Hàng năm, Cơ sở đào tạo cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết thúc mỗi năm học, việc tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp do Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm phối hợp Khoa Công nghệ ô tô thực hiện.

Việc thực hiện tư vấn việc làm cho HSSV sau khi tốt nghiệp, hằng năm, Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV các nghề nhà trường đào tạo và nghề Công nghệ ô tô (6.2.06- Kế hoạch tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 6.2.07- Danh sách các đại diện của các doanh nghiệp tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động tại trường từ 2019, 2020, 2021, 2022; 1.1.06- Thông báo tuyển dụng lao động từ 2018-2020; 6.2.08- Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường từ 2019, 2020, 2021, 2022) từ đó thông tin giới thiệu tới HSSV tham khảo, lựa chọn và có cơ hội tìm kiếm việc làm (6.3.01- Danh sách HSSV nghề đăng ký và có việc làm từ 2019, 2020, 2021, 2022).

Ngoài ra Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm đã phối hợp các khoa, các doanh nghiệp để tổ chức Hội chợ việc làm (6.2.06 - Kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm năm học 2019, 2020, 2021, 2022; 6.3.02 - Báo cáo kết quả tổ chức Hội chợ việc làm 2019, 2020, 2021, 2022), mời các doanh nghiệp có nhu cầu tuyển dụng đến trực tiếp tuyển dụng và tiếp nhận hồ sơ của HSSV tại lễ bế giảng phát bằng tốt nghiệp (6.3.03 - Kế hoạch lễ bế giảng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022; 6.3.04- Thư mời các DN tham gia dự bế giảng và ngày hội tư vấn giới thiệu việc làm năm 2018,2019, 2020; 6.2.07 – Danh sách các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022).

Hàng năm nhà trường khảo sát ý kiến các doanh nghiệp, HSSV về việc thực hiện rất tốt việc cung cấp cho người học các thông tin về nghề nghiệp, thị trường lao động và việc làm; thực hiện trợ giúp, giới thiệu việc làm cho người học sau khi tốt nghiệp cho HSSV của trường. Qua ý kiến phản hồi cho thấy trên 80% đánh giá tốt (1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022; 4.1.02 – Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 6.4

Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường có 04 sân bóng đá, 03 sân bóng chuyên, 04 sân cầu lông, khu tập thể thao ngoài trời, nhà thi đấu đa năng, hội trường biểu diễn văn nghệ,... (6.4.01- Hình ảnh thực tế các khu thể dục thể thao, nhà thi đấu đa năng, khu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ).

Hàng năm nhà trường chỉ đạo Đoàn thanh niên xây dựng kế hoạch và chương trình hoạt động nhằm đẩy mạnh công tác đoàn của nhà trường ngày càng vững mạnh và phát triển. Qua đó nhà trường tạo điều kiện về kinh phí để Đoàn thanh niên thường xuyên tổ chức các hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao trong các ngày lễ lớn như Tổ chức giải bóng đá, tổ chức văn nghệ trong Lễ khai giảng các năm học... Ngoài ra, Đoàn thanh niên còn tổ chức các đoàn sinh viên tình nguyện mùa hè giúp đỡ người dân tại các vùng có điều kiện khó khăn. Tổ chức cho sinh viên tham gia các hoạt động hiến máu nhân đạo, mùa hè xanh, tiếp sức mùa thi hoạt động tình nguyện....mang nhiều ý nghĩa thiết thực và hiệu quả (6.4.02 – Kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao cho HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 6.4.03- Kế hoạch tổ chức các hoạt động xã hội cho HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 6.4.04- Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022; 6.4.05- Quyết định thành lập các câu lạc bộ trong HSSV; 6.4.06- Hình ảnh hoạt động của các câu lạc bộ; 6.1.07- Báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội cho HSSV năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Hàng năm trường tổ chức khảo sát học sinh sinh viên về Cơ sở đào tạo thực hiện đa dạng hóa các hoạt động xã hội, văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao cho người học. Hầu hết HSSV đều đánh giá tốt về nhà trường (1.1.14 – Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 6.4: 2 điểm.

3.2.9. Tiêu chí 7 - Giám sát, đánh giá chất lượng

Đánh giá tổng quát tiêu chí 7

Giám sát và đánh giá chất lượng là một trong những công việc quan trọng để khoa có cơ hội nhìn lại, đánh giá lại chất lượng đào tạo nghề mà khoa phụ trách. Vì vậy, hàng năm khoa đều tự chủ động xây dựng kế hoạch, triển khai một cách triệt để để đánh giá và đánh giá chất lượng.

**** Những điểm mạnh :***

Trước khi kết thúc năm học, khoa luôn chủ động kết hợp với Phòng khảo thí và đảm bảo chất lượng lên kế hoạch tự đánh giá và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô. Phối hợp với Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm thực hiện điều tra lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của khoa và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của sinh viên; thu thập ý kiến trên 10 DN sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của sinh viên đã tốt nghiệp; Thu thập ý kiến của trên 30% sinh viên đang học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học; Kết quả có trên 80% các doanh nghiệp được khảo sát hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự

chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của hssv tốt nghiệp đang làm việc tại các công ty, tập đoàn.

Số học sinh nghề Công nghệ ô tô tốt nghiệp có việc làm phù hợp trong 2 năm gần đây đều đạt mức cao trên 80%.

Trong 03 năm 2019, 2020, 2021 Trường đều có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo.

* *Tồn tại*: Không có

* *Kế hoạch nâng cao chất lượng*:

Tiếp tục thực hiện điều tra lần vết, khảo sát ý kiến HSSV, khảo sát doanh nghiệp về chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy, mức độ đáp ứng nhu cầu doanh nghiệp...từ đó tham mưu lãnh đạo nhà trường cải thiện chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô ngày một hoàn thiện hơn.

Điểm đánh giá tiêu chí 7

Tiêu chí, tiêu chuẩn	Điểm tự đánh giá
Tiêu chí 7	16
Tiêu chuẩn 1	2
Tiêu chuẩn 2	2
Tiêu chuẩn 3	2
Tiêu chuẩn 4	2
Tiêu chuẩn 5	2
Tiêu chuẩn 6	2
Tiêu chuẩn 7	2
Tiêu chuẩn 8	2

Tiêu chuẩn 7.1:

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 10 đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Nhà trường giao cho Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm phối hợp với Khoa Công nghệ ô tô thực hiện công tác khảo sát lấy ý kiến doanh nghiệp.

Hàng năm, Trường lập Kế hoạch thu thập ý kiến các đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động và sự phù hợp của chương trình đào tạo với thực tiễn sản xuất, kinh doanh dịch vụ. (7.1.01 – Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.02 - Danh sách các đơn vị sử dụng lao động có HSSV tốt nghiệp của trường làm việc được thu thập thông tin từ 2019-2022; 7.1.03 - Phiếu khảo sát thu thập thông tin các đơn vị sử dụng lao động từ 2019-2022).

Sau khi cán bộ của trung tâm gửi phiếu khảo sát hoặc trực tiếp đến các doanh nghiệp xin ý kiến phản hồi. Tổng hợp báo cáo thực hiện thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hàng năm, cho thấy kết quả trên 80% doanh nghiệp sử dụng lao động đánh giá về chương trình dạy nghề của Nhà trường đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường lao động. Doanh nghiệp đánh giá cao về mức độ cập nhật công nghệ sản xuất thực tế của chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường. (4.2.01 - Tổng hợp ý kiến khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.04 - Báo cáo kết quả khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.1: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.2.

Thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm Trường giao Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm thực hiện điều tra lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp về việc làm, chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo của Trường với các công việc mà các sinh viên đang làm. Đồng thời để đảm bảo, sinh viên ra trường có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp cũng như muốn tìm hiểu rõ hơn những khó khăn của các em khi xin việc tại các công ty các doanh nghiệp (2.4.07- Quyết định công nhận kèm theo danh sách hssv tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Năm 2019 Trường xây dựng kế hoạch số 73/KH - CĐKTVĐ ngày 22/3/2019, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2018 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng

vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 386/BC-CĐKTVD ngày 25/4/2019 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 258 em gồm các nghề: Quản trị mạng máy tính, Công nghệ ô tô, Chế tạo thiết bị Công nghệ ô tô, Hàn (Nghề Công nghệ ô tô 10 em), số HSSV phản hồi là 173 em. Trong đó: Có việc làm: 173 em (100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 103 em (60%), việc làm gần đúng ngành nghề đào tạo: 30 em (17%), việc làm không đúng ngành nghề đào tạo: 40 em (23%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 123 (71%), Hoàn toàn đồng ý 50 (29%)

Năm 2020 Trường xây dựng kế hoạch số 102/KH-CĐKTVD ngày 20/02/2020, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2019 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 390/BC-CĐKTVD ngày 22/05/2021 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 43 em nghề Công nghệ ô tô, số HSSV phản hồi là 43 em. Trong đó: Có việc làm: 43 em (100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 43 em (100%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 7 em (16%), Hoàn toàn đồng ý 36 (84%)

Năm 2021 Trường xây dựng kế hoạch số 259/KH-CĐKTVD ngày 25/03/2021, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2019 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 239/BC-CĐKTVD ngày 20/05/2022 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 28 em nghề Công nghệ ô tô, số HSSV phản hồi là 28 em. Trong đó: Có việc làm: 28 em (100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 28 em (100%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 3 em (11%), Hoàn toàn đồng ý 25 (82%) (**7.2.01**- Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019 – 2022; **7.2.02** - Phiếu khảo sát việc làm của HSSV đã tốt nghiệp từ 2019 – 2022; **7.2.03** - Danh sách HSSV tốt nghiệp và số điện thoại liên hệ; **7.2.04** - Báo cáo kết quả điều tra lần vết của HSSV đã tốt nghiệp từ 2019 – 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.2: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.3

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 50% nhà giáo, cán bộ quản lý về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng đào tạo, kết thúc mỗi năm học, Trường giao Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổ chức lấy ý kiến của hơn 50% cán bộ quản lý và nhà giáo về các nội dung liên quan đến công tác dạy và học, tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý. Các nội dung đánh giá bao gồm cả nội dung chương trình, phương pháp đào tạo, hình thức đào tạo, thời lượng đào tạo, những nội dung cốt lõi liên quan đến công tác dạy và học, các thông tin liên quan đến tuyển dụng, bổ nhiệm, bồi dưỡng, phân loại và đánh giá nhà giáo, cán bộ quản lý (7.3.01- Kế hoạch khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022).

Hàng năm Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp với các đơn vị thuộc trường thực hiện thu thập ý kiến cán bộ, giáo viên và người lao động về các hoạt động của Trường, trong đó có các chính sách liên quan đến dạy và học, chính sách tuyển dụng, đào tạo, bồi dưỡng, đánh giá, phân loại, bổ nhiệm cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động (7.3.02 - Phiếu khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022; 7.3.03 - Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022).

Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Nhà trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp (1.1.13 – Tổng hợp ý kiến của cán bộ quản lý, nhà giáo năm 2020, 2021, 2022; 7.3.04- Báo cáo kết quả khảo sát thu thập thông tin và các hoạt động đào tạo các năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.3: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.4

Hàng năm, thu thập ý kiến tối thiểu 30% người học về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng phối hợp các khoa đào tạo tổ chức thu thập lấy ý kiến của hơn 30% HSSV về chất lượng, hiệu quả của các hình thức, phương thức đào tạo, chất lượng giảng dạy, việc thực hiện chế độ, chính sách và các dịch vụ đối với người học. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng xây dựng kế hoạch khảo sát, hướng dẫn cách ghi phiếu lấy ý kiến sau đó phát phiếu cho các em để các em tự đánh giá và ghi các thông tin vào phiếu

(7.1.01 - Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022; 7.4.01 - Phiếu khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022).

Tùy thuộc vào điều kiện cụ thể, khảo sát được thực hiện bằng một trong hai cách sau: Khảo sát trực tuyến: Thực hiện đối với các lớp đang học các môn học có liên quan đến máy tính/internet. Khảo sát trên giấy: đối với các lớp học còn lại. Tuy nhiên việc khảo sát thu thập ý kiến HSSV được thực hiện chủ yếu bằng các mẫu phiếu khảo sát do phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng thiết kế và thường được thực hiện vào cuối năm học hoặc có những lớp Trường khảo sát khi kết thúc mô-đun, môn học. Ngoài ra, việc thu thập ý kiến đánh giá của người học còn được thực hiện tại các buổi gặp mặt đối thoại giữa lãnh đạo nhà trường và HSSV hằng năm.

Kết quả thu thập ý kiến đều được tổng hợp, báo cáo lãnh đạo Nhà trường và là một kênh thông tin để Trường xem xét, điều chỉnh các hoạt động phù hợp. Phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tổng hợp và viết báo cáo kết quả thu thập ý kiến của sinh viên. Các báo cáo được lưu lại tại phòng và là căn cứ để đề xuất với ban giám hiệu nhà trường nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và các dịch vụ cho người học (7.4.03 - Danh sách HSSV được khảo sát năm 2020, 2021, 2022; 1.1.14 - Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2020, 2021, 2022; 7.4.04 - Báo cáo kết quả khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.4: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.5

Cơ sở thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo quy định.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Trường thực hiện hoạt động tự đánh giá chất lượng Trường và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo thông tư số 28/2017/TT - BLĐT BXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐ - TB&XH về quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của cơ sở GDNN; Bộ tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng trường trung cấp, trường cao đẳng ban hành kèm theo Thông tư số 15/2017/TT - BLĐT BXH ngày 08/06/2017 của Bộ LĐ - TB&XH. Hằng năm, Khảo thí và Đảm bảo chất lượng tham mưu Hiệu trưởng thành lập hội đồng tự đánh giá bao gồm: Đại diện Ban giám hiệu, P.KT&ĐBCL, lãnh đạo và giáo viên khoa CN ô tô và đại diện Doanh nghiệp do khoa giới thiệu. Phòng KT&ĐBCL phối hợp với Khoa lên kế hoạch và thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo qui định. Các thành viên trên cơ sở được phân công mô tả và đánh giá các tiêu chí, tiêu chuẩn theo kế hoạch tự đánh giá và gửi về thư ký hội đồng tổng hợp và viết báo cáo. Sau khi họp góp ý điều chỉnh báo cáo tự đánh giá. Sau khi họp thông qua báo cáo tự đánh giá CTĐT, thư ký sẽ gửi báo cáo tới Hội đồng Tự đánh giá CLCT đào tạo và chuẩn bị nội dung họp về công bố kết quả tự đánh giá. Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo sau khi được họp công bố kết quả sẽ được công khai trên Webservice của trường và gửi báo cáo tự đánh giá về Cục Kiểm định chất lượng GDNN,

Phòng GDNN – Sở LĐTBXH vào cuối tháng 12 hằng năm. Kết quả tự kiểm định chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô các năm đều đạt chất lượng chương trình đào tạo.

Năm 2019, Nhà trường xây dựng kế hoạch số 70/KH-CĐKTVĐ ngày 07 tháng 05 năm 2019 về Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng và thành lập hội đồng đánh giá theo Quyết định số 260/QĐ-CĐKTVĐ ngày 03 tháng 05 năm 2019 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

Năm 2020, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 117/KH-CĐKTVĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 về Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng và thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 116/QĐ-CĐKTVĐ ngày 10 tháng 03 năm 2020 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

Năm 2021, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 125/KH-CĐKTVĐ ngày 15 tháng 3 năm 2021 về Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng và thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 120/QĐ-CĐKTVĐ ngày 11 tháng 03 năm 2021 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô.

Năm 2022, Nhà trường xây dựng Kế hoạch số 147/KH-CĐKTVĐ ngày 5 tháng 4 năm 2022 về Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng và thành lập hội đồng tự đánh giá theo Quyết định số 148/QĐ-CĐKTVĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022 về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô (7.5.01 - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2019, 2020, 2021, 2022; 7.5.02 - Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021, 2022)

Hội đồng tự đánh giá chương trình nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng hàng năm đã tiến hành đánh giá chương trình theo kế hoạch và quyết định. Kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô các năm 2019, 2020, 2021, 2022 (7.5.05- Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021, 2022) như sau:

Kết quả tự đánh giá chương trình đào tạo	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Công nghệ ô tô	Đạt (92 điểm)	Đạt (94 điểm)	Đạt (96 điểm)	Đạt (98 điểm)

Các kết quả này được thông báo rộng rãi toàn trường bằng các thông báo đến tất cả giáo viên, cán bộ công nhân viên toàn trường bằng các bảng thông báo gửi đến từng

đơn vị và được thông báo trên website của Nhà trường (7.5.03 - Thông báo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.5.04- Biên bản công khai kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.5: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.6

Hàng năm, cơ sở đào tạo có kế hoạch cụ thể và thực hiện cải thiện, nâng cao chất lượng chương trình đào tạo trên cơ sở kết quả tự đánh giá của cơ sở đào tạo và kết quả đánh giá ngoài (nếu có).

Mô tả, phân tích, nhận định:

Với mục tiêu luôn nâng cao chất lượng đào tạo, Trường đã duy trì công tác tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục nghề nghiệp suốt từ năm 2008 đến nay (7.6.01- Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021; 7.6.02- Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021; 7.6.03- Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021).

Bên cạnh đó, công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề trọng điểm cũng được lãnh đạo Nhà trường quan tâm.

Trên cơ sở các điểm còn tồn tại của tự đánh giá chương trình đào tạo nhà trường đã xây dựng kế hoạch thực hiện cải tiến chất lượng. Cụ thể:

Căn cứ kết quả tự đánh giá năm 2018, trường lập kế hoạch số 22/KH/CĐKTVĐ ngày 22 tháng 01 năm 2019 với mục đích khắc phục các hạn chế của các tiêu chí, tiêu chuẩn chưa đạt trong báo cáo tự đánh giá năm 2018. Trong kế hoạch thể hiện nhiều nội dung như triển khai duy trì và phát huy các điểm mạnh, khắc phục các hạng chế còn tồn tại như: Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ, tin học, ngoại ngữ cho đội ngũ giảng viên đạt chuẩn theo quy định, tiến tới đạt chuẩn nghề trọng điểm quốc tế; Tiếp tục khảo sát các đối tượng liên quan để làm cơ sở cho việc rà soát các văn bản liên quan đến đào tạo, chương trình, giáo trình... Qua kế hoạch Trường triển khai cho các đơn vị thực hiện, kết quả thể hiện trong báo cáo Kết quả thực hiện khắc phục chất lượng năm 2019, ngày 22 tháng 01 năm 2020.

Năm 2020, Căn cứ kết quả kiểm tự đánh giá chất lượng năm 2019, Trường đã ban hành kế hoạch số 18/KH/CĐKTVĐ ngày 22 tháng 01 năm 2020 về khắc phục, cải thiện và nâng cao chất lượng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo. Trong kế hoạch đã đề ra các nội dung cải tiến chất lượng trong các lĩnh vực như: Liên kết với doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh và ngoại tỉnh, các tập đoàn lớn để hỗ trợ cho học sinh, sinh viên có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp nhằm nâng cao hiệu quả tuyển sinh đạt chỉ tiêu cao hơn.; Lập Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ giảng viên, nhằm đảm bảo 100% giảng viên đạt chuẩn theo quy định; Xây dựng

kế hoạch rà soát, điều chỉnh chương trình liên thông, trong đó mở rộng thêm đối tượng liên thông trung cấp lên cao đẳng của các sinh viên ngoài trường đồng thời hoàn thiện các văn bản về đào tạo liên thông. Trên cơ sở kế hoạch Trường đã triển khai đến các đơn vị thực hiện và kết quả thể hiện trong Báo cáo KẾT quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2020, ngày 25 tháng 12 năm 2020.

Căn cứ kết quả kiểm tự đánh giá chất lượng năm 2020, Nhà Trường xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng năm 2021 theo kế hoạch số 21/KH/CĐKTVĐ ngày 17 tháng 01 năm 2021, triển khai cải tiến chất lượng các nội dung về công tác đào tạo nâng cao trình độ cho giáo viên đạt chuẩn trường chất lượng cao; hoàn thiện các văn bản về đào tạo liên thông. Kết quả được đánh giá trong báo cáo kết quả thực hiện cải tiến chất lượng năm 2020, ngày 28 tháng 12 năm 2021 (**7.5.01** - Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2019, 2020, 2021; **7.5.05**- Báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ cao đẳng năm 2019, 2020, 2021; **7.6.04** - Kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng sau tự đánh giá của nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022; **7.6.05** - BC kết quả cải thiện nâng cao chất lượng sau tự đánh giá của nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.6: 2 điểm.

Tiêu chuẩn 7.7

Trong vòng 6 tháng kể từ khi tốt nghiệp, tối thiểu 80% người học có việc làm phù hợp với ngành, nghề đào.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Thực hiện kế hoạch đảm bảo chất lượng hàng năm Trường giao Trung tâm đào tạo, bồi dưỡng và giới thiệu việc làm thực hiện điều tra lần vết đối với sinh viên tốt nghiệp về việc làm, chất lượng đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo của Trường với các công việc mà các sinh viên đang làm. Đồng thời để đảm bảo, sinh viên ra trường có việc làm ngay sau khi tốt nghiệp cũng như muốn tìm hiểu rõ hơn những khó khăn của các em khi xin việc tại các công ty các doanh nghiệp (**2.4.07**- Quyết định công nhận kèm theo danh sách hssv tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021).

Năm 2019 Trường xây dựng kế hoạch số 73/KH - CĐKTVĐ ngày 22/3/2019, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2018 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 386/BC-CĐKTVĐ ngày 25/4/2019 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 258 em gồm các nghề: Quản trị mạng máy tính, Công nghệ ô tô, Chế tạo thiết bị Công nghệ ô tô, Hàn (Nghề Công nghệ ô tô 10 em), số HSSV phản hồi là 173 em. Trong đó: Có việc làm: 173 em

(100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 103 em (60%), việc làm gần đúng ngành nghề đào tạo: 30 em (17%), việc làm không đúng ngành nghề đào tạo: 40 em (23%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 123 (71%), Hoàn toàn đồng ý 50 (29%)

Năm 2020 Trường xây dựng kế hoạch số 102/KH-CĐKTVĐ ngày 20/02/2020, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2019 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 390/BC-CĐKTVĐ ngày 22/05/2021 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 43 em nghề Công nghệ ô tô, số HSSV phản hồi là 43 em. Trong đó: Có việc làm: 43 em (100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 43 em (100%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 7 em (16%), Hoàn toàn đồng ý 36 (84%)

Năm 2021 Trường xây dựng kế hoạch số 259/KH-CĐKTVĐ ngày 25/03/2021, thực hiện điều tra lần vết đối với người tốt nghiệp để thu thập thông tin về việc làm, đánh giá về chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp, đối tượng điều tra là HSSV tốt nghiệp năm 2019 đang làm việc tại các DN và HSSV chưa có việc làm trên địa bàn Tỉnh Hà Tĩnh theo hình thức dùng phiếu điều tra theo 2 phương pháp là phỏng vấn trực tiếp và phỏng vấn qua điện thoại. Theo báo cáo số 239/BC-CĐKTVĐ ngày 20/05/2022 của Trường, kết quả như sau: Tổng số sinh viên được khảo sát là 28 em nghề Công nghệ ô tô, số HSSV phản hồi là 28 em. Trong đó: Có việc làm: 28 em (100%), việc làm đúng ngành nghề đào tạo: 28 em (100%). Chất lượng đào tạo của cơ sở đào tạo và sự phù hợp của chương trình đào tạo với vị trí việc làm của người tốt nghiệp: Đồng ý 3 em (11%), Hoàn toàn đồng ý 25 (82%) (**7.2.01**- Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019 – 2022; **7.2.02** - Phiếu khảo sát việc làm của HSSV đã tốt nghiệp từ 2019 – 2022; **7.2.03** - Danh sách HSSV tốt nghiệp và số điện thoại liên hệ; **7.2.04** - Báo cáo kết quả điều tra lần vết của HSSV đã tốt nghiệp từ 2019 – 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.7: 2 điểm

Tiêu chuẩn 7.8

Tối thiểu 80% đơn vị sử dụng lao động được điều tra hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động.

Mô tả, phân tích, nhận định:

Kết hợp với điều tra lần vết, nhà trường cũng lên kế hoạch tiếp cận thu thập ý kiến các DN về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp đang làm việc tại đơn vị sử dụng

lao động, sự hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên và sự phù hợp của CTĐT với thực tiễn sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Danh sách được thu thập ý kiến hàng năm, trong đó nêu rõ: tên doanh nghiệp; địa chỉ, điện thoại, người phụ trách liên lạc... Danh sách, số lượng, tên người học đang làm việc tại các doanh nghiệp đang sử dụng lao động là các cựu sinh viên của khoa. Phương pháp thu thập ý kiến đã thực hiện bằng điện thoại trực tiếp, trao đổi qua hòm thư điện tử. Kết quả các năm điều tra và khảo sát đều có tới trên 80% doanh nghiệp hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp làm việc

Tổng hợp báo cáo thực hiện thu thập ý kiến đơn vị sử dụng lao động về mức độ đáp ứng của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động hằng năm, cho thấy kết quả doanh nghiệp đánh giá cao về mức độ cập nhật công nghệ sản xuất thực tế của chương trình, giáo trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô của Nhà trường và hài lòng với kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm nghề nghiệp của người tốt nghiệp làm việc tại đơn vị sử dụng lao động. Kết quả khảo sát cho thấy trên 90% doanh nghiệp hài lòng (7.1.01 – Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.02 - Danh sách các đơn vị sử dụng lao động có HSSV tốt nghiệp của trường làm việc được thu thập thông tin từ 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.03 - Phiếu khảo sát thu thập thông tin các đơn vị sử dụng lao động từ 2019, 2020, 2021, 2022; 7.1.04 - Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát Doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022).

Điểm tự đánh giá tiêu chuẩn 7.8: 2 điểm

PHẦN C: TỔNG HỢP KẾ HOẠCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

- Tiếp tục đầu tư mua sắm trang thiết bị phù hợp với công nghệ từ các nguồn dự án, chương trình mục tiêu hàng năm. Tiếp tục nghiên cứu điều chỉnh và bổ sung các quy định về quản lý, sử dụng và bảo dưỡng, sửa chữa các phòng học, xưởng thực hành phù hợp hơn với thực tế, sát thực với các quy định mới do Nhà nước ban hành.

- Nhà trường tiếp tục xây dựng Kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoại khóa cho sinh viên, hoạt động tư vấn việc làm, Kế hoạch tổ chức tư vấn và định hướng nghề nghiệp nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ cho học sinh, sinh viên.

- Xây dựng kế hoạch khảo sát đơn vị sử dụng lao động. Rà soát, hoàn thiện quy định về cơ chế quản lý, về nguồn lực, về việc đưa vào sử dụng các kết quả NCKH phục vụ công tác đào tạo để tạo điều kiện cho CB - GV tham gia có hiệu quả, đưa vào ứng dụng thực tiễn trong sản xuất.

PHẦN D: ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

I. Đề xuất

Trong quá trình tự đánh giá chất lượng năm 2022; Hội đồng tự đánh giá chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng năm 2022 của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh đã tuân thủ theo các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh khi triển khai tự đánh giá thực hiện theo thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 08/6/2017. Quy trình tự đánh giá chất lượng được quy định tại Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Công văn số 454/TCDN-KĐCL ngày 20 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục GDNN - KĐCL về việc hướng dẫn thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trình độ trung cấp, cao đẳng kèm theo mẫu báo cáo tự đánh giá chất lượng.

Khoa Công nghệ ô tô - Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh luôn xác định công tác tự đánh giá là quá trình, là nhiệm vụ thường xuyên để nâng cao chất lượng dạy và học chứ không phải là đích đến. Mỗi học kỳ, mỗi năm học đều phải căn cứ vào các tiêu chí, tiêu chuẩn để tự đánh, rà soát các hoạt động dạy học ở Khoa. Từ đó, đánh giá những mặt mạnh và những tồn tại, qua đó từng bước khắc phục và phát huy những ưu thế của Khoa, phát huy hết khả năng tập hợp các nhà giáo ưu tú. Xem công tác tự đánh giá là một yếu tố không thể thiếu được trong sự phát triển của nhà trường nói chung và của Khoa CKCT.

II. Kiến nghị

1. Đề xuất, kiến nghị liên quan đến hoàn thiện bộ dự thảo tiêu chí

Không có

2. Đề xuất, kiến nghị khác

Không có.

Hà Tĩnh, ngày 29 tháng 10 năm 2022


TS. Cao Thành Lê

Số: 148/QĐ-CDKTVĐ

Hà Tĩnh, ngày 04 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng năm 2022

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT VIỆT - ĐỨC HÀ TĨNH

Căn cứ Quyết định số 1871/QĐ-BLĐTĐ ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội về việc thành lập trường Cao đẳng Nghề Việt - Đức Hà Tĩnh nay là trường Cao đẳng kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh; Quyết định số 918/QĐ-UBND ngày 31 tháng 3 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh về việc phê duyệt sửa đổi, bổ sung Điều lệ Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh;

Căn cứ Thông tư số 15/2017/TT-BLĐTĐ ngày 8 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành quy định tiêu chí, tiêu chuẩn kiểm định chất lượng Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

Xét đề nghị của trường Phòng Khảo thí và Bảo đảm chất lượng.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng năm 2022 (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng có nhiệm vụ triển khai thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng tại Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh theo quy định tại Thông tư 28/2017/TT-BLĐTĐ ngày 15/12/2017 về việc quy định hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Hội đồng tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

Điều 4. Các Ông, Bà Trưởng các đơn vị trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh và các thành viên có tên trong danh sách tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 1;
- Lưu: VT, HĐTĐG, P.KT&ĐBCL


TS. Cao Thành Lê

**DANH SÁCH THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ
CHẤT LƯỢNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
NGHỀ CÔNG NGHỆ Ô TÔ TRÌNH ĐỘ CAO ĐẲNG
NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 148/QĐ-CDKTVĐ ngày 04 tháng 04 năm 2022)

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	Cao Thành Lê	Hiệu trưởng	Chủ tịch Hội đồng
2	Đoàn Minh Hiến	Trưởng khoa CNÔ TÔ	P. Chủ tịch Hội đồng
3	Nguyễn Duy Vinh	P.Hiệu trưởng	Ủy Viên HĐ
4	Nguyễn Xuân Ninh	P.Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn trường	Ủy Viên HĐ
5	Nguyễn Tiến Hùng	PTP. QLĐT&ĐBCL	Thư ký HĐ
6	Nguyễn Hoài Đức	PTK. CNÔ TÔ	Ủy Viên HĐ
7	Nguyễn Mậu Hạnh	GV. CNÔ TÔ	Ủy Viên HĐ
8	Đặng Thanh Ngọc	BT. Đoàn trường	Ủy Viên HĐ
9	Nguyễn Hải Diên	PTP. QLĐT&ĐBCL	Ủy Viên HĐ
10	Cao Xuân Phú	TP. HC-TH	Ủy Viên HĐ
11	Thái Thị Thu Lan	PTP. HC-TH	Ủy Viên HĐ
12	Phạm Thanh Huyền	GD. TT ĐTBG-GTVL	Ủy Viên HĐ
13	Phan Thị Huyền Trinh	PTP. HC-TH	Ủy Viên HĐ
14	Trần Sỹ Nuôi	CTCP Ô tô Hoàng Hà	Ủy Viên HĐ
15	Nguyễn Văn Huế	CTCP Ô tô Kim Liên Hà Tĩnh	

(Danh sách này có 15 người).

Phụ lục 2:

TRƯỜNG CĐKT VIỆT - ĐỨC HÀ TỈNH
HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/KH-CĐKTVD

Hà Tĩnh, ngày 05 tháng 04 năm 2022

KẾ HOẠCH

Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng Năm 2022

Căn cứ thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành Quy định về Hệ thống đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 148/QĐ-CĐKT ngày 04 tháng 04 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh về việc thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng năm 2022;

Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô, trình độ Cao đẳng năm 2022 Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh xây dựng Kế hoạch thực hiện tự đánh giá chất lượng như sau:

1. Mục tiêu thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo

- Đánh giá điểm mạnh và điểm hạn chế của chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô - Trình độ Cao đẳng nói riêng và hoạt động đào tạo của nhà trường nói chung;

- Nâng cao nhận thức của cán bộ, giáo viên, nhân viên và học sinh, sinh viên trong toàn trường về tầm quan trọng của công tác tự đánh giá chất lượng dạy nghề, làm rõ vai trò, trách nhiệm của mỗi cá nhân trong việc đảm bảo chất lượng dạy nghề toàn trường, giúp trường nâng cao chất lượng, tiến tới xây dựng trường vững mạnh toàn diện, khẳng định uy tín và thương hiệu nhà trường.

2. Công cụ tự đánh giá

- Thông tư 15/2017/TT-BLĐTBXH ngày 8 tháng 6 năm 2017 về việc quy định tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành Quy định về Hệ thống đánh giá chất lượng chương trình đào tạo;

- Công văn số 454/TCGDNN-KĐCL ngày 25 tháng 3 năm 2019 của Tổng cục Chương trình đào tạo về việc Hướng dẫn đánh giá tiêu chuẩn kiểm định chất lượng chương trình đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp và cao đẳng;

- Các văn bản Quy phạm pháp luật liên quan đến yêu cầu của từng tiêu chuẩn để tham chiếu.

3. Quy trình tự đánh giá

Quy trình thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình theo Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH về việc ban hành Quy định về Hệ thống đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, cụ thể như sau:

- Thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng chương trình.
- Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình.
- Thông qua và phê duyệt báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình.
- Công bố báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình và gửi cơ quan có thẩm quyền.

4. Thực hiện tự đánh giá chất lượng chương trình

4.1. Đối với Hội đồng tự đánh giá chất lượng cơ sở chương trình đào tạo

- Hướng dẫn và kiểm tra, giám sát các đơn vị trực thuộc tiến hành thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo theo chức năng, nhiệm vụ. Phân công các thành viên trong Hội đồng chỉ đạo các đơn vị thực hiện theo tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách;

- Tổng hợp phân loại thông tin, minh chứng theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo. Thu thập bổ sung minh chứng;

- Thống kê các văn bản pháp luật liên quan để làm cơ sở đối chiếu và xác định mức độ đạt được của từng tiêu chuẩn, tiêu chí kiểm định chất lượng chương trình đào tạo; chỉ rõ các điểm mạnh, tồn tại và nguyên nhân; đề xuất kế hoạch hành động nhằm nâng cao chất lượng chương trình đào tạo;

- Tổng hợp, viết báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CN ÔTÔ trình độ Cao đẳng, gửi các thành viên Hội đồng tự đánh giá và các đơn vị trong trường để lấy ý kiến;

- Hoàn chỉnh báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng cơ sở chương trình đào tạo nghề CN ÔTÔ trình độ Cao đẳng;

- Công bố báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo trong nội bộ trường và gửi báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tỉnh Hà Tĩnh và Tổng cục GDNN đúng thời hạn quy định.

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo của Trường.

4.2. Đối với các Phòng, Khoa, Trung tâm trực thuộc

- Thu thập thông tin, minh chứng về từng hoạt động và kết quả thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ của đơn vị được quy định trong Quy chế tổ chức hoạt động trường. Phối hợp với các đơn vị có liên quan bổ sung đầy đủ minh chứng.

- Nộp bản thống kê các minh chứng thu thập và bản phô tô minh chứng về thư ký hội đồng đúng thời gian quy định;

- Quản lý, duy trì cơ sở dữ liệu, minh chứng về các hoạt động của đơn vị.

5. Phân công thành viên, lãnh đạo Hội đồng đánh giá phụ trách theo tiêu chí đánh giá và tiêu chuẩn đánh giá theo đơn vị thực hiện

TT	Tiêu chí, tiêu chuẩn	Đơn vị thực hiện	Thành viên hội đồng phụ trách	Lãnh đạo phụ trách
I	Tiêu chí 1: Mục tiêu, quản lý và tài chính			
1	Tiêu chuẩn: 1	Khoa CN ÔTÔ	Đoàn Minh Hiến	Nguyễn Xuân Ninh
2	Tiêu chuẩn: 2, 3	Phòng HC-TH	Cao Xuân Phú	Cao Thành Lê
I	Tiêu chí 2: Hoạt động đào tạo			
1	Tiêu chuẩn: 1, 6, 7	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Hải Diên	Nguyễn Xuân Ninh
2	Tiêu chuẩn: 2, 3, 4	Khoa CN ÔTÔ	Đoàn Minh Hiến	
3	Tiêu chuẩn: 5	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Tiến Hùng	
II	Tiêu chí 3: Nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên			
1	Tiêu chuẩn: 1, 2, 5, 7, 8	Phòng HC-TH	Cao Xuân Phú	Cao Thành Lê

2	Tiêu chuẩn: 3, 4, 6	Khoa CN ÔTÔ	Đoàn Minh Hiến	Nguyễn Xuân Ninh
III Tiêu chí 4: Chương trình, giáo trình				
1	Tiêu chuẩn: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12	Khoa CN ÔTÔ	Đoàn Minh Hiến	Nguyễn Xuân Ninh
2	Tiêu chuẩn: 1, 2, 9, 10	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Hải Diên	
IV Tiêu chí 5: Cơ sở vật chất, thiết bị đào tạo và thư viện				
1	Tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 8	Khoa CN ÔTÔ	Đoàn Minh Hiến	Nguyễn Xuân Ninh
2	Tiêu chuẩn: 1, 5	Phòng HC-TH	Cao Xuân Phú	Cao Thành Lê
3	Tiêu chuẩn: 6, 7	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Hải Diên	Nguyễn Xuân Ninh
V Tiêu chí 6: Dịch vụ người học				
1	Tiêu chuẩn: 1, 2	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Hải Diên	Nguyễn Xuân Ninh
2	Tiêu chuẩn: 3	Trung tâm ĐT, BD và GTVL	Phạm Thanh Huyền	Nguyễn Duy Vinh
3	Tiêu chuẩn: 4	Đoàn thanh niên	Đặng Thanh Ngọc	
VI Tiêu chí 7: Giám sát, đánh giá chất lượng				
1	Tiêu chuẩn: 3, 4, 5, 6	Phòng QLĐT&ĐBCL	Nguyễn Tiến Hùng	Nguyễn Duy Vinh
2	Tiêu chuẩn: 1, 2, 7, 8	Trung tâm ĐT, BD và GTVL	Phạm Thanh Huyền	

Thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách tiêu chuẩn, tiêu chí có nhiệm vụ:

- Đôn đốc các đơn vị phụ trách thực hiện đúng tiến độ theo kế hoạch đề ra.
- Soát xét các minh chứng phù hợp với nội hàm các tiêu chí, tiêu chuẩn; yêu cầu các đơn vị bổ sung minh chứng khi hội đồng yêu cầu.

6. Phân công các đơn vị thuộc trường thực hiện tự đánh giá theo tiêu chuẩn, tiêu chí liên quan

TT	Đơn vị thực hiện	Tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách
1	Khoa CN ÔTÔ	<u>Tiêu chí 1:</u> Tiêu chuẩn: 1 <u>Tiêu chí 2:</u> Tiêu chuẩn: 2, 3, 4 <u>Tiêu chí 3:</u> Tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 6 <u>Tiêu chí 4:</u> Tiêu chuẩn: 3, 4, 5, 6, 7, 8, 11, 12 <u>Tiêu chí 5:</u> Tiêu chuẩn: 2, 3, 4, 8
2	Phòng QLĐT&ĐBCL	<u>Tiêu chí 2:</u> Tiêu chuẩn: 1, 5, 6,7 <u>Tiêu chí 4:</u> Tiêu chuẩn: 1, 2, 9, 10 <u>Tiêu chí 5:</u> Tiêu chuẩn: 6, 7 <u>Tiêu chí 6:</u> Tiêu chuẩn: 1, 2 <u>Tiêu chí 7:</u> Tiêu chuẩn: 3, 4, 5, 6
3	Phòng HC-TH	<u>Tiêu chí 1:</u> Tiêu chuẩn: 2, 3 <u>Tiêu chí 3:</u> Tiêu chuẩn: 1, 5, 7, 8 <u>Tiêu chí 5:</u> Tiêu chuẩn: 1, 5
4	Trung tâm ĐT, BD và GTVL	<u>Tiêu chí 6:</u> Tiêu chuẩn: 3 <u>Tiêu chí 7:</u> Tiêu chuẩn: 1, 2, 7, 8
5	Đoàn thanh niên	<u>Tiêu chí 6:</u> Tiêu chuẩn: 4

Đơn vị phụ trách có nhiệm vụ:

- Lập kế hoạch và phân công nhiệm vụ từng tiêu chí, tiêu chuẩn phụ trách cho cán bộ đơn vị và thư ký tổng hợp của đơn vị gửi Hội đồng tự đánh giá để theo dõi, kiểm tra quá trình thực hiện;

- Thu thập thông tin minh chứng các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công theo quyết định của hội đồng tự đánh giá;

- Viết báo cáo kết quả thu thập thông tin minh chứng theo nội dung các tiêu chí, tiêu chuẩn được phân công gửi về tổ thư ký hội đồng để tổng hợp báo cáo.

7. Nội dung - Kế hoạch thời gian thực hiện:

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
Trước ngày 05/4/2022	- Xây dựng kế hoạch tự đánh giá chương trình đào tạo năm 2022 trình lãnh đạo hội	- Thư ký hội đồng

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
	đồng phê duyệt; - Phân công thành viên Hội đồng tự đánh giá phụ trách theo từng tiêu chuẩn, tiêu chí đánh giá.	- Lãnh đạo hội đồng
Từ ngày 05/4/2022 Đến ngày 08/4/2022	- Họp Hội đồng tự đánh giá. Hướng dẫn thực hiện công tác tự đánh giá chương trình năm 2022.	- Hội đồng đánh giá
Từ ngày 12/4/2022 Đến ngày 22/4/2022	- Lập bảng minh chứng, rà soát các minh chứng đã có, lập bảng yêu cầu các đơn vị bổ sung minh chứng tự đánh giá chất lượng các tiêu chuẩn, tiêu chí trình Chủ tịch hội đồng ra quyết định phân công các đơn vị thực hiện.	- Phòng QLĐT&ĐBCL.
Từ ngày 25/4/2022 Đến ngày 29/5/2022	- Các đơn vị được phân công tiến hành thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo: + Thu thập minh chứng theo Quyết định của Chủ tịch hội đồng (<i>kèm theo bảng phân công thu thập minh chứng</i>). Thống kê minh chứng theo bảng và nộp minh chứng cho tổ thư ký trước ngày 29/5/2022 để thư ký tổng hợp và đề xuất bổ sung các minh chứng còn thiếu (<i>nếu có</i>).	- Các đơn vị thực hiện được phân công theo quyết định của hội đồng TĐG
Từ ngày 30/5/2022 Đến ngày 17/6/2022	- Rà soát, kiểm tra minh chứng các đơn vị gửi về, viết báo cáo tự đánh giá các tiêu chí kiểm định chương trình đào tạo.	- Các thành viên tổ Thư ký Hội đồng được phân công.
Từ ngày 20/6/2022 Đến ngày 15/7/2022	- Kiểm tra, rà soát lại minh chứng, tổng hợp báo cáo của các thành viên tổ thư ký và viết báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo.	- Thư ký hội đồng
Từ ngày 18/7/2022 Đến ngày 22/7/2022	- Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo lần 1 và phân công người rà soát, góp ý. - Thành viên Hội đồng tự đánh giá/chuyên gia đọc báo cáo, phản biện và cho	- Hội đồng tự đánh giá - Các thành viên được phân công phản

Thời gian	Công việc	Đơn vị thực hiện
	ý kiến góp ý.	biện, góp ý.
Từ ngày 25/7/2022 Đến ngày 05/8/2022	- Các đơn vị bổ sung minh chứng, bổ sung cơ sở dữ liệu (nếu có) - Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá lần 2 nộp Hội đồng.	- Các đơn vị - Thư ký hội đồng
Từ ngày 08/8/2022 Đến ngày 12/8/2022	- Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua báo cáo tự đánh giá lần 2. - Công bố công khai báo cáo tự đánh giá trong nội bộ trường để các thành viên trong nhà trường được biết và góp ý.	- Hội đồng tự đánh giá
Từ ngày 15/8/2022 Đến ngày 26/8/2022	- Họp Hội đồng tự đánh giá thông qua các ý kiến góp ý (nếu có). - Bổ sung (nếu có), hoàn thiện, trình Hiệu trưởng ký duyệt báo cáo tự đánh giá chương trình. - Lưu trữ - Nộp báo cáo tự đánh giá chương trình đào tạo cho các cơ quan liên quan. - Họp đồng đánh giá ngoài chất lượng chương trình đào tạo.	- Hội đồng tự đánh giá - Thư ký hội đồng - Phòng QLĐT&ĐBCL - Hội đồng tự đánh giá

8. Triển khai thực hiện:

8.1. Phòng Quản lý đào tạo và Đảm bảo chất lượng

- Phối hợp với tư vấn ngoài tổ chức tập huấn, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng;

- Theo dõi, đốc thúc tiến độ thực hiện các đơn vị, cá nhân phụ trách và báo cáo cho Chủ tịch Hội đồng tự đánh giá chất lượng;

- Viết báo cáo giới thiệu tổng quan về Trường, Khoa, nghề và kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo, kết luận, kiến nghị trình Hội đồng phê duyệt;

- Lưu trữ cơ sở dữ liệu, thông tin, minh chứng về hoạt động tự đánh giá chất lượng chương trình Cao đẳng Công nghệ ô tô của Trường;

- Phối hợp với bộ phận Tài chính – Phòng Hành chính - Tổng hợp lập dự toán kinh phí văn phòng phẩm, kinh phí hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng và cá nhân phụ

trách, các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện;

8.2. Phòng Hành chính - Tổng hợp

- Thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng tại đơn vị và tổng hợp minh chứng thu thập theo quyết định phân công của hội đồng;

- Nộp minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đúng thời gian quy định.

- Phân công bộ phận Kế hoạch – Tài chính phối hợp với Phòng QLĐT&ĐBCL lập dự toán kinh phí văn phòng phẩm, kinh phí hỗ trợ cho các thành viên Hội đồng và cá nhân phụ trách các đơn vị thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng trình Hiệu trưởng phê duyệt và thực hiện;

- Thanh toán kịp thời các khoản hỗ trợ theo phê duyệt của Hiệu trưởng.

8.3. Các Phòng, Khoa, Trung tâm trực thuộc

- Thực hiện công tác tự đánh giá chất lượng tại đơn vị và tổng hợp minh chứng thu thập theo quyết định phân công của hội đồng;

- Nộp minh chứng tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo về phòng Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đúng thời gian quy định.

Công tác thực hiện tự đánh giá chương trình đào tạo Công nghệ ô tô – Trình độ Cao đẳng là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Nhà trường năm 2022. Yêu cầu khoa Công nghệ ô tô và đơn vị được giao tổ chức thực hiện nghiêm túc đảm bảo kế hoạch, chất lượng theo yêu cầu đề ra. Trong quá trình thực hiện có vấn đề gì phát sinh thì báo cáo hội đồng để kịp thời xử lý.

Nơi nhận:

- TCGDNN, Sở LĐT&BXH (để b/c);
- Khoa CN ÔTÔ;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc có liên quan;
- Lưu VT, QLĐT&ĐBCL.



TS. Cao Thành Lê

Phụ lục 3:**Bảng minh chứng tự đánh giá Chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ**

TT	Tiêu chí	Tiêu chuẩn	Mã minh chứng	Minh chứng sử dụng chung cho các TC,TC	Tên minh chứng	Ghi chú
1	1	1	1.1.01		Chiến lược phát triển của Trường CĐ Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh đến 2020 và những năm tiếp theo; Kế hoạch dự báo phát triển nguồn nhân lực tỉnh Hà Tĩnh giai đoạn 2018 – 2021; Chiến lược phát triển Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh đến năm 2020 và những năm tiếp theo.	
2			1.1.02		Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư dự án xây dựng trường nghề chất lượng cao đến năm 2020 trường Cao đẳng nghề Việt- Đức Hà Tĩnh.	
3			1.1.03		Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020	
4			1.1.04		Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức hoạt động trường 2018, 2021	
5			1.1.05		Báo cáo quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Tĩnh đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2050	
6			1.1.06		Thông báo tuyển dụng của các doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022	
7			1.1.07		Các tập san, tạp chí, tài liệu, tờ rơi, các ấn phẩm giới thiệu về trường, nội dung	

				thông tin trên đài truyền hình; http://www.vdht.edu.vn	
8			1.1.08	Hợp đồng kinh tế quảng bá tuyển sinh 2019, 2020, 2021, 2022	
9			1.1.09	Tổng hợp kết quả rà soát mục tiêu của CTĐT hàng năm nghề CNÔTÔ năm 2020	
10			1.1.10	Kế hoạch số 199/KH-CĐNVĐ ngày 15/04/2017; Số 20/KH-CĐKTVD ngày 15/02/2020 về việc điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo Cao đẳng, trung cấp	
11			1.1.11	Quyết định về việc thành lập Tổ điều chỉnh bổ sung chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
12			1.1.12	Quyết định về việc thành lập hội đồng nghiệm thu chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ 2017, 2020	
13			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021	
14			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
15	2		1.1.04	Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức hoạt động trường năm số 679/QĐ-CĐKTVD ngày 08/11/2018, 2021.	
16			1.2.01	Kế hoạch năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của Khoa Công nghệ ô tô	
17			1.2.02	Quyết định số số 448/QĐ-CĐKTVD ngày 20/08/2018, số 489/QĐ-CĐKTVD ngày 20/08/2019 ngày, số 443/QĐ-CĐKTVD ngày 21/09/2020 về việc giao	

					nhiệm vụ cho các đơn vị	
18			1.2.03		Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
19			1.2.04		Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường	
20			1.2.05		Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
21		3	1.3.01		Quyết định ban hành kèm theo quy chế thu chi nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
22			1.3.02		Quyết định ban hành định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên năm 2019, 2020, 2021, 2022	
23			1.3.03		Quyết định mức thu học phí năm 2019, 2020, 2021, 2022	
24			1.3.04		Quyết định ban hành kèm theo định mức kinh tế kỹ thuật nghề Công nghệ ô tô năm 2019, 2020, 2021, 2022	
25			1.3.05		Báo cáo số lượng học sinh nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
26			1.3.06		Báo cáo tình hình thu ngân sách, sự nghiệp, dịch vụ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
27			1.3.07		Các Biên bản thanh tra, kiểm tra về công tác tài chính năm 2019, 2020, 2021, 2022	

28	2	1	2.1.01		Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp	
29			2.1.02		Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh của trường năm 2019, 2020, 2021, 2022	
30			2.1.03		Kế hoạch tuyển sinh hàng năm 2019, 2020, 2021, 2022	
31			2.1.04		Thông báo tuyển sinh hàng năm 2019, 2020, 2021, 2022	
32			2.1.05		Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh của Trường năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022, 2022-2023	
33			2.1.06		Hồ sơ đăng ký học nghề năm 2019, 2020, 2021, 2022	
34			2.1.07		Các Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021, 2022	
35			2.1.08		Quyết định mở lớp kèm theo danh sách nghề CNÔTÔ các năm 2019-2022 .	
36			2.1.09		Giấy báo trúng tuyển nhập học	
37			2.1.10		Biên bản thanh, kiểm tra công tác tuyển sinh các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
38			2.1.11		Báo cáo tổng kết đánh giá công tác tuyển sinh năm học các năm 2019, 2020, 2021	
39				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020,	

					2021, 2022	
40				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
41	2	2		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	
42				2.2.01	Quyết định ban hành kèm theo Quy chế đào tạo; thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2020	
43				2.2.02	Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
44				2.2.03	Kế hoạch giáo viên hàng năm của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
45				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm từ 2019-2022	
46				2.2.05	Sổ lên lớp năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
47				2.2.06	Giáo án giảng dạy các năm 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
48				2.2.07	Sổ tay nhà giáo các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
49				2.2.08	Kế hoạch kiểm tra hoạt động dạy và học các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
50				2.2.09	Biên bản kiểm tra hoạt động dạy và học các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

51			2.2.10		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
52		3		2.2.02	Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
53				2.2.03	Kế hoạch giáo viên hàng năm của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
54				2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm từ 2019-2022	
55				2.2.05	Sổ lên lớp năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
56				2.2.06	Giáo án giảng dạy các năm 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
57				2.2.07	Sổ tay nhà giáo các năm học 2019 - 2020, 2020 - 2021, 2021-2022	
58			2.3.01		Hồ sơ, hướng dẫn sử dụng Phần mềm quản lý chương trình đào tạo	
59			2.3.02		Danh sách phần mềm ảo mô phỏng thiết bị dạy học thực tế trong giảng dạy nghề CNÔTÔ	
60			2.3.03		Danh sách môn học, mô-đun có ứng dụng phần mềm giảng dạy nghề Công nghệ ô tô	
61			2.3.04		Hình ảnh phần mềm quản lý đào tạo	
62				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

63				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
64		4	2.4.01		Biên bản thỏa thuận giữa nhà trường với doanh nghiệp về thực tập của hssv năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
65			2.4.02		Kế hoạch thực tập của hssv năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
66			2.4.03		Quyết định cử hssv thực tập tại doanh nghiệp kèm theo danh sách năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
67			2.4.04		Quyết định phân công giảng viên hướng dẫn thực tập năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
68			2.4.05		Đề cương thực tập các khóa năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
69			2.4.06		Báo cáo kết quả thực tập của sinh viên năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
70			2.4.07		Quyết định kèm theo Danh sách sinh viên tốt nghiệp năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
71			2.4.08		Quyết định kèm theo danh sách công nhận kết quả rèn luyện năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
72	2	5		2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy chứng nhận đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp.	
73				2.1.02	Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành	

					năm 2019, 2020, 2021, 2022	
74			2.2.01		Quyết định ban hành kèm theo Quy chế đào tạo; thi, xét công nhận tốt nghiệp năm 2017, 2020	
75			2.5.01		Quy định về quản lý, cấp phát văn bằng năm 2019, 2020, 2021, 2022	
76			2.5.02		Bộ ngân hàng đề thi kết thúc môn học/mô-đun của trường	
77			2.5.03		Hồ sơ thi kết thúc môn học/mô-đun năm 2019, 2020, 2021, 2022	
78			2.5.04		Hồ sơ thi tốt nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022	
79				2.4.07	Quyết định kèm theo danh sách công nhận kết quả rèn luyện năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
80			2.5.05		Sổ cấp phát bằng chứng chỉ hàng năm từ 2019-2022	
81			2.5.06		Hồ sơ HSSV các lớp năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
82			2.5.07		QĐ thành lập Hội đồng tiêu hủy bằng, chứng chỉ hỏng năm 2019, 2020, 2021	
83		6	2.6.01		Quy định của trường về việc kiểm tra giám sát dạy học	
84				2.2.02	Kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
85				2.2.03	Kế hoạch giáo viên theo từng học kỳ các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	

86			2.2.04	Thời khoá biểu các năm học 2019 - 2022	
87			2.2.08	Kế hoạch kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
88			2.2.09	Biên bản kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
89			2.6.02	Kế hoạch dự giờ/ phiếu dự giờ năm 2019 - 2022	
90			2.6.03	Báo cáo công tác kiểm tra hồ sơ giảng dạy từ năm 2019 - 2021	
91			2.2.10	Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
92			1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
93			1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường	
94		7	2.7.01	Quy định của nhà trường về đào tạo liên thông	
95			2.1.01	Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; Giấy đăng ký bổ sung hoạt động giáo dục nghề nghiệp	
96			2.1.02	Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tuyển sinh của nhà trường ban hành năm 2019, 2020, 2021, 2022	
97			2.7.02	Quyết định ban hành chương trình đào tạo liên thông nghề Công nghệ ô tô	

98				1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
99				1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường	
100			2.7.03		Báo cáo/ biên bản thanh kiểm tra hoạt động đào tạo liên thông	
101	3	1	3.1.01		Quyết định ban hành kèm theo quy trình đánh giá phân loại nhà giáo, viên chức, người lao động	
102			3.1.02		Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
103			3.1.03		Hồ sơ nhà giáo khoa Công nghệ ô tô	
104			3.1.04		Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
105				1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
106				1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học của trường các học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	Chưa có
107				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
108		2	3.2.01		Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLĐ làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CDKTVĐ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	

109			2.2.02	Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
110			3.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
111			1.2.01	Kế hoạch năm học Khoa Công nghệ ô tô 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
112			3.1.04	Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
113			1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
114			1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường	
115			1.2.05	Quyết định khen thưởng, bằng khen, giấy khen của Khoa Công nghệ ô tô năm học 2018-2019, 2019-2020, 2020-2021	
116		3	3.2.01	Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLĐ làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CDKTVĐ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
117			3.1.02	- Danh sách trích ngang nhà giáo Công nghệ Ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
118			3.1.03	Hồ sơ nhà giáo khoa Công nghệ ô tô	
119			2.2.01	Kế hoạch đào tạo và tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2019-2020,	

					2020-2021, 2021-2022	
120			2.2.02		Kế hoạch phân công giảng dạy Khoa Công nghệ ô tô từ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
121			2.2.04		Thời khóa biểu hàng năm từ 2019-2022	
122			2.1.08		Quyết định mở lớp kèm theo danh sách nghề CNÔTÔ các năm 2019-2022 .	
123			3.3.01		Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo nghề CNÔTÔ năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
124			3.3.02		Bảng Thống kê số giờ giảng của giảng viên các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
125			3.3.03		Bảng thanh toán lương, thanh toán làm thêm giờ của các giảng viên nghề CNÔTÔ	
126			3.3.04		Biên bản thanh kiểm tra hồ sơ giảng dạy giáo viên của khoa/tổ chuyên môn năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
127			3.3.05		Báo cáo kết quả kiểm tra hồ sơ giảng dạy giáo viên của khoa/tổ chuyên môn năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
128			2.2.10		Báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát hoạt động dạy và học của trường các năm 2019, 2020, 2021	

129		4	3.4.01		Các Quyết định về việc ban hành Quy chế hoạt động NCKH và công nghệ trong Trường Cao đẳng Việt – Đức Hà Tĩnh năm 2019, 2020, 2021, 2022	
130				1.3.01	Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
131			3.4.02		Quyết định khen thưởng; giấy khen cá nhân đạt giải thưởng các hội thi năm 2019, 2020, 2021, 2022	
132				3.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
133			3.4.03		Danh sách giảng viên (cơ hữu) giảng dạy các môn chuyên ngành tham gia nghiên cứu khoa học, các hội thi dạy nghề, thội thi thiết bị đào tạo tự làm.	
134			3.4.04		Kế hoạch của trường về công tác tổ chức/ tham gia hội thi thiết bị đào tạo tự làm các cấp các năm 2019 -2022	
135			3.4.05		Kế hoạch tổ chức/tham gia hội giảng nhà giáo GDNN các cấp các năm 2019 - 2022	
136			3.4.06		Danh sách giảng viên tham gia hội giảng nhà giáo GDNN các cấp các năm 2019 -2022	
137			3.4.07		Hồ sơ bài giảng /hình ảnh giảng viên tham gia hội giảng	
138			3.4.08		Kết quả tham gia hội giảng các cấp 2019- 2022	

139			3.4.09		Kế hoạch công tác nghiên cứu khoa học năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
140			3.4.10		Hồ sơ nghiên cứu khoa học các năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
141			3.4.11		Các quyết định công nhận kết quả đề tài các đề tài nghiên cứu khoa học, cấp trường trở lên năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
142		5		3.2.01	Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CDKTVĐ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
143				1.3.01	Quyết định ban hành kèm theo quy chế thu chi nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
144			3.5.01		Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng các năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 .	
145			3.5.02		Các Quyết định cử nhà giáo tham gia các khóa học tập, bồi dưỡng và danh sách kèm theo.	
146			3.5.03		Các hình ảnh giáo viên tham các lớp tập huấn, khóa học tập, chương trình tham quan học tập từ năm 2019– 2022	
147			3.5.04		Báo cáo kết quả thực hiện công tác học tập bồi dưỡng của trường các năm 2019-2022	
148			3.5.05		Bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận của các lớp tập huấn năm 2019, 2020, 2021, 2022	

149				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
150		6		3.1.02	Danh sách trích ngang nhà giáo Khoa Công nghệ ô tô năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
151				3.1.03	Hồ sơ quản lý nhà giáo khoa CN ÔTÔ	
152			3.6.01		Quyết định cử giáo viên nghề đi bồi dưỡng, thực tập tại doanh nghiệp	
153			3.6.02		Báo cáo kết quả học tập của giáo viên nghề CN Ô TÔ sau khi tham gia thực tập thực tế từ năm 2019 - 2022	
154				3.2.01	Quyết định ban hành kèm theo quy định chế độ làm việc của VC, NLD làm việc hành chính và nhà giáo giáo dục nghề nghiệp tại trường CDKTVĐ năm 2018, 2019, 2020	
155				1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
156				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
157		7	3.7.01		Quyết định ban hành Quy định về điều kiện, tiêu chuẩn bổ nhiệm, miễn nhiệm, luân chuyển, từ chức đối với công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý trực thuộc Trường Cao đẳng Kỹ Thuật Việt – Đức Hà Tĩnh	
158			3.7.02		Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo CD CNÔTÔ.	

159			3.7.03		Hồ sơ cán bộ của cán bộ quản lý và nhân viên chức thực hiện chương trình CD CNÔTÔ	
160			3.7.04		Hồ sơ bổ nhiệm Trưởng khoa, phó trưởng Khoa Công nghệ ô tô	
161		8		3.7.02	Danh sách trích ngang đội ngũ cán bộ quản lý và nhân viên trực tiếp tổ chức thực hiện chương trình đào tạo CD CNÔTÔ	
162				3.1.04	Quyết định về việc công nhận kết quả đánh giá xếp loại nhà giáo, viên chức năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
163				3.8.01	Bản chụp khen thưởng của Cán bộ, quản lý Khoa Công nghệ ô tô năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020-2021	
164				3.8.02	Các Quyết định của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng nghề Việt - Đức Hà Tĩnh về việc khen thưởng viên chức và người lao động năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020-2021	
165				1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
166				1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học của trường các năm học 2018 - 2019, 2019 -2020, 2020-2021	
167	4	1		4.1.01	Kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, xây dựng, thẩm định chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019	
168				4.1.02	Các Quyết định thành lập Ban chủ nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019	

169			4.1.03		Quyết định ban hành và công bố chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019	
170			4.1.04		Quyết định ban hành kèm theo quy trình về xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo	
171			4.1.05		Kế hoạch xây dựng, lựa chọn chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
172			4.1.06		Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
173			4.1.07		Biên bản họp hội Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
174			4.1.08		Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
175			4.1.09		Phiếu góp ý/ phiếu phản biện	
176			4.1.10		Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét	
177				1.1.03	Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020	
178			4.1.11		Quyết định về việc lựa chọn chương trình, giáo trình đào tạo các môn chung trình độ Cao đẳng, trình độ Trung cấp năm 2017, 2020	

179			4.1.12		Danh sách trích ngang các thành viên ban biên soạn và Hội đồng thẩm định chương trình nghề CN Ô TÔ	
180		2		4.1.06	Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
181				4.1.07	Biên bản họp hội Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020;	
182				4.1.08	Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định CTĐT nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020	
183				4.1.09	Phiếu góp ý/ phiếu phản biện	
184				4.1.010	Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét	
185			4.2.01		Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
186		3		1.1.03	Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020	
187				4.1.03	Quyết định ban hành và công bố chuẩn đầu ra nghề CN Ô TÔ năm 2017 và 2019	
188				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
189				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021	

190			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021	
191	4		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
192			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
193			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021	
194			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021	
195	5		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
196		4.5.01		Bảng tổng hợp danh mục thiết bị hiện có đào tạo CNÔTÔ	
197		4.5.02		Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	
198		4.5.03		Sổ tài sản cố định hàng năm	
199		4.5.04		Báo cáo việc quản lý và sử dụng cơ sở vật chất, tài sản năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
200		4.5.05		Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
201			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

202			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
203	6		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
204			4.1.03	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra chương trình đào tạo Nghề Công nghệ ô tô trình độ Cao đẳng	
205		4.6.01		Các mẫu đề thi đánh giá kết quả học tập (kiến thức, kỹ năng) sau khi học xong các môđun/môn học	
206		4.6.02		Các mẫu phiếu chấm thực hành	
207			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
208			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
209			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
210	7		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
211			4.1.03	Quyết định ban hành chuẩn đầu ra cho nghề CNÔTÔ trình độ Cao đẳng	
212			4.1.09	Phiếu góp ý/ phiếu phản biện	
213			4.1.10	Các biên bản thẩm định CTĐT, kèm Phiếu nhận xét	
214			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

215			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
216			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022,	
217	8		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
218			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
219			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
220			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
221	9		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
222		4.9.01		Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun	
223		4.9.02		Bản in các giáo trình của mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ	
224	10		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
225		4.10.01		Kế hoạch biên soạn (lựa chọn,điều chỉnh) giáo trình;	
226		4.10.02		QĐ thành lập Ban biên soạn, chỉnh sửa giáo trình đào tạo nghề CNÔTÔ các năm 2017, 2020	
227		4.10.03		Quyết định thành lập hội đồng thẩm định giáo trình	
228		4.10.04		Phiếu góp ý/phiếu phản biện	

229			4.10.05		Biên bản thẩm định giáo trình	
230			4.10.06		Quyết định phê duyệt đưa vào sử dụng giáo trình đào tạo nghề CNÔTÔ	
231				4.9.01	Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun	
232				4.9.02	Bản in các giáo trình của mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ	
233		11		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ	
234				4.9.01	Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun	
235				4.9.02	Bản in các giáo trình của mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ	
236				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
237				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
238				4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
239		12		1.1.03	Quyết định ban hành kèm Chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2017, 2020	
240				4.9.01	Danh mục giáo trình sử dụng cho các môn học, mô đun	
241				4.9.02	Bản in các giáo trình của mô-đun, môn học của nghề CNÔTÔ	
242				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
243				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

244				4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
245	5	1	5.1.01		Quyết định số 1471/QĐ/LĐTBXH ngày 15 tháng 9 năm 2017 của BLĐTBXH về việc đổi tên trường Cao đẳng nghề Việt – Đức thành trường Cao đẳng kỹ thuật Việt – Đức	
246			5.1.02		Quyết định số 211/QĐ-TTg ngày 13 tháng 03 năm 2000 về việc cấp và công nhận quyền sử dụng Đất của trường	
247			5.1.03		Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 919/2002 của UBND tỉnh Hà Tĩnh cấp ngày 03/02/2002	
248			5.1.04		Hồ sơ thiết kế, xây dựng mặt bằng khuôn viên trường; Hồ sơ hoàn công các khối công trình phục vụ đào tạo	
249				3.3.01	Bảng thống kê tỉ lệ quy đổi người học/ nhà giáo nghề CNÔTÔ	
250			5.1.05		Hình ảnh về các phòng học, xưởng thực hành nghề CNÔTÔ	
251			5.1.06		Hợp đồng mua bán điện với công ty điện lực Hà Tĩnh	
252			5.1.07		Hóa đơn thu tiền điện năm 2019-2022	
253			5.1.08		Hồ sơ thiết kế kỹ thuật trạm biến áp 180KVA	
254			5.1.09		Hợp đồng mua bán nước với công ty cấp nước Hà Tĩnh	
255			5.1.10		Hóa đơn thu tiền nước năm 2019-2022	

256			5.1.11		Phiếu kết quả kiểm nghiệm nguồn nước ăn uống và sinh hoạt của Công ty cổ phần nước sạch	
257				2.1.08	Các Quyết định mở các lớp Cao đẳng CNÔTÔ các năm 2019 -2022	
258			5.1.12		Bảng thống kê số lượng phòng học, xưởng thực hành phục vụ chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ	
259			5.1.13		Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa;	
260			5.1.14		Báo cáo đánh giá về điều kiện phòng học lý thuyết, thực hành năm học 2019 - 2020, 2020-2021, 2021-2022	
261			5.1.15		Bản vẽ thi công trạm xử lý nước thải	
262			5.1.16		Sơ đồ thu gom rác thải của toàn trường	
263			5.1.17		Hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải	
264			5.1.18		Quyết định về phân công giáo viên phụ trách các xưởng thực hành, phòng học chuyên môn;	
265				4.5.03	Sổ theo dõi tài sản cố định;	
266			5.1.19		Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm	
267			5.1.20		Đề xuất của khoa/ giảng viên về bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	

268			5.1.21		Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm;	
269			5.1.22		Biên bản thanh tra, kiểm tra đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học	
270				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
271				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
272		2		5.1.14	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa	
273				4.5.01	Bảng tổng hợp danh mục thiết bị hiện có đào tạo CNÔTÔ	
274				4.5.02	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	
275				4.5.03	Sổ theo dõi tài sản cố định	
276				4.5.04	Báo cáo theo dõi tài sản cố định hàng năm của trường	
277				4.5.05	Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
278				5.1.20	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm	
279				5.1.21	Đề xuất của khoa/ giảng viên về bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	

280			5.1.22	Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm;	
281			5.1.23	Biên bản thanh tra, kiểm tra đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học	
282			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
283			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
284	3		5.1.14	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa	
285			4.5.02	Bảng so sánh, đối chiếu danh mục thiết bị đào tạo hiện có của trường với danh mục thiết bị đào tạo tối thiểu do Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành	
286			4.5.04	Báo cáo tài sản cố định hàng năm của trường	
287			4.5.05	Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021	
288		5.3.01		Thống kê số lượng người học tại mỗi lớp học cao đẳng của nghề CNÔTÔ năm học 2018-2019, 2019 -2020, 2020-2021	
289			2.1.07	Các Quyết định về việc phê duyệt danh sách trúng tuyển năm 2019, 2020, 2021, 2022	
290			2.1.08	Quyết định mở lớp kèm theo danh sách nghề CNÔTÔ các năm 2019-2022 .	

291			2.1.09	Giấy báo trúng tuyển nhập học	
292			2.2.02	Kế hoạch đào tạo và Tiến độ đào tạo của nghề CNÔTÔ các năm 2018- 2019, 2019-2020, 2020-2021	
293			2.2.04	Thời khóa biểu hàng năm từ 2019-2022	
294			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
295			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
296		4	5.4.01	Sơ đồ bố trí các thiết bị dạy nghề trong xưởng thực hành	
297			5.4.02	Hình ảnh lắp đặt các thiết bị và đồ dùng dạy học	
298			5.4.03	Nội quy phòng học, xưởng thực hành	
299			5.1.14	Danh mục thiết bị đào tạo tại các phòng và yêu cầu công nghệ của thiết bị đào tạo đối với phòng học, xưởng thực hành, phòng học chuyên môn hóa	
300			5.1.18	Quyết định số 435/QĐ-CĐKTVĐ, Quyết định số 436/QĐ-CĐKTVĐ, Quyết định số:438/QĐ-CĐKTVĐ ngày 16/08/2018 về việc cử giáo viên làm quản lý xưởng	
301			5.4.04	Biên bản kiểm tra công tác an toàn, vệ sinh công nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022	
302			4.5.03	Sổ theo dõi tài sản cố định	

303			5.4.05		Các Quyết định Ban hành quy định quản lý và bảo trì, bảo dưỡng thiết bị cơ sở vật chất-kèm quy định	
304				5.1.19	Kế hoạch bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm	
305				5.1.20	Đề xuất của khoa/ giảng viên về bảo trì, bảo dưỡng thiết bị	
306				5.1.22	Báo cáo công tác bảo trì, bảo dưỡng thiết bị hàng năm	
307				5.1.21	Biên bản thanh tra, kiểm tra đánh giá về tình trạng hoạt động và hiệu quả sử dụng thiết bị và đồ dùng dạy học	
308				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
309				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
310		5	5.5.01		Quyết định về việc thành lập BCN xây dựng định mức kinh tế kỹ thuật Nghề CNÔTÔ trình độ Cao đẳng của trường CĐKT Việt – Đức Hà Tĩnh 2019, 2020, 2021	
311			5.5.02		Quyết định về việc thành lập Hội đồng thẩm định định mức Kinh tế kỹ thuật nghề CNÔTÔ trình độ Cao đẳng của trường CĐKT Việt – Đức Hà Tĩnh	
312			5.5.03		Quyết định số 207/QĐ-CĐKTVD ngày 01 tháng 11 năm 2017 về việc ban hành Quy trình mua sắm, thanh toán, quản lý, cấp phát và sử dụng vật tư thực hành trong đào tạo tại trường Cao Đẳng Kỹ thuật Việt - Đức Hà Tĩnh	
313			5.5.04		Thông báo kế hoạch chuẩn bị vật tư cho năm học 2019-2020, 2020-2021,	

				2021-2022;	
314		5.5.05		Bảng tổng hợp đề xuất vật tư năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
315		5.5.06		Sổ cấp phát vật tư thực thực hành nghề Công nghệ ô tô năm 2019, 2020, 2021	
316			1.3.01	Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
317		5.5.07		Biên bản bàn giao trang thiết bị, vật tư cho Khoa Công nghệ ô tô năm 2019, 2020, 2021	
318			4.5.05	Biên bản kiểm kê công cụ, dụng cụ tài sản cố định nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021	
319		5.5.08		Báo cáo công tác quản lý, cấp phát, sử dụng vật tư, vật liệu phục vụ đào tạo 2019, 2020, 2021	
320			1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
321			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
322	6		1.1.03	Quyết định ban hành kèm theo Chương trình đào tạo nghề Công nghệ ô tô năm 2017, 2020	
323		5.6.01		Bảng kê danh mục môn học/mô đun chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ	
324			4.10.06	Quyết định phê duyệt đưa vào sử dụng giáo trình nghề CNÔTÔ	

325			5.6.02		Bảng kê danh mục giáo trình Cao đẳng Công nghệ ô tô	
326			5.6.03		Bảng kê danh mục giáo trình, sách, tạp chí, tài liệu tham khảo hàng năm tại thư viện;	
327				4.9.02	Bản in các giáo trình của các mô-đun, môn học của CTĐT Cao đẳng Công nghệ ô tô	
328			5.6.04		Thống kê số lượng người học nghề trong 3 năm 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
329			5.6.05		Danh mục giáo trình nghề đã được số hóa	
330			5.6.06		Danh mục tài liệu tham khảo đã được số hóa	
331				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
332				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
333		7	5.7.01		Danh mục thiết bị, máy tính tại thư viện	
334			5.7.02		Quyết định số 425 ngày 01/08/2017 ban hành quy định đối với độc giả và nội qui, quy chế hoạt động của thư viện	
335			5.7.03		Quyết định số 941/QĐ CDKTVĐ ngày 31 tháng 12 năm 2019 về việc điều động viên chức đến công tác tại thư viện	
336			5.7.04		Nội quy của thư viện; Lịch làm việc của thư viện Trường	

337			5.7.05		Sổ theo dõi mượn sách, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu, tra cứu tài liệu của Thư viện	
338			5.7.06		Danh mục tra cứu sách, giáo trình, sách tham khảo, tài liệu, bảng giới thiệu sách tham khảo của Thư viện Trường	
339			5.7.07		Báo cáo kết quả hoạt động của Thư viện năm 2019, 2020, 2021, 2022	
340			5.7.08		Báo cáo kiểm kê số lượng sách hàng năm của thư viện năm học 2019 – 2020, 2020 – 2021, 2021-2022	
341			5.7.09		Hồ sơ Phần mềm quản lý và tra cứu tài liệu được sử dụng tại thư viện	
342			5.7.10		Cơ sở dữ liệu điện tử của thư viện điện tử	
343			5.7.11		Hướng dẫn sử dụng thư viện điện tử của thư viện	
344				5.6.05	Danh mục giáo trình nghề đã được số hóa	
345				5.6.06	Danh mục tài liệu tham khảo đã được số hóa	
346				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
347				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
348		8	5.8.01		Danh sách phần mềm ảo mô phỏng dạy học thực tế trong giảng dạy	
349			5.8.02		Bài giảng, giáo án thể hiện ứng dụng phần mềm mô phỏng các môn học, mô-	

					đun nghề CNÔTÔ	
350			5.8.03		Danh sách các môn học, mô đun ứng dụng phần mềm giảng dạy.	
351	6	1	6.1.01		Các tài liệu cung cấp cho người học khi nhập học và trong quá trình học.	
352				2.5.01	Quyết định ban hành kèm theo Quy chế tổ chức đào tạo; thi, kiểm tra, xét công nhận tốt nghiệp của trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức năm 2017	
353			6.1.02		Quyết định số 651/QĐ-CĐKTVĐ ngày 21/11/ 2017 V/v ban hành quy chế công tác HSSV hệ chính quy của Trường CĐKTVĐ kèm theo quy chế; Quyết định số: 719/QĐ-CĐKTVĐ, ngày 21/11/2018. Về việc Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên hệ chính quy của Trường Cao đẳng Kỹ thuật Việt – Đức Hà Tĩnh	
354				1.3.01	Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
355			6.1.03		Quyết định số 642/QĐ-CĐKTVĐ ngày 12/12/ 2017 V/v ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV Trường CĐKTVĐ	
356			6.1.04		Báo cáo kết quả phổ biến các quy chế, cung cấp thông tin về kế hoạch đào tạo, chương trình đào tạo, Tuần sinh hoạt đầu khóa, giáo dục định hướng cho HSSV năm học 2018 – 2019, 2019 – 2020, 2020-2021	
357			6.1.05		Hình ảnh HSSV sinh hoạt đầu khóa năm học 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022	

358			6.1.06		Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm các lớp nghề các năm học 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022	
359			6.1.07		Các quyết định về thực hiện chế độ miễn giảm học phí, khen thưởng, cấp học bổng đối với HSSV nghề năm học 2019 – 2020, 2020-2021, 2021-2022	
360				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
361				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
362		2	6.2.01		Thông báo V/v thu học phí hệ chính quy năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 ; Thông báo V/v làm hồ sơ miễn giảm học phí theo quy định năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 ; Thông báo V/v truy thu học phí năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
363				6.1.03	Quyết định số 642/QĐ-CĐKTVĐ ngày 12/12/ 2017 V/v ban hành quy định về học bổng khuyến khích học tập đối với HSSV Trường CĐKTVĐ	
364			6.2.02		Danh sách của HSSV được xác nhận vay tiền ngân hàng để học tập năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
365			6.2.03		Mẫu giấy xác nhận của Trường	
366			6.2.04		Danh sách HSSV được miễn giảm học phí các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
367				1.3.01	Quyết định Ban hành kèm theo Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2019, 2020, 2021, 2022	

368			6.1.07	Các quyết định về thực hiện chế độ miễn giảm học phí, khen thưởng, cấp học bổng đối với HSSV nghề năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
369			6.2.05	Quyết định phân công nhiệm vụ giáo viên chủ nhiệm các lớp năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
370			6.1.06	Hồ sơ sinh hoạt chủ nhiệm các lớp nghề các năm 2019, 2020, 2021	
371			6.2.06	Kế hoạch tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV các năm 2019, 2020, 2021	
372			6.2.07	Danh sách các đại diện của các doanh nghiệp tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động tại trường các năm 2019, 2020, 2021	
373			1.1.06	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
374			6.2.08	Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại trường từ 2019-2022	
375			1.2.03	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của khoa	
376			1.2.04	Báo cáo tổng kết năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 của trường	
377		3	6.2.06	Kế hoạch tổ chức tư vấn việc làm cho HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
378			6.2.07	Danh sách các doanh nghiệp tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động tại trường các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

379			1.1.06	Thông báo tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
380			6.2.08	Một số hình ảnh về việc tư vấn việc làm và tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp trong và ngoài nước tại trường các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
381		6.3.01		Danh sách HSSV nghề CNÔTÔ đăng ký tuyển dụng và có việc làm các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
382			6.2.06	Kế hoạch tổ chức hội chợ việc làm năm học 2019, 2020, 2021, 2022	
383		6.3.02		Báo cáo kết quả tổ chức Hội chợ việc làm 2019, 2020, 2021, 2022	
384		6.3.03		Kế hoạch lễ bế giảng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022 .	
385		6.3.04		Thư mời các DN tham gia dự bế giảng và ngày hội tư vấn giới thiệu việc làm năm 2019, 2020	
386			6.2.07	Danh sách các doanh nghiệp tham gia tuyển dụng năm học 2019-2020, 2020-2021, 2021-2022	
387			1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
388			4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
389		6.3.05		Báo cáo kết quả điều tra lần vết HSSV ra trường các năm 2019,2020,2021.	
390	4	6.4.01		Hình ảnh thực tế các khu thể dục thể thao, nhà thi đấu đa năng, khu sinh hoạt	

					văn hóa, văn nghệ.	
391			6.4.02		Các kế hoạch tổ chức các hoạt động văn nghệ, thể thao cho HSSV từ 2019-2022;	
392			6.4.03		Các kế hoạch tổ chức các hoạt động xã hội cho HSSV từ 2019-2022	
393			6.4.04		Quyết định khen thưởng các hoạt động phong trào trong HSSV từ năm 2019-2022	
394			6.4.05		Quyết định thành lập các câu lạc bộ trong HSSV	
395			6.4.06		Hình ảnh hoạt động của các câu lạc bộ	
396			6.4.07		Báo cáo kết quả tổ chức các hoạt động phong trào văn nghệ, thể dục thể thao, hoạt động xã hội cho HSSV từ năm 2019-2022	
397				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
398	7	1	7.1.01		Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022	
399			7.1.02		Danh sách các đơn vị sử dụng lao động có HSSV tốt nghiệp của trường làm việc được thu thập thông tin các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
400			7.1.03		Phiếu khảo sát thu thập thông tin các đơn vị sử dụng lao động các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
401				4.2.01	Tổng hợp ý kiến của doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	

402			7.1.04		Báo cáo kết quả khảo sát Doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
403		2		2.4.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV đã tốt nghiệp nghề công nghệ ô tô từ năm 2019-2021	
404			7.2.01		Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019- 2022	
405			7.2.02		Phiếu điều tra việc làm của HSSV đã tốt nghiệp từ 2019- 2022	
406			7.2.03		Danh sách HSSV điều tra lần vết và số điện thoại liên hệ	
407			7.2.04		Báo cáo kết quả điều tra lần vết HSSV ra trường năm các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
408		3	7.3.01		Kế hoạch khảo sát cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022	
409			7.3.02		Phiếu khảo sát cán bộ quản lý , nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022	
410			7.3.03		Danh sách cán bộ quản lý, nhà giáo, viên chức và người lao động của trường năm 2020, 2021, 2022	
411				1.1.13	Tổng hợp ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
412			7.3.04		Báo cáo kết quả khảo sát thu thập ý kiến của ban bộ nhà giáo, cán bộ quản lý các năm 2020, 2021, 2022	

413		4	7.4.01		Kế hoạch khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022	
414			7.4.02		Phiếu khảo sát HSSV năm 2020, 2021, 2022	
415			7.4.03		Danh sách HS nghề công nghệ ô tô từ năm 2020, 2021, 2022	
416			7.4.04		Danh sách HSSV được khảo sát năm 2020, 2021, 2022	
417				1.1.14	Tổng hợp ý kiến của HSSV các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
418			7.4.05		Báo cáo kết quả khảo sát HSSV các năm 2020, 2021, 2022	
419		5	7.5.01		Quyết định thành lập hội đồng tự đánh giá chất lượng giáo dục nghề nghiệp 2019, 2020, 2021, 2022	
420			7.5.02		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
421			7.5.03		Thông báo kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ 2019, 2020, 2021, 2022	
422			7.5.04		Biên bản công khai kết quả tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo Cao đẳng CNÔTÔ 2019, 2020, 2021, 2022	
423			7.5.05		Báo cáo tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
424		6		7.5.02	Kế hoạch tự đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các nghề CNÔTÔ năm	

					2019, 2020, 2021, 2022	
425			7.5.03		Báo cáo tự đánh giá chất lượng CTĐT nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
426			7.6.01		Quyết định thành lập Hội đồng tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021	
427			7.6.02		Kế hoạch tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021	
428			7.6.03		Báo cáo kết quả tự đánh giá chất lượng trường năm 2019, 2020, 2021	
429			7.6.04		Kế hoạch cải thiện nâng cao chất lượng sau tự đánh giá của nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021, 2022	
430			7.6.05		BC kết quả cải thiện nâng cao chất lượng sau tự đánh giá của nghề CNÔTÔ năm 2019, 2020, 2021	
431			7.			
432		7		2.4.07	Quyết định công nhận tốt nghiệp và danh sách HSSV đã tốt nghiệp từ 2019-2022	
433				7.2.01	Kế hoạch khảo sát lần vết năm 2019-2022	
434				7.2.02	Phiếu khảo sát việc làm của HSSV đã tốt nghiệp 2019-2022	
435				7.2.03	Danh sách HSSV điều tra lần vết và số điện thoại liên hệ	

436				7.2.04	Báo cáo kết quả điều tra lần vết HSSV ra trường năm các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
437		8		7.1.01	Kế hoạch khảo sát doanh nghiệp năm 2019, 2020, 2021, 2022	
438				7.1.02	Danh sách các đơn vị sử dụng lao động là HSSV tốt nghiệp của trường được thu thập thông tin các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
439				7.1.03	Phiếu khảo sát thu thập thông tin các đơn vị sử dụng lao động các năm 2019, 2020, 2021, 2022	
440				7.1.04	Báo cáo tổng hợp kết quả khảo sát Doanh nghiệp các năm 2019, 2020, 2021, 2022	